Thu Giang
Nguyễn Duy Cần



LÃO TỬ ĐẠO ĐỨC KINH



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

(…) "Ông chỉ viết có một quyển rất vắn tắt: ĐẠO ĐỨC KINH. Vài dòng chữ hợp thành quyển sách ấy chứa đựng tất cả sự khôn ngoan trên quả đất này."

(Il n'écrivit qu'un livre très bref: le livre de la voie et de la vertu. Les quelques lignes qui le composent contiennent toute la sagesse de cette terre.) - RENÉ BER TRAND (Sagesse Perdue, P.305) -

"Lão Tử đâu phải chỉ sống cho nước Trung Hoa và thời buổi của ông mà thôi; ông là một trong những bậc thầy thuần túy nhất và sâu sắc nhất của nhân loại."

(Lao Tsé n'a pas vécu seulement pour la Chine et pour son époque; il est un des ma tres les plus purs et les plus profonds de l'Humanité.) - E. V. ZENKER (Hist. de la Philos. Chinoise, P.108) -

知 者 不 言

Tri giả bất ngôn 言 者 不 知

Ngôn giả bất tri *Biết, thì không nói; Nói, là không biết.*

道 德 經 - ĐẠO ĐỨC KINH -

吾今見老子其猶龍耶!

（孔子）

"Nay ta thấy Lão Tử như con rồng!"

Khổng Tử

(Theo *Sử Ký* - Tư Mã Thiên)

LỜI NÓI ĐẦU

I. LƯỢC SỬ LÃO TỬ

Theo Sử Ký 史記 Tư Mã Thiên 司馬遷, Lão Tử là người nước Sở 楚, huyện Khổ 苦, làng Lệ 厲, xóm Khúc Nhân 曲 仁, ở tỉnh Hồ Nam bây giờ.

Ông họ Lý 李, tên Nhĩ 耳, tự là Bá Dương 伯陽, thụy là Đam 聃.

Ông làm quan giữ tàng thất nhà Châu.



Khổng Tử đến Châu, hỏi Lễ. Lão Tử nói: *"Lời nói của ông là lời nói của những kẻ nay đã xương tàn cốt rụi. Vả, người quân tử đắc thời thì đi xe, không đắc thời thì tay vịn nón lá mà đi chơn. Ta nghe rằng: Kẻ buôn giỏi khéo giữ của quý như không có gì, người quân tử đức thạnh, dung mạo dường như kẻ ngu. Họ khác với cái kiêu khí và đa dục của ông, thái sắc và dâm chí ấy không ích gì cho thân ông cả. Tôi sở dĩ bảo cho ông biết có bấy nhiêu thôi"*.

Khổng Tử ra về, bảo với đệ tử: *"Chim, ta biết nó bay như thế nào; cá, ta biết nó lội làm sao; thú, ta biết nó chạy cách nào. Thú chạy, thì ta có lưới bắt nó; cá lội, thì ta có dây câu ví nó; chim bay, thì ta có bẫy gài nó. Chí như con rồng, thì ta không biết nó theo mây theo gió mà bay liệng như thế nào. Nay ta thấy Lão Tử như con rồng!"* (吾今見老子其猶龍耶!)



Ở Châu lâu, sau thấy Châu suy, nên bỏ mà đi. Đến cửa quan, quan lệnh là Doãn Hỉ 尹喜 nói: *"Ngài toan đi ẩn, xin gượng vì tôi để lại bộ sách"*.

Lão Tử ở lại, soạn ra bộ sách, ý nói về Đạo Đức, phân làm hai thiên, gồm có trên 5000 lời. Rồi bỏ đó mà đi, không biết chung cuộc đời ngài như thế nào.



Câu chuyện hỏi Lễ trên đây rất có thể là một chuyện bịa đặt có tính cách ngụ ngôn. Nhưng ý vị của nó đáng cho ta chú ý: nó miêu tả được sự khác nhau giữa hai lập trường tư tưởng vô vi và hữu vi của hai nhà đại tư tưởng đã thay phiên nhau ngự trị tâm hồn người Trung Hoa trên mấy mươi thế kỷ.

II. NHỮNG BẢN DỊCH SÁCH LÃO TỬ

Từ trước đến giờ, theo chỗ riêng biết của tôi, ở Việt Nam chưa có một bản dịch nào về sách của Lão Tử, trừ ra bản của Nghiêm Toản tiên sinh vừa cho xuất bản trong năm; và cũng chỉ mới được 37 chương đầu mà thôi.

Lối dịch của tôi có khác với các bản dịch mà tôi đã biết. Đạo Đức Kinh có thể gọi là một tập cách ngôn bằng thơ, không phải là một lối thơ như thơ Đường có những quy luật hẳn hòi, mà là một lối thơ tự do xuất phát tự một tâm hồn thuần phác tự nhiên, đối nhau vanh vách. Có đoạn lại dùng như văn xuôi, nhưng nhạc điệu vẫn còn phảng phất.

Vì vậy, tôi hết sức cố gắng để giữ gìn được khí văn. Tuy nhiên, muốn lột được tư tưởng bên trong, tôi cũng không ngại thoát văn mà giữ ý, cố làm sao đọc qua dễ hiểu. Nếu chỉ dịch sát theo câu văn, thì dịch ra không ích gì, thà để nguyên câu Hán văn rồi giải nghĩa và tán rộng còn hơn.



Một học giả người Âu có khuyên ta cách đọc sách Lão Tử như vầy: *"Ce qui importe, ce n'est pas ce qu'il nous dit, mais ce qu'il nous suggère…" (Quan trọng nhất, không phải những gì trong sách ấy nói với mình, mà là những gì trong sách ấy đã khêu gợi được nơi lòng mình)*.

Câu nói này thật là thâm thúy và tỏ ra là người đã hiểu rất sâu sắc tinh thần Đạo học của Đông phương. Trong quyển Văn Minh Đông Phương Và Tây Phương tôi cũng đã có nói: *"Sự hiểu biết theo người Đông phương là sự hiểu biết do mình tìm ra, hoặc nhờ bên ngoài khêu gợi mà khải phát, và chính sự hiểu biết ấy mới thật là hiểu biết (…).*

Sách vở kinh điển của Đông phương vì thế phần nhiều dùng một lối hành văn rất vắn tắt, không lý luận, không minh chứng dài dòng… cốt cho kẻ học hỏi phải vận dụng công phu suy nghĩ mà lắng nghe cái tiếng dội nơi sâu thẳm của lòng mình. Họ chỉ khêu gợi thôi, chứ không cốt để truyền bá tư tưởng của họ… Dụng ý của họ là để tạo cái học bề sâu… Sự tối tăm của câu văn có cái hấp dẫn của nó là kích thích óc tò mò, sự tìm hiểu ẩn ý của người viết và nhân đó, giải phóng những tiềm lực sâu thẳm của lòng

mình… Không khác nào ánh sáng thái dương giúp cho trăm hoa đua nở, nhưng cây hoa nào trổ hoa nấy".

Vì vậy, chú giải của các học giả Trung Hoa, Nhật Bản từ xưa đến nay rất nhiều mà phần đông không giống nhau: mỗi nhà mỗi hiểu một cách. Các bản dịch của các học giả Âu châu cũng rất nhiều, riêng bản dịch bằng Pháp văn, theo H. Maspéro, có trên 60 bản, nhưng không bản nào giống bản nào cả. Mỗi người mỗi dịch theo sự hiểu biết của mình. Như ta đã thấy ở trên, thì sự khác nhau giữa các bản dịch không phải là điều quá quan trọng.

Bản dịch hôm nay của tôi đã khởi thảo từ năm 1935 và đã được đăng tải trong tạp chí *Nay* khoảng 1937. Và cũng chỉ đăng được một nửa mà thôi. Từ đó đến nay, bản thảo đã được nhiều lần sửa chữa, và tôi mong ước mỗi năm lại được sửa thêm một lần cho đến chừng nào thật vừa ý sẽ hay.

Thế mà hôm nay lại bằng lòng cho in nó ra, vì xét rằng bản dịch nào cũng không sao bảo đảm sẽ dịch sát được nguyên ý của Lão Tử, nên cho xuất bản cũng là một cơ hội để được lĩnh giáo những bậc cao minh trong Đạo học.



Okakura Kakuzo, trong quyển Le Livre Du Thé cũng có viết: *"Một bản dịch luôn luôn là một phản bội, và như một văn sĩ nhà Minh đã nói, dù bản dịch có hay đến bậc nào, cũng chỉ như bề trái của một miếng gấm thêu, chỉ thêu vẫn y nguyên, nhưng không còn cái sắc sảo tinh vi của đường kim mũi chỉ, của màu sắc và hình họa…*

… Bậc thánh trí ngày xưa không bao giờ trình bày học thuyết của mình bằng sự quả quyết một chiều. Họ nói toàn bằng giọng nghịch thuyết, mâu thuẫn, là vì họ sợ đưa ra những chân lý nửa chừng. Họ khởi đầu nói như người điên (trái với chân lý thông thường), nhưng rồi kẻ nghe họ nói, lại trở thành người ngoan. Với cái giọng đùa cợt rất tế nhị, Lão Tử cũng nói: Hạ sĩ văn Đạo, đại tiếu chi. Bất tiếu, bất túc dĩ vi Đạo. (Kẻ sĩ bậc thấp, nghe nói đến Đạo là cười to lên. Không cười, sao đủ gọi đó là Đạo!)"

III. HỌC THUYẾT LÃO TỬ

Kể ra học thuyết của Lão Tử không phải là thật khó hiểu nếu ta quan niệm nó bằng trực giác. Sự khó khăn của nó là chỗ đem ra mà bày giải… Lão Tử há đã chẳng nói: *"Tri giả bất ngôn, ngôn giả bất tri"* (知者不言，言者 不知). Đem nó mà giảng giải, bằng những danh từ của giới nhị nguyên thì thật là vô cùng hiểm trở.

Đạo 道 là gì? Đối với Lão Tử, danh từ này lại có một nghĩa mới mẻ mà từ trước chưa hề có. Có lẽ Lão Tử là người đầu tiên trong những triết gia Trung Quốc đã dùng chữ Đạo 道 để chỉ cái nguyên lý tuyệt đối đã có từ trước khi khai thiên lập địa, không sinh, không diệt, không tăng, không giảm. Đạo có thể quan niệm dưới hai phương diện: *Vô* (無) và *Hữu*（有）. "Vô" thì Đạo là nguyên lý của trời đất, nguyên lý vô hình. "Hữu" thì Đạo là nguyên lý hữu hình, là Mẹ sinh ra vạn vật: *vô danh thiên địa chi thỉ, hữu danh vạn vật chi mẫu"*（無名天地之始，有名萬 物之母。)(*). Như thế, Đạo không còn phải là một phương tiện, một lề lối, một con đường… mà là một nguyên lý hoàn toàn huyền diệu và bất khả tư nghị. Do nguyên lý ấy mới sanh ra những trạng thái mâu thuẫn như: có không, cao thấp, dài ngắn, phải quấy… Nhưng thực ra, đó là những mâu thuẫn ngoài mặt mà tựu trung chỉ là bề trái và bề mặt của một thực tại mà thôi. Bậc thánh nhân luôn luôn đứng trên cặp mâu thuẫn ấy, không thiên hẳn bên nào cả. Họ cho rằng: *"Thiên hạ giai tri mỹ chi vi mỹ, tư ác dĩ; giai tri thiện, chi vi thiện, tư bất thiện dĩ…"* (天下皆知美之為美，斯惡已，皆知善之為善，斯不善已。) (Thiên hạ đều biết tốt là tốt, thì đã có xấu rồi; đều biết lành là lành, thì đã có cái chẳng lành rồi…). Ý niệm về thị phi, thiện ác ấy khiến họ không bận mắc hay lệ thuộc vào một bảng giá trị nào cả, vì họ không cho cái chi là tuyệt đối. Và chính cái quan niệm ấy mới có thể mưu được cho con người một thái độ điềm tĩnh thản nhiên trước những biến cố của cuộc đời. *"Họa, là chỗ dựa của phúc; phúc, là chỗ núp của họa". (Họa hề phúc chi sở ỷ, phúc hề họa chi sở phục)* (禍兮福之所倚，福兮禍之所伏)1. Đó là quan niệm tối đại bình đẳng mà về sau Trang Tử chứng giải trong suốt một thiên Tề vật luận, một quan niệm bình đẳng về thị phi, thiện ác, họa phúc…

~

Cái nguyên lý tối cao tối đại ấy là nguồn gốc của vạn vật vẫn thường tồn không thay đổi. Cái Đức của nó sanh ra vạn vật Trời Đất.

Nhưng trái với quan niệm thông thường, Lão Tử cho rằng Trời Đất vẫn thản nhiên lạnh lùng đối với số phận của con người: *"Thiên Địa bất nhân, dĩ vạn vật vi sô cẩu."* (Trời Đất không có lòng nhân, coi vạn vật như loài chó rơm)（天地不仁以萬物為芻狗。）.(*)

Trời Đất sở dĩ trường cửu là vì Trời Đất không sống cho mình; bậc Thánh nhơn nên theo gương ấy: *"Thiên Địa sở dĩ năng trường thả cửu giả, dĩ kỳ bất tự sanh, cố năng trường sanh"* 天地所以能長且久者,以其不自生,故能 長生。(Trời Đất sở dĩ đặng dài và lâu, là vì không sống cho mình, nên mới đặng trường sanh) (Chương 7). *"Thị dĩ Thánh nhơn, hậu kỳ thân nhi thân tiên, ngoại kỳ thân nhi thân tồn"* 是以聖人後其身而身先，外其身而身存。(Vì vậy, Thánh nhơn để thân ra sau mà thân ở trước, để thân ra ngoài mà thân đặng còn) (Chương 7).

"Để thân ra ngoài", tức là kể như thân mình không có, hay không đáng kể. Đó tức là "quên mình" vậy. Và phải chăng vì "không nghĩ đến mình" mà lại thành được việc của mình. *(Phi dĩ kỳ vô tư da? Cố năng thành kỳ tư.* 非以其无私耶？故能成其私。)(Chương 7)

Kẻ hiểu và theo Đạo, giống như "nước", lợi cho vạn vật, lại không bị trở lực nào cả, là vì cái đức "bất tranh"của nó, "ống thẳng bầu tròn" nhưng không bao giờ mất tánh. "Thượng thiện nhược thủy, thủy thiện lợi vạn vật nhi bất tranh." 上善若水，水善利万物而不争。(Bậc thượng thiện giống như nước: nước thì hay làm lợi cho vạn vật mà không tranh) (Chương 8). Và nhân đó, ông chủ trương: "nhu nhược thắng cương cường". "Thiên hạ mạc nhu nhược ư thủy, nhi công kiên cường giả, mạc chi năng thắng… Nhu thắng cương, nhược thắng cường." 天下 莫柔弱于水，而攻坚强者，莫之能勝。。。柔勝剛弱勝強

(Chương 78). (Dưới trời, mềm yếu không chi hơn nước. Mà đánh đổ cứng mạnh, không chi hơn đó được… Mềm thắng cứng, yếu thắng mạnh). Không gì nguy hiểm bằng tranh đấu mà dùng đến bạo động. "Cường lương giả, bất đắc kỳ tử" 强梁者不得其死 (Dùng bạo động, chết bạo tàn) (Chương 42).

Lão Tử lại khuyên ta, trong phép xử thế nên luôn luôn giữ phần thấp kém: "Phú quý nhi kiêu, tự di kỳ cữu." 富貴而驕,自遺其咎 (Chương 9). (Giàu sang mà kiêu, tự vời họa ương). "Xí giả bất lập, khóa giả bất hành." 企者不立，跨者不行 (Chương 24). (Nhón gót thì không đứng vững; xoạc chân ra thì không đi được). "Mộc cường tắc chiết, binh cường tắc bất thắng…" 木强 則折兵强則不勝 (Chương 76). (Cây mạnh ắt gãy, binh mạnh không thắng). Cho nên "dĩ Đạo tá nhơn chủ giả, bất dĩ binh cường thiên hạ". (Ai lấy Đạo phò vua, không dám dùng binh lực mà bức hiếp thiên hạ) (Chương 30). Và hậu quả của nó là như thế nào? "Sư chi sở xử, kinh cức sanh yên. Đại quân chi hậu, tất hữu hung niên." 師之所處荊棘生焉。大軍之後必有凶年。(Chỗ đóng sư đoàn, gai góc mọc đầy. Sau cuộc chiến chinh, nhiều năm đói khó) (Chương 30). Nước, hình ảnh tượng trưng của Đạo, thì luôn luôn tìm nơi chỗ thấp mà ở, "nơi mà thiên hạ không ai ưa". (Xử chúng nhơn chi sở ố) 處眾 人之所惡 (Chương 8), thế mà "giang hải sở dĩ năng vi bách cốc vương giả, dĩ kỳ thiện hạ chi." 江海所以能爲 百谷王者, 以其善下之。(Sông biển sở dĩ làm đặng vua các hang thẳm là vì nó thấp hơn cả) (Chương 66). Đó, phải chăng là một bằng cớ hùng hồn để chứng minh rằng "quý lấy tiện làm gốc, cao lấy thấp làm nền" (quý dĩ tiện vi bổn, cao dĩ hạ vi cơ) 貴以賤爲本,高以下爲基 (Chương 39), cũng như "cứng mạnh, ở bậc dưới; mềm yếu, ở bậc trên"? (Kiên cường xử hạ, nhu nhược xử thượng) 堅强處下,柔弱處上(Chương 76). "Cô lậu", "quả đức", "bất thiện" là chỗ ghét của con người… Thế mà bậc vua chúa lại dùng đó mà tự xưng" (Nhơn chi sở ố, duy Cô, Quả, Bất cốc, nhi Vương Công dĩ vi xưng) 人之 所惡，唯孤寡不谷而王公以爲稱(Chương 42).

Lão Tử khuyên ta: "bất cảm vi thiên hạ tiên" (Chương 67). Đâu phải đó là hèn nhát, mà trái lại, là một sự đại dũng trong thiên hạ: "tự thắng giả cường". Mình là con đực, hãy làm như con cái… Mình là trắng, hãy làm như là đen… Mình là vinh, hãy giữ lấy cái nhục. "Tri kỳ hùng, thủ kỳ thư… Tri kỳ bạch, thủ kỳ hắc… Tri kỳ vinh, thủ kỳ nhục… 知其雄,守其雌。。。知其白,守其黑。。。知其 榮,守其辱。。。(Chương 28). Tức là "mình là bậc thông minh xuất chúng, hãy làm như kẻ ngu đần", "mình là kẻ sức mạnh kinh người, hãy làm như người hay khiếp sợ".(Thông minh duệ trí, thủ chi dĩ ngu;

dũng lực chấn thế, thủ chi dĩ khiếp). 聰明睿智，守之以愚，勇力振世，守之以怯。

Trên trường đời, sở dĩ thường xảy ra những cảnh tranh giành xâu xé, thù oán chập chồng, phải chăng chỉ vì người người đều muốn đua khôn cậy khéo, ăn trên ngồi trước, chỉ nghĩ đến mình mà không nghĩ đến người… Nhưng nếu ta mạnh mà biết giữ phần yếu, khôn mà biết giữ phần dại, sáng mà biết giữ phần ngu, vinh mà biết giữ phần nhục, thì mầm cạnh tranh do đâu mà phát lên được, thì thiên hạ làm gì có loạn? Trong khi ta nhận thấy không có chi là thiện là ác, là thị là phi, là vinh là nhục, thì thiện ác, thị phi, vinh nhục làm gì còn cảm khích được lòng mình? Cái đức khiêm nhu, bất tranh ấy khiến cho ta được "huyền đồng" với tất cả mọi người. Nếu xét trong tư chất trí huệ của ta có chỗ tỏ ra sắc sảo hơn người, thì cần phải che đậy, xóa bỏ đi, để đừng cho thấy cạnh góc phân biệt nữa, tức là phải biết "tỏa kỳ nhuệ, giải kỳ phân, hòa kỳ quang, đồng kỳ trần" 挫其銳,解其紛,和其光,同其塵 (Chương 56), nghĩa là "bẻ cái chỗ nhọn bén, mở cái mối chia rẽ, hòa ánh sáng với mọi người, cùng bụi bặm với những bụi bặm trên đời." Làm thế, cũng chẳng phải bảo hy sinh cá nhơn cho đoàn thể đâu. Mà trái lại, bản tánh nhờ đó mà hồn nhiên thuần phác, ngoại vật không bao giờ động được tâm nữa 不以外物動其心也。

Bậc thánh nhơn không vì mình, không tích trữ của cải mà không bao giờ thiếu thốn… càng cho bao nhiêu, lại càng có nhiều bấy nhiêu… "Thánh nhơn bất tích, ký dĩ vị nhơn, kỷ dũ hữu; ký dĩ dữ nhơn, kỷ dũ da…" 聖人不積既以爲人己愈有,既以與人己愈多 (Chương 81).

Tại sao lạ vậy? Tại sao không tích trữ, không vì mình, càng ban bố cho ra, lại càng "có" nhiều hơn nữa? Thói thường hễ càng tích trữ, càng chiếm đoạt thì mới càng có được nhiều, càng giữ được nhiều… Nhưng, không! Ở đây Lão Tử bàn về "phẩm" chứ không bàn về "lượng". Kẻ mà càng lo tích trữ cho mình, là kẻ mà lòng mình còn nhiều thiếu thốn, nghĩa là nghèo nàn tham muốn. Trái lại, có mà"cho" ra, "cho" vô điều kiện mới thật là kẻ có thừa. Vì vậy Lão Tử mới bảo: "Tri túc giả phú" 知足者富 (Biết đủ thì giàu) (Chương 33). Kẻ không biết đủ và đòi hỏi luôn luôn thì không biết chừng nào mới đủ. Tục ngữ thường bảo: "lòng tham không đáy"! Lòng mà không

biết đủ, tham dục vô ngần, là một đại họa trong đời: "họa mạc đại ư bất tri túc" 禍莫大於不知足 (Chương 46).

Thực ra, con người sở dĩ có nhiều lo lắng đau thương là vì đã quá lo nghĩ đến mình, quá yêu cái "tiểu ngã" của mình: "Ngô sở dĩ hữu đại hoạn giả, vi ngô hữu thân. Cập ngô vô thân, ngô hữu hà hoạn?" 吾所以有大患者, 爲吾有身,及吾無身,吾有何患? (Chương 13). Chữ "thân" ở đây có nghĩa là "vị ngã"（為我）.

Như thế, ta thấy trong đời không có gì đáng lo sợ bằng lòng ích kỷ. Nó là nguồn gốc của tất cả mọi tai họa của con người. Bởi vậy trong khi "Đạo Trời, bớt chỗ dư, bù chỗ thiếu" thì con người lại đi "bớt chỗ thiếu, bù chỗ dư", gây ra không biết bao nhiêu là điều bất công bất chánh. "Thiên chi Đạo, tổn hữu dư nhi bổ bất túc; nhơn chi Đạo tắc bất nhiên: tổn bất túc dĩ phụng hữu dư" 天之道損有餘而補不足;人之道則不然,損不足以奉有 餘 (Chương 77).

Vì vậy, Lão Tử khuyên ta đầu hết một chữ "Từ"（慈）,"nhất viết Từ" (Chương 67), một tình thương chẳng phải chỉ dành riêng cho một hạng người nào, mà là cho tất cả mọi người, lành cũng như dữ: "Thiện giả ngô thiện chi; bất thiện giả ngô diệc thiện chi", "tín giả ngô tín chi; bất tín giả ngô diệc tín chi" 善者吾善之,不善者吾亦善之, 信者吾亦信之,不信者吾亦信之 (Chương 49). Là vì sao? Vì Đạo Trời không thiên vị ai cả: "Thiên đạo vô thân" 天道 無親 (Chương 79). Cùng một quan niệm về Bát nhã bình đẳng của Phật Đại thừa và Tề vật của Trang Tử. Ta lại cần phải biết lấy đức mà báo oán, vì đó mới thật là Từ（慈）"dĩ đức báo oán" 以德報怨 (Chương 63), và đó mới thật là cái đức của "bất tranh": "Thiện thắng địch giả bất dữ" 善勝敵者不與 (Chương 68), tức là đức"Từ" biến kẻ thù thành người bạn.



Đạo, theo Lão Tử, là một nguyên lý quân bình (thiên quân 天均); "cao giả ức chi, hạ giả cử chi, hữu dư giả tổn chi, bất túc giả bổ chi" 高者抑之,下者擧之.有餘者損之, 不足者補之 (Chương 77), cho nên không cho cái gì thái quá hay bất cập. Vì vậy, "hễ muốn làm cho cái chi "thu rút" lại, đó là sắp làm cho nó mở rộng ra; muốn làm cho đó "yếu nhược" đi, là sắp làm cho đó "mạnh thêm lên". "Tương dục hấp chi, tất cố trương chi; tương dục nhược chi, tất cố cường chi…"

將欲歙之,必固張之,將欲弱之,必固 强之 (Chương 36). Là để lập lại quân bình.

Lão Tử ví Đạo như cây cung mà giương lên: “Thiên chi đạo, kỳ do trương cung dư?” 天之道其猶張弓與 (Chương 77), nên người ta thường vì muốn làm cho đời trị mà thành ra làm cho đời loạn, và càng muốn trị bao nhiêu, ta lại càng làm cho đời loạn bấy nhiêu. “Tương dục phế chi, tất cố hưng chi”. 將欲廢之,必固舉之 (Chương 36). Thật là những nhận xét, mới xem mâu thuẫn lạ, nhưng là những chân lý rất thiết thực, rất thông thường và rất giản dị.

Vì thế, hành động hay nhất là đừng có ham can thiệp đến việc đời… và nếu cần phải “làm”, thì hãy “làm cái không làm” (vi vô vi), một cách kín đáo và khéo léo.

Vô vi（無為）đâu phải là không làm gì cả, mà là “làm một cách kín đáo”, đem cái tự nhiên mà giúp một cách tự nhiên, không tư tâm, không vị kỷ: người thi ân không biết là thi ân, người thọ ân không dè là thọ ân. Bậc thánh nhơn trị nước mà dùng đến đạo vô vi, dân không hay là mình bị trị: “Vi nhi bất thị, trưởng nhi bất tể.” 為而不恃長而不宰. (Chương 51).

Cũng như Đạo, thì vô vi (không làm chi cả cho ta thấy), thế mà không có gì là không làm. Chương 37 bàn đến cái Đạo trị nước bằng vô vi rất rõ.

“Đạo thường không làm,
Nhưng không gì là không làm,
Bậc Hầu vương giữ được nó.
Thì vạn vật sẽ tự thay đổi.
Muốn thay đổi mà nhúng tay vào,
Ta nên ngăn lại…”

(Đạo thường vô vi, nhi vô bất vi. Hầu vương nhược năng thủ chi, vạn vật tương tự hóa. Hóa nhi dục tác, ngô tương trấn chi) 道常無爲而無不爲，侯王若能守之, 萬物將自 化，化而欲作吾將鎮之 (Chương 37).

Thật vậy, nếu vô vi là không làm gì cả, thì Lão Tử đã không viết Đạo Đức Kinh ra làm gì! Đạo Đức Kinh viết ra, là để cho bậc trị nước, hay cho những kẻ nào sắp ra lãnh phần trị nước. Có lẽ vì mục kích hỗn trạng của thời kỳ Chiến quốc vô cùng thê thảm, như Khổng Tử, Mặc Tử cùng các pháp gia của thời ấy. Lão Tử cũng cố ý đưa ra

một giải pháp an bang tế thế. Ông nhận thấy rằng: "dân chi cơ, dĩ kỳ thượng thực thuế chi đa; dân chi nan trị, dĩ kỳ thượng chi hữu vi; dân chi khinh tử, dĩ kỳ cầu sanh chi hậu..." 民之饑以其上食稅之多。。。民之難治,以其上之有爲。。。民之輕死,以其上求生之厚 (Chương 75) (Dân đói, là vì trên bắt thuế nhiều... dân mà khó trị, là vì trên dùng đạo hữu vi..., dân mà coi thường cái chết, là vì quá trọng cầu cái sống...).

Bởi vậy, đem cái chết mà dọa dân chúng không ích gì cả, trong khi ta dồn họ vào nơi tuyệt vọng: "dân chi úy tử, nại hà dĩ tử cụ chi"? Lại còn gây nạn đao binh thì hậu quả thật là vô cùng tai hại: "sư chi sở xử, kinh cức sanh yên; đại quân chi hậu, tất hữu hung niên" (Chương 30).

Như thế, ta thấy ông, vì ưu thời, đã nghĩ đến cách dùng Đạo mà trị nước. Nếu không có được một bậc Thánh nhơn để trị nước thì ít ra, kẻ trị nước phải biết đem áp dụng cái thuật "vô vi nhi trị", "hành bất ngôn chi giáo". Đạo Trời thì "tổn hữu dư, bổ bất túc", còn Đạo của người thì trái lại "tổn bất túc, bổ hữu dư", nên mới gây ra biết bao sự chênh lệch bất công trong xã hội.

Xem ngay những câu như "tổn hữu dư, bổ bất túc" của Đạo để lập lại quân bình trong thiên hạ và sự việc, mà phần đông lại hiểu chữ "vô vi" là không làm gì cả, thiết nghĩ không có nhận định sai lầm nào bằng. Những cuộc đại cách mạng từ xưa đến nay trong lịch sử loài người há không phải vì mục đích "tổn hữu dư, bổ bất túc" để lập lại công bình trong xã hội là gì? Cho nên "vô vi" theo cái nghĩa tích cực của nó, có nghĩa là "khứ thậm, khứ xa, khứ thái", nghĩa là trừ khử những gì thái quá, đồng thời nâng đỡ những gì bất cập. Như thế sao ta có thể quan niệm rằng vô vi là "không làm gì cả", là "khư khư bất động", như phần đông xưa nay đã hiểu.

Mục đích cách mạng tuy có một, lập lại quân bình trong xã hội, nhưng phương tiện thì có khác với người đời: trong phương pháp đấu tranh để lập lại quân bình trong xã hội, ông chủ trương phương pháp "bất tranh nhi thiện thắng". Đâu phải ông chủ trương không tranh đấu, mà tranh đấu bằng phép "nhu thuật": nhu nhược thắng cương cường. Phương pháp tranh đấu "đề kháng bất bạo động" của Gandhi đã khuynh đảo một đế quốc mạnh nhất của Âu Tây không phải là một kinh nghiệm cụ thể của phương pháp "bất tranh nhi

thiện thắng" của Lão Tử sao? Kìa như những trận "cuồng phong bão tố" của giới tự nhiên há không phải là những hiện tượng để lập lại quân bình của Tạo hóa ư? Vậy, quan niệm hai chữ vô vi của Lão Tử là một sự "im lìm bất động" và "cam chịu" là quan niệm một cách vô cùng sai lạc.

Hành động bằng vô vi là một phương pháp cách mạng vĩ đại, không phải ai ai cũng có thể làm được một cách dễ dàng. Phải là người đã cách mạng được bản thân, đã là người "vô kỷ, vô công, vô danh", gột sạch tư tâm, tư dục mới có thể thi hành nổi mà thôi. Người theo chủ nghĩa vô vi phải là người có một tinh thần cách mạng rất cao đối với bản thân và xã hội, không biết khuất phục một uy quyền nào cả, vì họ là Đạo. Quan niệm rằng vô vi là một thái độ an phận trước những sự thái quá hay bất cập, trước những bất công xã hội là quan niệm hết sức sai lầm.

Lão Tử là một nhà đại cách mạng về tư tưởng đã làm đảo lộn cả một nền hệ thống giá trị thông thường: Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, của Nho gia, nhứt là Mặc gia. "Đại Đạo phế, hữu Nhân Nghĩa… Huệ Trí xuất, hữu đại ngụy…(Đạo lớn mất, mới có Nhân Nghĩa, Trí Huệ sanh, mới có dối trá) 大道廢,有仁義,智慧出,有大僞 (Chương 18). Ông lại trọng Đạo Đức mà khinh Nhân Nghĩa: "Thất Đạo nhi hậu Đức, thất Đức nhi hậu Nhân, thất Nhân nhi hậu Nghĩa, thất Nghĩa nhi hậu Lễ… Phù Lễ giả, trung tín chi

bạc, nhi loạn chi thủ" 失道而後德,失德而後仁,失仁而後 義,失義而後禮。夫禮者,忠信之薄, 而亂之首 (Chương 38) (Mất Đạo rồi mới có Đức, mất Đức rồi mới có Nhân, mất Nhân rồi mới có Nghĩa, mất Nghĩa rồi mới có Lễ… Lễ chỉ là cái vỏ mỏng che ngoài của lòng trung tín và là cái đầu mối của hỗn loạn).

Nhưng cuộc cách mạng của ông là một cuộc cách mạng ở bản thân, ở nội tâm trước nhất. "Tri nhơn giả trí; tự tri giả minh. Thắng nhơn giả hữu lực; tự thắng giả cường."知人者智,自知者明。勝人者有力,自勝者强 (Chương 33).

Dù là Nho gia, cái Đạo của người quân tử cũng là "dĩ tu thân vi bổn", mà Phật gia, cũng lấy sự "tự giác nhi giác tha" làm đầu mối. Vô vi của Lão Tử, không phải là thái độ tiêu cực của những người yếm thế hay phẫn thế. Vô vi là không làm gì trái với tự nhiên, không

để thân tâm lụy vì ngoại vật, tức là gìn giữ thiên chân, không đem tư tâm mà can thiệp đến việc người.

Cái mà người thường gọi là văn minh lại chỉ là những lề lối suy tư hoạt động ngược lại với Đạo Trời, tức là với cái Đạo tự nhiên: càng tăng gia trí xảo, càng kích thích tham dục, lại càng làm cho nhân dân khó trị và dễ sa vào tội ác: "Dân chi nan trị, dĩ kỳ trí đa" 民之難治以其 智多 (Chương 65) (Dân mà khó trị, là vì họ đa mưu túc

trí). Trị nước, Lão Tử muốn để cho nhân dân sống theo tự nhiên, và chỉ có phương pháp "vô vi nhi trị" là đem lại được hạnh phúc cho con người.

Xem ngay cách trị nước của các bậc vua chúa đương thời, Lão Tử nhận thấy rằng: nhà cầm quyền càng gia tăng luật pháp, càng bày ra nhiều điều cấm kỵ, thì dân chúng lại càng bị còng trói khổ sở, càng sinh ra tham gian trá ngụy."Thiên hạ đa kỵ húy, nhi dân di bần; dân đa lợi khí, quốc gia tư hôn; nhân đa kỹ xảo, kỳ vật tư khởi; pháp lệnh tư chương, đạo tặc đa hữu" 天下多忌諱 而民彌貧，民多利器國家滋昏，人多伎巧奇物滋起，法令 滋彰盜賊多有 (Chương 57) (Thiên hạ mà nhiều kiêng cữ thì dân càng nghèo; dân mà nhiều lợi khí, nước nhà thêm tăm tối; con người mà nhiều khéo léo, các vật lạ càng sanh thêm; pháp lệnh mà càng rõ ràng, thì trộm cướp lại càng nhiều thêm).

Như vậy, người trị nước nếu muốn cứu vãn tình thế đồi trụy ấy, đâu cần phải dùng đến trí mưu hay thao lược mà làm gì, mà phải tự mình đem cái gương điềm tĩnh vô vi mà cảm hóa: "Ngã vô vi nhi dân tự hóa, ngã hiếu tịnh nhi dân tự chính, ngã vô sự nhi dân tự phú, ngã vô dục nhi dân tự phác." (Ta không làm gì, mà dân tự hóa; ta thích thanh tịnh mà dân tự ngay thẳng; ta không làm việc gì mà dân tự giàu; ta không ham muốn gì mà dân tự trở nên thực thà). 我無爲而民自化,我好靜而民自正,我無事而民自 富,我無欲而民自樸 (Chương 57).

Ông lại nói: "Chánh lệnh mà lờ mờ giả tảng thì dân thuần hậu ôn hòa; chánh lệnh mà dòm dõ xoi bói thì dân lại thiếu lương thiện thực thà." (Kỳ chánh muộn muộn, kỳ dân thuần thuần; kỳ chánh sát sát, kỳ dân khuyết khuyết) 其政悶悶，其民淳淳，其政察察，其民缺缺 (Chương 58).

Dân sở dĩ càng ngày càng xa lần với đời mộc mạc ôn thuần, là vì người trên đã bày thêm nhiều thị hiếu khiêu gợi lòng tham dục vô bờ bến của chúng nhân. Họ tôn trọng bậc hiền tài để lợi dụng khả năng, nhưng đồng thời, họ tạo nơi lòng chúng nhân những tánh tranh danh đoạt lợi. Bởi vậy ông mới khuyên các nhà lãnh đạo: "Bất thượng hiền, sử dân bất tranh; bất quý nan đắc chi hóa, sử dân bất vi đạo; bất kiến khả dục, sử dân tâm bất loạn. Thị dĩ thánh nhơn chi trị, hư kỳ tâm, thực kỳ phúc…" 不尚賢使民不爭，不貴難得之貨使民不爲盜，不見可欲使 民 心不亂。是以聖人之治, 虛其心,實其腹。。。(Chương 3). (Không trọng người hiền, khiến lòng dân không tranh nhau; không quý của khó đặng, khiến lòng dân không trộm cướp; không phô điều ham muốn, đó là khiến cho lòng dân không loạn. Cái phép cai trị của Thánh nhơn thì làm cho "lòng dân trống" mà cái "bụng dân đầy")（虛 其心,實其腹）.

Làm cho "lòng dân trống" là làm cho lòng dân không tham dục. Làm cho cái "bụng dân đầy" là làm cho dân no ấm, không vì cơ hàn mà sanh ra tham dục.

Lão Tử lại còn cho kẻ dùng "trí thuật" mà trị nước, là hạng người làm loạn trong nước, là kẻ làm hại cho nước. Vì, khi đã dùng trí thuật, thì trên trí mưu, dưới cũng trí mưu, dòm ngó nhau, gìn giữ nhau. Nhân đó, trá ngụy sanh trá ngụy, thiên hạ thành ra đa đoan đa sự: "Cổ chi thiện vi Đạo giả, phi dĩ minh dân, tương dĩ ngu chi; dân chi nan trị; dĩ kỳ trí đa. Cố dĩ Trí trị quốc, quốc chi tặc; bất dĩ Trí trị quốc, quốc chi phúc". (Kẻ khéo hành Đạo ngày xưa, không làm cho dân sáng, mà làm cho dân ngu; dân mà khó trị, vì họ nhiều trí khôn. Bởi vậy, kẻ dùng Trí mà trị nước, là cái tai vạ của nước; kẻ không lấy Trí mà trị nước, là cái phúc của nước). 古之善爲道者非以明民，將以愚之，民之難治，以其智多。故以智治國, 國之賊,不 以智治國，國之福 (Chương 65).

Vì vậy, Lão Tử đề nghị: "Tuyệt thánh khí trí, dân lợi bách bội; tuyệt nhân khí nghĩa, dân phục hiếu từ; tuyệt xảo khí lợi, đạo tặc vô hữu",絕聖棄智，民利百倍，絕仁 棄義，民復孝慈，絕巧棄利，盜賊無有(Chương 19). (Dứt thánh bỏ trí, dân lợi trăm phần; dứt nhân bỏ nghĩa, dân lại thảo lành; dứt xảo bỏ lợi, trộm cướp không có). Có được như vậy, thì người ta mới có thể "ăn ở giản dị và chất phác; ít

tư riêng và ít tham dục" (kiến tố bão phác, thiểu tư quả dục) 見素抱樸，少私寡欲。.

Đứng về phương diện cá nhân, Lão Tử chủ trương sự"bất cảm vi thiên hạ tiên" 不敢為天下先 và "bất tranh nhi thiện thắng" 不爭而善勝, đánh đổ sự dùng bạo lực hay uy quyền mà can thiệp đến việc người. Đứng về phương diện chánh trị quốc tế, ông cũng bài bác triệt để chiến tranh dưới mọi hình thức: "Phù giai binh giả, bất tường chi khí; cố hữu đạo giả bất xử… Bất đắc dĩ nhi dụng chi, điềm đạm vi thượng. Thắng nhi bất mỹ, nhi mỹ chi giả, thị lạc sát nhơn. Phù lạc sát nhơn, tắc bất khả dĩ đắc chí ư thiên hạ hĩ!" 夫佳兵者不祥之器，故有道者不處。。。不 得已而用之恬淡為上。勝而不美,而美之者,是樂殺人。夫 樂殺人則不可以得志於天下矣 (Chương 31). "Ôi quân binh tốt đẹp, là cái món không lành! Bởi vậy bậc Thánh quân trị nước mà hữu Đạo không dùng đến. Nhưng nếu bất đắc dĩ mà phải dùng, thì nên bình tĩnh điềm đạm. Thắng được cũng không tốt gì. Thế mà cho đó là tốt đẹp, tức là vì thích giết người. Ôi! Kẻ thích giết người, thì không thể đắc chí ở giữa thiên hạ vậy."

Ông lại nói: "Kẻ lấy Đạo mà giúp vua, không nên dùng đến binh mà bức hiếp thiên hạ… Chỗ nào quân gia ở, tất gai góc mọc đầy; sau những trận tranh hùng ắt phải nhiều năm đói khó. (Dĩ Đạo tá nhơn chủ giả, bất dĩ binh cưỡng thiên hạ… Sư chi sở xử, kinh cức sinh yên; đại quân chi hậu, tất hữu hung niên". 以道佐人主者, 不以兵强天下。。。師之所處荊棘生焉,大軍之後必有凶年 (Chương 30).

Nhà cầm quyền trị nước, lại cũng cần phải cần kiệm, không nên xa xí… Xa xí quá, tất phải sưu cao thuế nặng để cung phụng cho nhóm cầm mạng vận của nhân dân: "Dân chi cơ, dĩ kỳ thượng thực thuế chi đa". Phải biết "tổn hữu dư" mà "bổ bất túc", chứ không nên "tổn bất túc" mà"bổ hữu dư", làm cho giàu nghèo quá chênh lệch. Bởi vậy, ông mới bảo: "Ngữ hữu tam bảo, trì nhi bảo chi; nhất viết Từ, nhì viết Kiệm, tam viết bất cảm vi thiên hạ tiên…" (Ta có ba của báu, hàng nắm giữ không buông: một là Từ, hai là Kiệm, ba là không dám đứng trước thiên hạ) 我有三寶持而保之，一曰慈，二曰儉，三曰不敢 為天下先 (Chương 67).

"Từ", nên xem mọi người như mình, không riêng gì kẻ lành người dữ, nên chi không bao giờ có kẻ thù; "Kiệm",nên không xa xí, không khêu gợi lòng tham dục của con người và làm nên đại sự;

"không dám đứng trước thiên hạ", mới có thể cầm đầu thiên hạ. Kẻ có lòng Từ, tức là người đại dũng, dám xem người thù như người bạn, dám tha thứ những điều gì mà người đời không thể tha thứ. Kiệm, thì luôn luôn làm gì cũng mực độ, nên lòng dạ quảng đại quang minh: kẻ xa xí là người ích kỷ. "Từ cố năng dũng, kiệm cố năng quảng." 慈故能勇，儉故能廣 (Chương 67).

Xã hội lý tưởng của Lão Tử là một "tiểu quốc, quả dân" (…) "cam kỳ thực; mỹ kỳ phục; an kỳ cư; lạc kỳ tục" (được ăn món ăn ngon của chỗ đó, mặc đồ đẹp của chỗ đó; yên ổn nơi chỗ mình ở đó; vui với phong tục của chỗ đó). Có thể với quan niệm này, Lão Tử là người đầu tiên chủ trương thể chế liên bang (fédéralisme) như ngày nay, trong đó mỗi tiểu bang được quyền sống theo phong tục, tập quán của địa phương mình: "cam kỳ thực; mỹ kỳ phục; an kỳ cư, lạc kỳ tục". Muốn thực hiện được thể chế ấy thì mỗi phần tử trong liên bang phải là một nước nhỏ"tiểu quốc, quả dân". Một nước to rộng không thể thực hiện được. Người chúng ta ngày trước đã phần nào thực hiện chủ trương ấy của Lão Tử trong chế độ "phép vua, thua lệ làng".

Lão Tử cũng đâu phải khuyên ta trở về với xã hội cổ sơ, đâu phải ông chủ trương thuyết phục cổ, mà thực sự ông muốn khuyên ta trở về với một xã hội văn minh giản dị, hồn nhiên, không có những phiền phức đa đoan của những thứ văn minh giả tạo dùng trí mưu để mà trị nước.



Kính tặng hương hồn thân phụ để nhớ lại những đêm dài mà Cha đã giảng cho con nghe về lẽ Đạo.

- Con -

Nguyễn Duy Cần

CHƯƠNG 1

1. Đạo khả đạo, phi thường Đạo; Danh khả danh, phi thường Danh.

道可道非常道
名可名非常名。

2. Vô danh thiên địa chi thỉ; Hữu danh vạn vật chi mẫu 無名天下之始
有名萬物之母。

3. Cố,

Thường vô dục, dĩ quan kỳ diệu; Thường hữu dục, dĩ quan kỳ kiếu 故 常無欲以觀其妙
常有欲以觀其徼。

4. Thử lưỡng giả đồng, Xuất nhi dị danh Đồng vị chi Huyền Huyền chi hựu Huyền, Chúng diệu chi môn.

此兩者同
出而異名
同謂之玄
玄之又玄
眾妙之門。

DỊCH NGHĨA

1. Đạo (mà ta) có thể gọi được, không (còn) phải là Đạo "thường"; Danh (mà ta) có thể gọi được, không (còn) phải là Danh "thường".

2. Không tên, là gốc của Trời Đất; Có tên, là mẹ của vạn vật.

3. Bởi vậy,
Thường không tư dục,
mới nhận được chỗ huyền diệu của Đạo; Thường bị tư dục, nên chỉ thấy chỗ chia lìa của Đạo.

4. Hai cái đó, đồng với nhau;
Cùng một gốc, tên khác nhau.
Đồng, nên gọi Huyền.
Huyền rồi lại Huyền,
Đó là cửa vào ra của
mọi huyền diệu trong Trời Đất.

BÌNH CHÚ

A. Đạo 道 là một danh từ cưỡng dụng để chỉ cái lẽ tuyệt đối, cái bản thể của Trời Đất. Vì là một lẽ tuyệt đối nên không thể dùng đến một danh từ tương đối nhị nguyên mà ám chỉ. Đã dùng đến một danh từ tương đối nhị nguyên mà gọi tên, tức không còn phải là cái Đạo vĩnh cửu, bất biến, tuyệt đối nữa. *"Thường"* 常 có nghĩa là vĩnh cửu, bất biến.

Câu *"danh khả danh phi thường danh"* 名可名非常名 đồng một ý nghĩa như câu trên. Đây là nguyên lý đẻ ra thuyết*"vô danh"* 無名 của Lão Tử. Danh từ, bất luận để ám chỉ vật gì, đều có cái nghĩa hạn định của nó, cho nên không thể nào dùng đến một tiếng gì trong giới nhị nguyên tương đối để trỏ vào cái lẽ tuyệt đối thường tồn và bất biến. Ta đã thấy đây là đối phương của thuyết *"chánh danh"* 正名 của Nho gia.

Tại sao Lão Tử chủ trương vô danh 無名? Là vì như sau đây ta sẽ thấy, theo Lão Tử, hễ có thiện là có ác, có thị là có phi… Cho nên không thể chánh danh được, bởi không có danh từ nào tuyệt đối, vì thật ra phải hơn quấy, tốt hơn xấu, khôn hơn dại thì có gì là thật phải, thật tốt, thật khôn đâu mà nói. Và cũng vì thế mà Lão Tử mới chủ trương *"bất ngôn chi giáo"* ở chương sau đây.

Ngay câu đầu này Lão Tử đã chỉ định rõ rệt lập trường triết lý của ông.

B. *"Không tên" (vô danh)* 無名 là cái *thể*; *"có tên" (hữu danh)* 有名 là cái *tướng* 相. *"Không tên"* là chỉ về thời kỳ *"tiên thiên"*, Đạo chưa hiển lộ ra. *"Có tên"* là chỉ về thời kỳ *"hậu thiên"*, lúc mà Đạo đã hiển lộ ra, cùng một ý với chữ *"danh tướng"* 名相 của nhà Phật. Đây cũng là ý nghĩa của câu *"Hữu sanh ư vô"* 有生於無 của Lão Tử sau này. Câu 1 và 2 thừa tiếp nhau: câu trên là *thể* 體, câu dưới là *tướng* 相.

C. "Không tư dục" (vô dục) 無欲 tức là không bị tư tâm (cái tâm sai biệt) sai sử, không phân nhĩ ngã… thì mới nhận thấy được chỗ *Một* của vạn sự vạn vật trên đời, tức là chỗ nhất nguyên huyền diệu của Đạo.

"Bị tư dục" (hữu dục) 有欲 tức là bị tư tâm khu xử… thì chỉ nhìn thấy vạn thù sai biệt bên ngoài của sự vật trên đời.

Chữ *"dục"* của Lão Tử dùng đây là ám chỉ tư dục do nhãn kiến nhị nguyên gây ra.

Diệu 妙, nghĩa là tinh vi, rất nhỏ đến không thể phân biệt được ranh giới; chữ *kiếu* 徼 nghĩa là sai biệt cái chỗ chia phân ranh giới, đồng nghĩa với chữ 曲 *(khúc)* là vụn vặt (connaissance fragmentaire).

D. Đoạn này thêm ý cho đoạn trên, lại cũng là đoạn cực kỳ quan trọng, nói lên sự bình đẳng của hai nguyên lý âm dương, nghĩa là của tất cả mọi cặp mâu thuẫn trên đời.

"Thử lưỡng giả đồng": 此兩者同

"Hai cái đó" là ám chỉ *"vô danh"* và *"hữu danh"*, *"vô dục"* và *"hữu dục"*… thật sự không phải là hai mà chỉ là một: nó là bề mặt bề trái của một tấm huy chương, nói theo danh từ ngày nay. *"Hai cái đó, đồng với nhau"*, tên tuy khác nhau, nhưng đồng một gốc mà ra, đeo dính nhau làm một khối.

Đây là then chốt của triết học Lão Tử: cái học *Huyền đồng* 玄同 của ông mà Trang Tử đã diễn rộng ở thiên *Tề vật*.

"Đồng vị chi Huyền" 同謂之玄

(Đồng với nhau, nên gọi là Huyền)

Huyền 玄 nghĩa đen là đen tối, sâu kín, hòa lẫn một màu; nghĩa bóng là không thể phân biệt được giữa cái vô và cái hữu, vì nó đã "đồng với nhau" (thử lưỡng giả đồng) về phẩm cũng như về sự hiện hữu, "đồng xuất", không cái nào có trước cái nào: cả hai đều là điều kiện lẫn nhau, hễ có cái này là vì có cái kia. Xem chương 2 giải rõ lẽ ấy.

Cái "huyền" rồi lại "huyền" hơn nữa. Đó là chỗ vào ra biến hóa của vạn vật trong vũ trụ. Ám chỉ Đạo.

Chương này là nền tảng của toàn thể quyển *Đạo Đức Kinh,*có thể chia ra làm 2 phần:

Phần thứ nhất gồm các đoạn 1-2 bàn về *Thể* 體 và *Tướng* 相 của Đạo;

Phần thứ hai gồm các tiểu đoạn 3-4-5-6 bàn về tác dụng của Đạo, tức là phương pháp để đi đến sự *"huyền đồng"* 玄同. Đoạn 4 bổ túc ý nghĩa đoạn trên. Đoạn 5 bổ túc ý nghĩa câu 4. Câu 6 dọn đường cho các chương sau.

Chương này đề cao giá trị của sự LẶNG THINH (silence), của công dụng chữ TỊNH, nền tảng của Đạo học Đông phương vượt

khỏi lý trí và văn tự.

Tịnh, là nắm vững luật quân bình (Đạo) để mà "dĩ bất biến, ứng vạn biến".

So sánh câu "Đạo khả đạo, phi thường Đạo…" với câu này của A. Ferrière: "Le TOUT ne peut être défini, puisqu'il cesserait d'être le TOUT. Le défini est fini; seul l'Indéfini s'ouvre vers L'INFINI" *(Libération De l'Homme,* p.51).



CHƯƠNG 2

1.

1. Thiên hạ

Giai tri mỹ chi vi mỹ, tư ác dĩ; Giai tri thiện chi vi thiện, tư bất thiện dĩ.

天下
皆知美之為美，斯惡已。
皆知善之為善，斯不善已。

2. Cố

Hữu Vô tương sanh, Nan Dị tương thành, Trường Đoản tương hình, Cao Hạ tương khuynh, Âm Thinh tương hòa, Tiền Hậu tương tùy.

故
有無相生
難易相成
長段相形
高下相傾
音聲相和
前後相隨。

2. Thị dĩ Thánh nhơn Xử vô vi chi sự, a) Hành bất ngôn chi giáo b) Vạn vật tác yên nhi bất từ, c) Sanh nhi bất hữu, d) Vi nhi bất thị, e) Công thành nhi phất cư

Phù duy phất cư, Thị dĩ bất khứ.

是以聖人
處無爲之事
行不言之教
萬物作焉而不辭
生而不有
為而不恃
功成而弗居
夫唯弗居
是以不去。

DỊCH NGHĨA

1. 1. Thiên hạ đều biết tốt là tốt, Thì đã có xấu rồi;
   Đều biết lành là lành Thì đã có cái chẳng lành rồi.
   2. Bởi vậy,
   Có với Không cùng sanh, Khó và Dễ cùng thành, Cao và Thấp cùng chiều, Giọng và Tiếng cùng họa, Trước và Sau cùng theo.

2. Vậy nên, Thánh nhơn
   Dùng “vô vi” mà xử sự, Dùng “bất ngôn” mà dạy dỗ.
   Để cho vạn vật nên mà không cản, Tạo ra mà không chiếm đoạt, Làm mà không cậy công; Thành công mà không ở lại.
   Vì bởi không ở lại,
   Nên không bị bỏ đi.

BÌNH CHÚ

A. Sự vật trong thiên hạ như tốt xấu, lớn nhỏ, dài ngắn, sướng khổ… đều do đối đãi mà có. Phàm có tốt phải có xấu, có lớn ắt phải có nhỏ, có dài phải có ngắn, có sướng ắt phải có khổ. Việc gì cũng có bề trái cả.

Có tốt thì có xấu, có sướng thì có khổ… là vì thực sự gọi rằng tốt là tốt hơn cái xấu, xấu hơn cái tốt… mà thôi. Mà thường tình của thiên hạ thì cầu tốt bỏ xấu, nguyện sướng xá khổ… nên mới sanh ra lắm việc. Phải hay quấy là một giá trị tương đối, không có giá trị nào tuyệt đối. Huống chi phải quấy, tốt xấu là điều kiện lẫn nhau cũng như âm dương, tối sáng… không thể rời nhau mà đơn phương tồn tại.

B. Thánh nhơn biết thế nên không thiên hẳn bên nào, lấy "vô vi" mà xử sự, lấy "bất ngôn" mà dạy đời.

Vô vi 無爲, không phải là "không làm" như người ta thường hiểu, mà là *"làm theo Đạo"* nghĩa là có chỉ dạy thì dùng đến phép *"bất ngôn chi giáo"*, "để cho vạn vật nên mà không cản, sống mà không chiếm đoạt, làm mà không cậy công, thành công mà không ở lại".

a. Bất ngôn 不言 cũng không phải là không nói, mà không nói đến thị phi, thiện ác, bởi nói thị thì phi dấy lên, nói thiện thì ác dấy lên. *"Bất ngôn chi giáo"* cũng có nghĩa là giáo lý không có giáo điều cố định. Đó là nghĩa thứ nhất của vô vi.

b. "… Để cho vạn vật nên mà không cản" là để cho vạn vật yên trong chỗ sanh thành tự nhiên mà không dụng tư tâm xen vào sự tự sinh tự hóa của nó, đó là nghĩa thứ hai của vô vi.

c. "Tạo ra mà không cho là của mình", giúp cho vạn vật sống theo chúng mà không chiếm làm của riêng; đó là nghĩa thứ ba của vô vi.

d. "Làm mà không cậy công", hành động tự nhiên giúp đời mà không cho đó là công riêng của mình, không tin tưởng rằng không có mình thì trong thiên hạ sẽ không còn ai làm được. Đó là nghĩa thứ tư của vô vi.

e. "Thành công mà không ở lại" vì những lẽ đã nói trên. Tức là chỗ sau này Lão Tử bảo: "Công toại thân thối, thiên chi Đạo" 功遂身退天之道 (Chương 9). Đó là nghĩa thứ năm của vô vi.

"Vì bởi không ở lại, nên không bị bỏ đi": Thánh nhơn là kẻ biết rõ cái Đạo *"cao hạ tương khuynh"*, tức là cái Đạo *"vật cùng tắc biến, vật cực tắc phản"* đã nói ở trên (1-2), nên tác động không thể để cho nó khuynh đảo, biến thiên, phản phúc… Vì vậy mà *"công thành nhi phất cư"*, và đã không ở lại, làm sao bị bỏ đi.

Toàn chương bàn về hai chữ vô vi, hành vi của con người "vô kỷ", "vô công" và "vô danh". Vô kỷ nên *"vạn vật tác yên nhi bất từ"*, *"sinh nhi bất hữu"*. Vô danh, nên *"vi nhi bất thị"*. Vô công, nên *"công thành nhi phất cư"*.

Chương này thừa thượng tiếp hạ, văn khí nhất quán, tiếp theo chương nhất mà bày giãi cái luật mâu thuẫn trên đời.

Đoạn 1 và 2 thừa tiếp nhau, một nhân một quả. Đoạn B bày giãi hành vi của Thánh nhơn do sự nhận định nguyên lý mâu thuẫn tương đồng của đoạn 1-2: giải cái nghĩa *"vô vi chi sự"*. Văn từ, ý tưởng đối nhau chan chát.

Các chương khác trong quyển sách phần nhiều là để giải thích 2 chương trên đây mà thôi.

Đoạn A trên đây, được giải thêm ở chương 22: *"Khúc tắc toàn…"*. *"Khúc"*, là phần phiến diện của cái toàn (Đạo). Hữu Vô, Nan Dị, Trường Đoản, Cao Hạ, Âm Thinh, Tiền Hậu… phải là danh từ kép, thành một khối bất khả phân. Tách rời ra, mỗi danh từ Hữu hay Vô, Nan hay Dị, v.v… chỉ là một thực tại phiến diện (khúc曲).

Người có một sự hiểu biết phiến diện theo nhị nguyên, gọi là*"khúc sĩ"* (曲士).



CHƯƠNG 3

1. Bất thượng hiền, Sử dân bất tranh; Bất quý nan đắc chi hóa, Sử dân bất vi Đạo.

Bất kiến khả dục, Sử dân tâm bất loạn.

不尚賢
使 民不爭
不貴難得之貨
使民不為盜。
不見可欲
使民心不亂。

2. Thị dĩ thánh nhơn chi trị, Hư kỳ tâm Thực kỳ phúc, Nhược kỳ chí Cường kỳ cốt, Thường sử dân vô tri vô dục, Sử phù trí giả bất cảm vi dã.

是以聖人之治,
虛其心
實其腹
弱其志
强其骨
常使民無知無欲
使夫智者不敢爲也。

3. Vi vô vi, Tắc vô bất trị.

為無爲
則無不治。

DỊCH NGHĨA

1. Không tôn bậc hiền tài, khiến cho dân không tranh giành; Không quý của khó đặng, khiến cho dân không trộm cướp; Không phô điều ham muốn, khiến cho lòng dân không loạn.

2. Vì vậy, cái trị của Thánh nhơn (là làm cho dân): Hư lòng,
   No dạ,
   Yếu chí,
   Mạnh xương.
   Thường khiến cho dân không biết, không ham, Khiến cho kẻ trí không dám dùng đến cái khôn của mình.

3. (Nếu) làm theo vô vi, ắt không có gì là không trị.

BÌNH CHÚ

A. *"Bất thượng hiền sử dân bất tranh"* 不尚賢使民不爭

Trọng "bậc hiền tài", tức là xúi giục lòng dân tranh giành làm bậc hiền tài để được người người quý trọng.

Quý "của khó đặng", tức là xúi giục lòng dân tranh giành chiếm đoạt để được người người thèm muốn món đồ sở hữu khó kiếm của mình. Trộm cướp nhân đó mà nổi lên vì bậc trị nước đã gợi được lòng tham của con người.

Tóm lại, hễ còn đem những gì làm cho người người thèm muốn mà tranh giành nhau, là khơi nguồn cho trộm cướp, chiến tranh.

"Bậc hiền tài", cũng như *"của khó đặng"*, là những cái*"mồi"* làm cho lòng dân sanh loạn. Nó có khác nào những chất củi khô làm bổi cho ngọn lửa tham dục dấy lên. Vậy *trị loạn*(tích cực) sao bằng *phòng loạn* (tiêu cực): rút củi ra thì lửa tắt đi.

"Không tôn bậc hiền tài", "không quý của khó đặng",không phô trương những điều mà lòng người tham muốn, đó là phép để dứt nguồn tham muốn của dân.

B. *"Hư kỳ tâm, thực kỳ phúc"* 虛其心實其腹

"Hư lòng" là "lòng không không", là lòng không tham dục vì không bận mắc trong thị phi, thiện ác, vinh nhục… nữa. *"Hư"*đây, đồng với chữ *"không"* của nhà Phật, tức là cái *"Tâm Chân Không"*.

"No dạ", khiến cho người no ấm, không vì cơ hàn mà sanh ra tham dục.

"Nhược kỳ chí" 弱其志: *"Yếu chí"*. *"Chí"* 志 đây là sức cố gắng, là ám chỉ tham vọng, để chiếm đoạt cho kỳ được tham vọng. *"Yếu chí"* là làm cho lòng tham đoạt không chỗ dùng mà yếu đi. Kẻ biết hành động theo vô vi thì thuận với tự nhiên mà làm. Thuận với tự nhiên mà làm thì không hay là có làm, đâu cần gì ý chí? Lấy nhơn lực, dụng tư tâm mà cưỡng lại với tự nhiên thì phải dùng đến chí. Không dụng tư tâm, hợp nhơn lực với thiên lực mà thuận với tự nhiên thì đâu phải dùng đến chí nữa. Cá và nước, thuận với nhau nên cá không hay là có nước, cá đâu cần phải cố gắng? Hành động mà đến chỗ hoàn toàn, là làm mà không hay là mình làm, làm một cách tự nhiên, mà nhà Phật gọi là hành động *"vô tâm"*.

"Cường kỳ cốt" 強其骨: *"Mạnh xương"* là được dồi dào sức khỏe. Kẻ bạc nhược là kẻ thường có tâm cảm tự ty, cho nên dễ có nhiều lòng tham vọng.

"Sử dân vô tri, vô dục" 使民無知無欲: *"Khiến cho dân không biết, không tham"*: *"Biết"* đây là ám chỉ sự hiểu biết thông thường, cái biết về thị phi, thiện ác… nguồn gốc của sự đèo bòng tham muốn, đó là cái mà Trang Tử gọi là "tiểu tri", cái biết vụn vặt chi ly của lý trí, chứ không phải cái "đại tri", cái biết bao gồm tổng quát của trực giác.

Nếu đã *"vô tri"* 無知 thì sẽ *"vô dục"* 無欲 vì không đèo bòng tham muốn do so sánh phân chia vinh nhục, lợi hại… mà có.

Dân mà trở lại thuần phác, không trọng hiền, không quý của khó đặng, không bị ngoại vật lôi cuốn… thì kẻ trí mưu xảo quyệt nương đâu mà dám dùng đến cái "khôn" của họ? Kẻ mà còn nhiều tham vọng thì lấy tham vọng mà dụ, kẻ đã tuyệt lòng tham vọng thì còn lấy cái gì để làm rối loạn được lòng? Và đây cũng đồng một ý với câu "Vì ta không tranh, nên không ai tranh nổi với ta" của Lão Tử.

C. Kết luận toàn chương: *"Lấy vô vi mà trị, thì không có gì là không trị."* (無爲而無不為)



CHƯƠNG 4

1. Đạo xung nhi dụng chi hoặc bất doanh; Uyên hề tự vạn vật chi tông.

道沖而用之或不盈
淵兮似萬物之宗。

2. Tỏa kỳ nhuệ, Giải kỳ phân, Hòa kỳ quang, Đồng kỳ trần.

挫其銳
解其紛
和其光
同其塵。

3. Trạm hề tự hoặc tồn Ngô bất tri thùy chi tử, Tượng đế chi tiên.

湛兮似或存
吾不知誰之子
象帝之先。

DỊCH NGHĨA

1. Đạo thì trống không, nhưng đổ vô mãi mà không đầy; Đạo như vực thẳm, dường như tổ tông của vạn vật.

2. Nó làm nhụt bén nhọn, Tháo gỡ rối rắm,
Điều hòa ánh sáng, Đồng cùng bụi bặm.

3. Nó trong trẻo thay!
Lại dường như trường tồn!
Ta không biết Nó là con ai, Dường như có trước Thiên đế.

BÌNH CHÚ

Chương này chuyên nói về cái Thể và cái Dụng của Đạo. Thể của Đạo không thể dùng lời nói mà hình dung được, thì nguyên thủy của Đạo cũng không sao nói ra đặng. Ta chỉ có thể hiểu Đạo dường như có trước tạo vật, nhưng không thể biết Đạo do đâu mà ra (C).

Tuy là hư không, mà dùng không hết, lấy không cùng, linh hoạt vô cùng (A).

Bén nhọn, rối rắm thì Đạo làm cho nhụt bén, gỡ rối. Đạo dung hòa tất cả mọi trình độ hiểu biết về thị phi thiện ác (hòa kỳ quang 和其光). Đạo cũng hòa lẫn cái trong sạch và nhơ bẩn, không phân thanh trọc gì cả. Thế mà Đạo vẫn trong trẻo lạ lùng! (B)

Thể của Đạo thật khó biết; *Dụng* của Đạo thật khó hiểu… Vì vậy Lão Tử dùng toàn những chữ không quyết định như *"hoặc"*或, *"tự"* 似, *"ngô bất tri"* 吾不知. Đúng với câu: *"Danh khả danh phi thường danh"* đã nêu ở chương đầu.

"Tỏa kỳ nhuệ, 挫其銳 Giải kỳ phân, 解其紛 Hòa kỳ quang, 和其光 Đồng kỳ trần." 同其塵



CHƯƠNG 5

1. Thiên địa bất nhân, Dĩ vạn vật vi sô cẩu; Thánh nhơn bất nhân, Dĩ bách tánh vi sô cẩu.
天地不仁
以萬物為芻狗
聖人不仁
以百姓為芻狗。

2. Thiên địa chi gian, Kỳ du thác thược hồ!
Hư nhi bất khuất, Động nhi dũ xuất, 天地之間
其猶橐若乎
虛而不屈
動而愈出。

3. Đa ngôn sổ cùng, Bất như thủ trung.
多言數窮
不如守中。

DỊCH NGHĨA

1. Trời đất không có nhân, Coi vạn vật như loài chó rơm; Thánh nhơn không có nhân, Coi trăm họ như loài chó rơm.

2. Cái khoảng giữa Trời Đất Giống như ống bễ.
Tuy trống không mà vô tận, Càng động lại càng hơi ra,

3. Càng nói nhiều, càng không sao nói hết được, Thà là giữ lấy cái Trung.

BÌNH CHÚ

A. Bậc Thánh nhơn, cũng như Đạo, không tư vị ai cả, nên gọi là "bất nhân". Đạo là cái luật lạnh lùng của Tạo hóa, không vì kẻ rét mà dẹp mùa đông. Đang thời thì dùng, sái thời thì bỏ, coi vạn vật như loài chó rơm. Chó rơm là vật dùng trong khi cúng tế. Lúc đang dùng thì quý. Dùng xong thì bỏ.

"Trời đất sanh vạn vật, như sanh cây cỏ. Xuân thì đâm chồi, thu thì rụng lá. Đang sanh thì quý, đã rụng thì bỏ đi. Xuân tới sanh lại, nhưng không còn là cây cỏ ngày xưa. Thánh nhơn đối với trăm họ cũng thế. Trăm họ, tức là trăm quan lãnh phần thi hành chánh giáo. Trăm quan ngày nay không còn là trăm quan ngày xưa, thì chánh giáo ngày xưa cũng không dùng cho ngày nay được… Như thế, ta thấy Lão Tử phản đối thuyết phục cổ, như Trang Tử thường bài bác Nho gia nói nhân nghĩa để tâng bốc tiên vương…" (theo Trần Trụ).

Trang Tử về sau diễn rộng nghĩa *"bất nhân"* trong bài Sô Cẩu.(*)

B. Lấy một tỉ dụ cụ thể để so sánh cái dụng của Đạo như cái ống bễ của thợ rèn. Cái lòng của ống bễ thì trống không, nhưng công dụng nó một hô một hấp mà thành ra vô tận, cho nên mới nói "càng động lại càng hơi ra", tức trong không mà sanh có, có có không không liên miên bất tuyệt. Lòng ống bễ là tượng trưng luật quân bình của Trời Đất: cái "không" gọi cái "có", cái "tịnh" gọi cái "động"…

C. Chữ *"Trung"* 中 mà Lão Tử dùng ở đây là ám chỉ cái luật quân bình và điều hòa của Đạo, rất ghét cái gì thái quá:*"tổn hữu dư, bổ bất túc".*

Chính chữ *"Trung"* ấy nó gìn giữ đòn cân thiện ác không cho chênh nghiêng thái quá về một bên nào cả. Chữ *"Trung"* cũng có nghĩa là *"hư không"*, đồng nghĩa với chữ *"Đạo"* hay chữ*"chân không"* của nhà Phật.

"Đa ngôn sổ cùng" 多言數窮, tức là "nói nhiều bao nhiêu cũng không sao *nói hết được*"… *"Nói hết được"* cái gì? *"Nói hết được"* cái công dụng vô tận của cái hư không *"hư nhi bất khuất"* mà Lão Tử đã vừa nói ở câu trên.

Ta nên nhớ Lão Tử chủ trương *hư không* 虛空 và không ngớt ca tụng công dụng vô tận của nó trong đời… Suốt một quyển*Đạo Đức*

Kinh đều loay quay chung quanh cái công dụng của hai chữ "hư vô", như sau đây ở chương thứ 11: "Tam thập phúc, cộng nhất cốc, đương kỳ vô, hữu xa chi dụng…" (三十輻共一轂當其無有車之用。)

Câu này (C) dùng để thừa tiếp ý nghĩa của câu trên *"hư nhi bất khuất"*, tuy cái *"thể"* của Đạo là "trống không" nhưng mà cái *"dụng"* của nó thì "vô tận".

Chương thứ 6 sau đây sẽ bàn rộng thêm: *"miên miên nhược tồn, dụng chi bất cần"*.



CHƯƠNG 6

1. Cốc thần bất tử, Thị vị huyền tẫn.
谷神不死
是為玄牝.
B Huyền tẫn chi môn, Thị vị thiên địa căn.
玄牝之門
是謂天地根。

2. Miên miên nhược tồn, Dụng chi bất cần.
綿綿若存
用之不勤。

DỊCH NGHĨA

1. Thần hang không chết,
   Nên gọi huyền tẫn.

2. Cửa của huyền tẫn,
   Gốc rễ của Đất Trời.

3. Dằng dặc như còn hoài,
   Dùng hoài mà không hết.

BÌNH CHÚ

Hai chữ "cốc thần" 谷神 và "huyền tẫn" 玄牝 đều là tên riêng của Đạo, chỉ cái thể "hư không" của Đạo.

Nghiêm Phục bàn rằng: "Vì cớ muốn dùng cái nghĩa hư không của Đó nên gọi là *cốc*; vì cớ muốn chỉ chỗ ứng dụng vô cùng của Đó nên gọi là *thần*; vì có muốn chỉ các công dụng "bất khuất" và "dũ xuất" ("không bao giờ tận", "càng động càng hơi ra" của Đó nên gọi là "bất tử". Ba cái Đó, đều là Đức của Đạo vậy". Câu giải thích này của Nghiêm Phục rất chính xác.

Chương này bổ túc cho chương trên, bàn về cái thể "hư không" của Đạo.

Phái Thần Tiên giải thích đoạn văn trên đây cho rằng: "Hang trong núi, gọi là "cốc", trỏ vào chỗ trống không (hư không). Biến hóa vô cùng, gọi là "thần", linh minh "bất tử" là luôn luôn tỉnh táo, không mê muội.

Còn chữ *"huyền tẫn"*, phái Thần Tiên lại giải: *Huyền, là Trời (dương); Tẫn, là Đất (âm). Trời Đất hợp lại, thành Huyền Tẫn. Có Huyền Tẫn rồi, hai khí âm dương mới hợp nhất thành một khí Thái Cực, khi lên khi xuống, khi lại khi qua trong chỗ hư không, đó tức là "cửa của huyền tẫn"*(huyền tẫn chi môn).

Nhưng đó là lối giải thích của nhóm Đạo giáo, không phải của nhà Đạo học.

Huyền tẫn 玄牝*:* có nghĩa là Mẹ nhiệm mầu. *Tẫn* lại cũng có nghĩa là lạch nước trong hang. Vì vậy, Pierre Leyris dịch chữ*"cốc thần"* là "l'Ésprit de la Vallée", như P. Salet, Stanislas Julien, L. Wieger, Liou Kia-Hway….

Xem lại chương 1, câu *"hữu danh vạn vật chi mẫu"*. Huyền tẫn là gốc rễ của Đất Trời (âm dương), tức muốn nói: Tịnh là gốc của Động, là gốc phát sinh ra vạn hữu.

So sánh với chương 4: *"Đạo xung nhi dụng chi…"*



CHƯƠNG 7

1. Thiên trường địa cửu Thiên địa sở dĩ năng trường thả cửu giả, Dĩ kỳ bất tự sinh, Cố năng trường sinh.
   天長地久
   天地所以能長且久者
   以其不自生
   故能長生。

2. Thị dĩ Thánh nhơn Hậu kỳ thân nhi thân tiên Ngoại kỳ thân nhi thân tồn Phi dĩ kỳ vô tư da?
   Cố năng thành kỳ tư.
   是以聖人
   後其身而身先
   外其身而身存。
   非以其無私邪
   故能成其私。

DỊCH NGHĨA

1. Trời dài đất lâu.

   Trời đất sở dĩ dài lâu, Là vì không sống cho mình, Nên mới đặng trường sinh.

2. Vì vậy Thánh nhơn,

   Để thân ra sau, mà thân ở trước; Để thân ra ngoài, mà thân đặng còn.

   Phải chăng vì không riêng tư, Mà thành được việc riêng tư?

BÌNH CHÚ

1. *Tự sinh*自生: Hà thượng công nói: "tự sinh" ở đây có nghĩa là "tự tư kỳ sinh" 自私其生 (sống riêng cho mình).

*Trường cửu*長久, là lâu dài. Đây cũng là một phép xử thế tiêu cực của Lão Tử: "Vì không riêng tư mà thành được việc riêng tư". Phương pháp xử thế này căn cứ vào câu: "Phản giả, Đạo chi động" 反者道之動 căn bản của triết học Lão Tử. "Phản ngược lại, đó là cái động của Đạo". Trái với quan niệm thông thường của người đời: hễ muốn lắm thì phải được. Lão Tử không cho vậy là phải. Theo ông thì cái gì mình muốn lắm lại không được như ý nguyện. Muốn quá "nên", thì lại dễ "hư"; muốn quá "tốt", thì lại dễ thành "xấu"… Đạo, rất ghét cái gì thái quá, cho nên "tổn hữu dư, bổ bất túc", "cao giả ức chi, hạ giả cử chi" để lập lại quân bình trong Trời Đất: hễ mình muốn đi trước thì Đạo lại kéo ra sau để được quân bình.

Vì vậy, bậc Thánh trí muốn cho "thân ra trước" thì lại "để thân ra sau", muốn cho "thân được còn" thì lại "để thân ra ngoài", muốn được việc cho riêng mình thì lại không bao giờ lo riêng cho mình, cũng như sau này ông thường khuyên ta: "tri kỳ hùng, thủ kỳ thư" 知其雄守其 雌, "tri kỳ bạch, thủ kỳ hắc" 知其白守其黑, "tri kỳ vinh, thủ kỳ nhục" 知其榮守其辱 (Chương 28), và dùng "nhu nhược thắng cang cường" (Chương 36), hoặc "bất tranh nhi thiện thắng" 不爭而善勝, toàn là dùng tiêu cực mà được tích cực.



CHƯƠNG 8

1. Thượng thiện nhược thủy: Thủy thiện lợi vạn vật nhi bất tranh, Xử chúng nhơn chi sở ố, Cố cơ ư Đạo.

上善若水
水善利萬物 而不爭
處眾人之所惡
故幾於道。

2. Cư thiện địa, Tâm thiện uyên, Dũ thiện nhân, Ngôn thiện tín, Chánh thiện trị, Sự thiện năng, Động thiện thời.

居善地
心善淵
與善仁
言善信
正善治
事善能
動善時。

3. Phù duy bất tranh, Cố vô vưu.

夫唯不爭
故無尤。

DỊCH NGHĨA

1. Bậc "thượng thiện" giống như nước; Nước thì hay làm lợi cho vạn vật mà không tranh.

   Ở chỗ mà người người đều ghét, Nên gần với Đạo.

2. Ở thì hay lựa chỗ thấp; Lòng thì chịu chỗ thâm sâu; Xử thế thì thích dùng đến lòng nhân; Nói ra thì trung thành không sai chạy, Sửa trị thì chịu làm cho được thái bình.

   Làm việc thì hợp với tài năng, Cử động thì hợp với thời buổi.

3. Ôi, vì không tranh,

   Nên không sao lầm lỗi.

BÌNH CHÚ

A. Tánh của nước là yếu mềm: gặp chỗ trống, thiếu thì chảy vào, gặp chỗ đầy, dư thì chảy ra; lánh cao mà tìm thấp, ngày đêm chảy mãi không ngừng… để lấp đầy những gì trống trên mặt đất. Nó là tượng trưng thực hiện luật quân bình của Trời Đất. Lên trên thì làm mưa móc, xuống dưới thì làm sông lạch. Đâu đâu cũng tưới gội thấm nhuần. Luôn luôn tùng thuận, chẳng hề kháng cự: bị cản thì dừng, mở đường thì chảy, ống thẳng bầu tròn, nhưng không mất bản chất bao giờ. Vì vậy mới gọi "hay làm lợi cho vạn vật mà không tranh".

"Xử chúng nhơn chi sở ô" 處眾人之所惡: Thiên hạ đều ham danh mà ghét nhục, thích ở trên cao mà ghét ở dưới thấp. Nước, trái lại, lánh cao mà tìm thấp… "cư thiện địa" (ở thì ưa chỗ thấp…). Đây là cùng một ý nghĩa với chương trên: "hậu kỳ thân nhi thân tiên", chứ không phải như phần đông đã hiểu sai, cho rằng triết học của Lão Tử chủ trương thoái hóa và yếu hèn. (Xem lại phần bình luận ở chương trên.)

B. Chữ "thiện" 善 đây có nghĩa là ưa thích, thuận chịu… *"Cư thiện địa"* 居善地: ở thì ưa lựa chỗ thấp mà ở; *"Tâm thiện uyên"* 心善淵: đối với lòng thì ưa sự hư không, vắng lặng;

"Dữ thiện nhân" 與善仁: đối với người thì yêu thương tất cả, không có tình thương riêng tư;

"Ngôn thiện tín" 言善信: lời nói thì thành thực trung hậu;

"Chánh thiện trị" 正善治: trị thiên hạ thì vụ sự làm cho lòng người đừng loạn;

"Sự thiện năng" 事善能: làm việc thì hợp với tài năng, không miễn cưỡng, không tham vọng những việc làm quá tài đức của mình. Khác với thường nhơn, tài đức kém mà thích địa vị cao;

"Động thiện thời" 動善時: hành vi cử động đều hợp thời, vừa lúc;

Đó là hạnh của Thánh nhơn.

C. Thánh nhơn "không tranh" nên không lầm lỗi… Đó là kết luận của toàn chương này.



Chương này thừa tiếp chương trên, để thêm ý nghĩa. Ở đây Lão Tử đề xướng cái đạo *"bất tranh"*, lấy nước mà ví với Đạo. Phải chăng

vì muốn cầu kỳ lập dị?

Người ta sở dĩ có tranh giành với nhau, điều kiện đầu tiên là phải cùng đồng một quan niệm với nhau về điều phải lẽ quấy. Cùng cho một vật là quý mới có sự tranh giành với nhau. Chứ đối với một vật mà kẻ trọng người khinh thì sự đấu tranh không còn lý do gì tồn tại. Huống chi Lão Tử đã cho rằng: “thiên hạ giai tri mỹ chi vi mỹ, tư ác dĩ; giai tri thiện chi vi thiện, tư bất thiện dĩ”, xem thị phi thiện ác như nhau, thì lạ gì khi thiên hạ ùa nhau vào chỗ cao, riêng ông đứng nơi chỗ thấp, thiên hạ ùa vào đứng trước, riêng ông thích đứng đàng sau: đối với ông chẳng những vì ông không cho chỗ nào vinh chỗ nào nhục, chỗ nào thấp chỗ nào cao… mà lại cũng vì ông muốn làm thế để giữ lại mức thăng bằng trong xã hội quá thiên về cái Đạo *hữu vi* tích cực. Cho nên dù cho ai cố muốn tranh, cũng không làm sao tranh với ông được. Vì vậy, ở chương 66 sau này, ông mới nói:*“dĩ kỳ bất tranh, cố thiên hạ mạc năng dữ chi tranh.”* 以其不爭故天下莫能與之爭 (bởi vì Nó không tranh, nên không ai tranh với Nó được).



CHƯƠNG 9

Trì nhi doanh chi Bất như kỳ dĩ.
Sủy nhi chuyết chi, Bất khả trường bảo.
Kim ngọc mãn đường, Mạc chi năng thủ.
Phú quý nhi kiêu, Tự di kỳ cữu.
Công toại thân thối, Thiên chi Đạo.
持而盈之
不如其已。
揣而棁之
不可長保。
金玉滿堂
莫之能守。
富貴而驕
自遺其咎。
功遂身退
天之道。

DỊCH NGHĨA

Ôm giữ chậu đầy,
Chẳng bằng thôi đi.
Dùng dao sắc bén,
Không bén được lâu.
Vàng ngọc đầy nhà,
Khó mà giữ lâu.
Giàu sang mà kiêu,
Tự vời họa ưu.
Nên việc, lui thân,
Đó là Đạo Trời.

BÌNH CHÚ

Đầy thì đổ. Cái gì đầy không làm sao giữ đừng cho đổ, và giữ được lâu dài, chi bằng đừng để cho nó đầy.

Một món đồ sắc bén mà dùng thường, khó giữ nó sắc bén lâu được.

Vàng bạc ngọc ngà mà chất chứa đầy nhà là tự vời kẻ trộm đến. Phú quý là điều mà thiên hạ ai ai cũng muốn, lại còn khoa trương thì không vời họa đến cho mình sao được?

Đây là bàn cho rộng thêm nghĩa cái ý chương thứ 3: *"Bất kiến khả dục, sử dân tâm bất loạn."* 不見可欲使民 心不亂。

Ở đây Lão Tử diễn thêm cái ý đã nói ở chương 2: *"Công thành nhi phất cư. Phù duy phất cư, thị dĩ bất khứ."* 功成而弗居。夫唯弗居，是以不去。



CHƯƠNG 10

1. Tải doanh phách bão nhất, Năng vô ly hồ?
Chuyên khí trí nhu, Năng anh nhi hồ?
Địch trừ huyền lãm, Năng vô tỳ hồ?
載營魄抱一
能無離乎？
專氣致柔
能嬰兒乎？
滌除玄覽
能無疵乎？

2. Ái dân trị quốc, Năng vô vi hồ?
Thiên môn khai hạp.
Năng vô thư hồ?
Minh bạch tứ đạt, Năng vô tri hồ?
愛民治國
能無為乎？
天門開闔
能無雌乎？
明白四達
能無知乎？

3. Sanh chi súc chi, Sanh nhi bất hữu, Vi nhi bất thị, Trưởng nhi bất tể, Thị vị huyền đức.
生之畜之
生而不有
為而不恃
長而不宰
是謂玄德。

DỊCH NGHĨA

1. Làm cho hồn phách hiệp một, Không thể chia lìa, đặng không?
   Làm cho hơi thở tụ lại, Như trẻ sơ sanh, đặng không?
   Gột rửa lòng ham huyền diệu, Đừng còn chút bợn, đặng không?

2. Thương dân trị nước,
   Mà làm như không làm, đặng không?
   Cửa trời khép mở,
   Mà làm như con mái, đặng không?
   Hiểu biết tất cả,
   Mà làm như không biết gì cả, đặng không?

3. Sanh đó, nuôi đó,
   Sanh mà không chiếm cho mình, Làm mà không cậy công, Làm bậc lớn mà không làm chủ, Đó gọi là huyền đức.

BÌNH CHÚ

A. Làm cho hồn và phách hiệp làm một luôn luôn, không cho chúng lìa nhau.

Điều hòa hô hấp để hóa khí và tụ nó vào "đan điền" để giữ vững mãi sự "bão nhất" của đứa trẻ sơ sanh (thai tức).

Đừng để cho lòng vọng động, bởi còn lo nghĩ vu vơ về những huyền diệu của Trời Đất thì sinh lực hao mòn. Khi đã huyền đồng vật ngã, thì vấn đề trên đây tự nó đã giải quyết: Ta và vũ trụ vạn vật là Một.

Trở lên là những lời khuyên về Đạo dưỡng sinh: các Đạo gia phái tu dưỡng vịn vào đây để bày ra thuyết "trường sinh cửu thị". Phép "tĩnh tọa" chủ trương "chân không" nên mới bảo: "địch trừ huyền lãm, năng vô tỳ hồ". Có "địch trừ huyền lãm" mới "chuyên khí trí nhu" và có "chuyên khí trí nhu" mới "làm cho hồn phách hiệp một" (tải doanh phách bão nhất) mà được khang kiện.

Vì vậy, tuy gọi là thuật dưỡng sinh mà tựu trung bắt đầu là thuật dưỡng tâm, vì thân và tâm là một.

Nhà triết học Epicure cũng có nói: "Một thân thể không đau, một tinh thần không loạn; đó là chân hạnh phúc của con người". Có được một thân thể không đau là có đủ điều kiện thuận tiện để có được một tinh thần không loạn. Nhưng ta cũng có thể nói: Sở dĩ có được một thân thể không đau là nhờ có một tinh thần không loạn. Đó là hai điều liên quan mật thiết không thể rời nhau. Đây là chỗ mà Lão Tử gọi là *"huyền đức"* trong Đạo dưỡng sinh.

B. *"Huyền đức"* 玄德 trong Đạo dưỡng sinh cần phải *"bão nhất"* 抱一 hồn phách; *"huyền đức"* trong Đạo trị dân cũng một thế.

Trị dân mà trị theo phép "vô vi", dân không biết là bị trị. Luôn luôn "làm như con mái", "thụ động" và không làm gì cả, vậy mà thực ra không có gì là không làm.

"Hiểu biết tất cả, mà làm như không biết gì cả" tức là "tri kỳ hùng, thủ kỳ thư" (知其雄守其雌).

C. Sanh dưỡng mà không chiếm làm của riêng; Thành công mà không cậy công;

Làm bậc lớn mà làm như kẻ không dám đứng trước và chỉ huy dẫn đạo…

Đó là những hành vi của kẻ hiểu Đạo mà Lão Tử gọi là "huyền đức" (玄德).



CHƯƠNG 11

1. Tam thập phúc, cộng nhứt cốc, Đương kỳ vô, hữu xa chi dụng.
   三十輻共一轂
   當其無有車之用。

2. Duyên thực dĩ vi khí, Đương kỳ vô, hữu khí chi dụng.
   埏埴以為器
   當其無有器之用。

3. Tạc hộ dũ dĩ vi thất, Đương kỳ vô, hữu thất chi dụng.
   鑿戶牖以為室。
   當其無有室之用。

4. Cố,
   Hữu chi dĩ vi lợi, Vô chi dĩ vi dụng.
   故 有之以為利
   無之以為用。

DỊCH NGHĨA

1. Ba chục căm, hợp lại một bầu, nhưng nhờ chỗ "không", mới có cái "dụng" của xe.

2. Nhồi đất để làm chén bát,
Nhờ chỗ "không" mới có cái "dụng" của chén bát.

3. Khoét cửa nẻo, làm buồng the, Nhờ chỗ "không" mới có cái "dụng" của buồng the.

4. Bởi vậy,
Lấy cái "có" đó để làm cái lợi, Lấy cái "không" đó để làm cái dụng.

BÌNH CHÚ

Bánh xe, nhờ chỗ "trống không" ở giữa, mới để được cái trục cho xe đi. Chén bát, nhờ chỗ "trống không" mà chứa được đồ. Buồng the, nhờ chỗ "trống không" mà ở được. Nhưng, sở dĩ thành được ba món ấy cũng nhờ có cây, có đất, có vách.

Chẳng có cái "trống không" kia thì ba món ấy không dùng được, nhưng không có cây, đất, vách kia cũng không thành ba món ấy đặng. Bởi vậy mới nói: "Hữu chi dĩ vi lợi, vô chi dĩ vi dụng." 有之以為利無之以為用。

Chương này nói rành cái *diệu dụng* của cái *"không"* 空 bằng ba ví dụ cụ thể: bánh xe, chén bát và phòng the. (Xem lại chương 5).



CHƯƠNG 12

1. Ngũ sắc lịnh nhơn mục manh.
Ngũ âm lịnh nhơn nhĩ lung.
Ngũ vị lịnh nhơn khẩu sảng?
Trì sính điền liệp, Lịnh nhơn tâm phát cuồng.
Nan đắc chi hóa, Lịnh nhơn hành phương.
五色令人目盲。
五音令人耳聾。
五味令人口爽。
馳騁畋獵
令人心發狂。
難得之貨
令人行妨。

2. Thị dĩ thánh nhơn, Vị phúc bất vị mục.
Cố khứ bỉ thủ thử.
是以聖人
為腹不為目
故去彼取此。

DỊCH NGHĨA

1. Năm màu khiến người tối mắt.
Năm giọng khiến người điếc tai.
Năm mùi khiến người tê lưỡi.
Sải ngựa săn bắn,
Khiến lòng người hóa cuồng.
Của cải khó đặng,
Khiến người gặp nhiều tai hại.

2. Bởi vậy Thánh nhơn, Vì bụng mà không vì mắt.
Nên bỏ cái này mà lấy cái kia.

BÌNH CHÚ

Trần Trụ giải thích chương này nói: “Đây là nói về cái hại của văn minh vật chất. Văn minh vật chất càng tiến bộ thì sự theo đuổi thinh sắc càng ngày càng tăng gấp, khiến cho người người mù mắt, điếc tai, tê lưỡi, cuồng tâm mà không thôi đặng. Loạn của thiên hạ vì đó mà sanh ra.”

“Thánh nhơn vì bụng mà không vì mắt”, là vụ “trong” mà không vụ “ngoài”, không vụ sự làm cho đẹp mắt, êm tai, kích thích thêm nhiều dục vọng mà làm cho con người quên mất Thiên Chân.

Những chữ *“manh”* 盲, *“lung”* 聾, *“sảng”* 爽, *“cuồng”* 狂 là những từ rất mạnh để cảnh tỉnh người đời.



CHƯƠNG 13

1. Sủng nhục nhược kinh Quý đại hoạn nhược thân, 寵辱若驚
貴大患若身。

2. Hà vị sủng nhục nhược kinh?
Sủng vi thượng, nhục vi hạ; Đắc chi nhược kinh, Thất chi nhược kinh.
Thị vị sủng nhục nhược kinh.
何謂寵辱若驚？
寵為上辱為下
得之若驚
失之若驚
是謂寵辱若驚。

3. Hà vị quý đại hoạn nhược thân?
Ngô sở dĩ hữu đại hoạn giả vi ngô hữu thân.
Cập ngô vô thân, Ngô hữu hà hoạn!
何謂貴大患若身？
吾所以有大患者為吾有身.
及吾無身
吾何有患？
D Cố,
Quý dĩ thân vi thiên hạ, Nhược khả ký thiên hạ, Ái dĩ thân vi thiên hạ, Nhược khả thác thiên hạ.
故
貴以身為天下
若可寄天下。
愛以身為天下
若可託天下。

DỊCH NGHĨA

1. Vinh và nhục đều là sợ hãi; Quý và hoạn đều là vì có thân.

2. Tại sao gọi vinh và nhục đều là sợ hãi?
Là vì, vinh trên thì nhục dưới, Được cũng sợ hãi,
Mà mất cũng sợ hãi.
Vì vậy mới gọi "vinh nhục đều là sợ hãi".

3. Tại sao gọi "quý và hoạn đều là vì có thân"?
Là vì, ta sở dĩ có lo lớn là vì ta có thân.
Nếu ta không thân,
Ta sao có lo!

4. Vậy,
Kẻ nào biết quý thân vì thiên hạ, nên giao phó thiên hạ cho họ được.
Kẻ nào biết thương thân vì thiên hạ, nên gởi gắm thiên hạ cho họ được.

BÌNH CHÚ

Sao gọi là "vinh nhục đều là sợ hãi"? Vì có vinh, tất có nhục: "Vinh trên thì nhục dưới". Được vinh thì mừng, nhưng mừng bao nhiêu thì sợ mất bấy nhiêu. Mất thì lại càng đau khổ biết chừng nào! Vì vậy, "được cũng sợ hãi" mà "mất cũng sợ hãi". Chỉ có giữ được thái độ "được không mừng thì mất không buồn" mới là người thông đạt sự lý.

"Ngô sở dĩ hữu đại hoạn giả, vi ngô hữu thân." 吾所以 有大患者為吾有身。"Hữu thân" đây chỉ về cái "tiểu ngã" của mình, thấy mình cô lập giữa vũ trụ vạn vật. Con người vì quá lo lắng cho cái tiểu ngã của mình mới có gây nên "lo lớn". Cho nên nếu ta không nghĩ đến mình nữa thì làm gì có lo? *"Cập ngô vô thân, ngô hữu hà hoạn!"* 及 吾無身吾有何患。

"Vô thân", là thấy không có mình, vì đã huyền đồng cùng vũ trụ.



CHƯƠNG 14

1. Thị chi bất kiến danh viết Di; Thính chi bất văn danh viết Hi: Bác chi bất đắc danh viết Vi.

Thử tam giả bất khả trí cật.

Cố hỗn nhi vi nhất.

視之不見名曰夷。

聽之不聞名曰希。

摶之不得名曰微。

此三者不可致詰。

故混而為一。

2. Kỳ thượng bất kiểu, Kỳ hạ bất muội.

Thằng thằng bất khả danh.

Phục quy ư vô vật, Thị vị vô trạng chi trạng, Vô vật chi tượng, Thị vị hốt hoảng, Nghinh chi bất kiến kỳ thủ, Tùy chi bất kiến kỳ hậu.

其上不皦。

其下不昧。

繩繩不可名

復歸於無物

是謂無狀之狀

無物之象

是謂惚恍

迎之不見其首

隨之不見其後。

3. Chấp cổ chi Đạo, Dĩ ngự kim chi hữu.

Năng tri cổ thỉ, Thị vị Đạo kỷ.

執古之道，

以御今之有。

能知古始

是謂道紀。

DỊCH NGHĨA

1. Xem mà không thấy, nên tên gọi là "Di"; Lóng mà không nghe, nên tên gọi là "Hi"; Bắt mà không nắm được, nên gọi là "Vi".

   Ba cái ấy, không thể phân ra được, Vì nó hỗn hợp làm Một.

2. Trên nó thì không sáng,

   Dưới nó thì không tối,

   Dài dằng dặc mà không có tên.

   Rồi lại trở về chỗ không có.

   Ấy gọi là cái hình trạng không hình trạng Cái hình trạng của cái không có vật.

   Ấy gọi là "hốt hoảng"

   Đón nó thì không thấy đầu, Theo nó thì không thấy đuôi.

3. Giữ cái Đạo xưa,

   Để mà trị cái có của hiện nay.

   Biết được cái đầu mối của xưa, Ấy gọi là nắm được giềng mối của Đạo.

BÌNH CHÚ

Chương này bàn về bản thể của Đạo.

A. Ba chữ *"di, hi, vi"* là gượng mà dùng, để chỉ sự cực kỳ tế vi của Đạo, mắt không thể thấy, tai không thể nghe, rờ không thể đụng… chứ không phải tuyệt không có gì cả.

B. Đạo lại là vô thủy vô chung, có mà như không, không mà như có… So sánh với câu *"Phi hữu, phi không; diệc hữu, diệc không"* của nhà Phật.

C. Kẻ trị thiên hạ phải biết trở về với Đạo ấy, vì "biết được cái đầu mối của xưa, tức là nắm được giềng mối của Đạo".



Hà thượng công nói: "Di 夷 là không có màu sắc" (無色 曰夷 vô sắc viết Di).

Chữ Hi 希 là không âm không tiếng (無聲曰希 vô thinh viết Hi); Chữ Vi 微 là không hình dáng (無形曰微 vô hình viết Vi). Ba chữ ấy miêu tả sự vô sắc, vô thinh, vô hình của Đạo.

"Đạo kỷ" 道紀 tức là mối giềng của Đạo (道之端緒 Đạo chi đoan tự).

"Hốt hoảng" 惚恍, tức là "tợ hữu tợ vô" (như có mà như không).

"Vô vật" 無物:

Tuy nhìn mà không thấy, lóng mà không nghe, rờ mà không đụng, nhưng chẳng phải toàn vô hình trạng, chỉ vì khó lấy lời nói mà hình dung, cho nên gượng gọi là "vô vật".

"Thằng thằng" 繩繩: qua qua mãi mà không dứt, tức là không thể thấy đầu thấy đuôi, ám chỉ sự liên tục của nhân và quả, của trước và sau, của không và có.



CHƯƠNG 15

1. Cổ chi thiện vi sĩ giả
Vi diệu huyền thông, Thâm bất khả thức.
Phù duy bất khả thức, Cố cưỡng vi chi dung.
古之善為士者
微妙玄通。
深不可識
夫唯不可
識 故强為之容。

2. Dự hề nhược đông thiệp xuyên, Do hề nhược úy tứ lân.
Nghiễm hề kỳ nhược khách, Hoán hề nhược băng chi tương thích.
Đôn hề kỳ nhược phác, Khoáng hề kỳ nhược cốc, Hỗn hề kỳ nhược trọc.
豫兮若冬涉川
猶兮若畏四鄰。
儼兮其若客
渙兮若冰之將釋
敦兮其若樸
曠兮其若谷
混兮其若濁。

3. Thục năng trọc dĩ tĩnh chi từ thanh, Thục dĩ an dĩ động chi từ sanh.
孰能濁以靜之徐清
孰以安以久動之徐生。

4. Bảo thử Đạo giả bất dục doanh, Phù duy bất doanh, Cố năng tế nhi tân thành.
保此道者不欲盈
夫惟不盈
故能蔽而新成。

DỊCH NGHĨA

1. Bậc toàn thiện xưa,
   Tinh tế, nhiệm mầu,
   Siêu huyền, thông suốt.
   Sâu chẳng khả dò.
   Bởi chẳng khả dò,
   Tạm hình dung Đó.

2. Thận trọng dường qua sông trên nước đặc.
   Do dự dường sợ mắt ngó bốn bên.
   Nghiêm kính dường khách lạ, Chảy ra dường băng tan, Quê mùa dường gỗ chưa đẽo gọt, Trống không dường hang núi, Pha lẫn dường nước đục.

3. Ai hay nhờ tịnh mà đục hóa trong, Ai hay nhờ động mà đứng lại đi?

4. Kẻ giữ Đạo, không muốn đầy.
   Chỉ vì không muốn đầy, Nên mới che lấp được.
   Mà chẳng trở nên mới.

BÌNH CHÚ

A. Bậc Thánh xưa rất nhiệm mầu, tinh tế và sâu sắc đến đỗi không còn lời nào miêu tả được.

Vì vậy Lão Tử mới dùng đến phép tỉ giảo để tạm hình dung những bậc ấy.

B. Họ rất thận trọng như lúc đi qua sông trên giá đặc; Họ dè dặt như bị muôn mắt dòm ngó họ;

Họ nghiêm trang kính cẩn như đứng trước người khách lạ;

Họ làm như người không có bản ngã, vì nơi họ nó đã rã như băng tan;

Họ mộc mạc như cây gỗ chưa đem ra mà cưa dùng;

Lòng họ "trống không" như hang núi; họ làm như kẻ sống trong tình trạng hỗn độn, chưa biết phân biệt thiện ác, thị phi, vinh nhục…, như nước bị bùn dấy… *"hỗn hề kỳ nhược trọc"*(pha lẫn dường nước đục).

Đoạn này nên để ý về sự dùng chữ *"nhược"* 若 của Lão Tử có nghĩa là *dường như*, chứ không phải thực sự như thế.

C. *"Thục năng trọc dĩ, tĩnh chi từ thanh…"* 孰能濁以靜 之徐清

Tìm sự trong sạch và yên tĩnh "ngoài đời" là không đúng. Người ta, phần đông, hiểu lầm chủ nghĩa vô vi của Lão Tử và cho đó là Đạo "xuất thế". Thực ra, ông bảo rằng trong đời không có gì "phải" mà không có "quấy", có "thiện" mà không có "ác", có "ngoài" mà không có "trong", có "tịnh" mà không có "động"… Ông lại còn nói: *"Quý, dĩ tiện vi bổn; cao, dĩ hạ vi cơ"… "trọng vi khinh căn…"* (Chương 26).

Đạo không "ngoài" đời… Cho nên người đạt Đạo không "xuất thế" mà cũng không "nhập thế", vì "Thế" và "Đạo" là Một. Bởi vậy mới nói "Ai hay nhờ tĩnh mà đục hóa trong; ai hay nhờ động mà đứng lại đi…". Nước mà tịnh, thì đục cũng hóa ra trong. Cái "đục" là điều kiện của cái "trong", cái "tịnh" là điều kiện của cái "động"… cái "không làm" là điều kiện của cái "làm"…

D. Kẻ "giữ" cái Đạo ấy nơi lòng thì *"không muốn đầy…"*

(Bảo thử Đạo giả, bất dục doanh 保此道者不欲盈).

Là vì "đầy" thì đổ… *"Vật cùng tắc biến, vật cực tắc phản"*… Đó là chỗ mà Lão Tử thường khuyên: *"khứ thậm, khứ xa, khứ thái"*… để

tránh trước sự phản biến.

Và "chỉ vì không muốn" để cho "đầy", cho nên luôn luôn thường chịu sống trong cảnh "ở sau" hơn đứng trước, "ở dưới" hơn đứng trên, để được "đứng trước", "đứng trên" mà không bị hại, vì đã biết "che lấp" cái "đầy" của mình.



CHƯƠNG 16

1. Trí hư cực, Thủ tịnh đốc, 致虛極
守靜篤
B Vạn vật tịnh tác, Ngô dĩ quan phục.
Phù vật vân vân…
Các phục quy kỳ căn.
萬物並作
吾以觀復。
夫物芸芸
各復歸其根。

2. Quy căn viết Tịnh, Thị vị Phục Mạng.
Phục mạng viết Thường.
歸根曰靜
是謂復命。
復命曰常。

3. Tri thường viết Minh, Bất tri thường, vọng tác hung.
知常曰明
不知常妄作凶。

4. Tri thường dung, Dung nãi công, Công nãi vương, Vương nãi thiên, Thiên nãi Đạo, Đạo nãi cửu, Một thân bất đãi.
知常容
容乃公
公乃王
王乃天
天乃道
道乃久
沒身不殆。

DỊCH NGHĨA

1. Đến chỗ cùng cực hư không, Là giữ vững được trong cái Tịnh.

2. Vạn vật cùng đều sinh ra; Ta lại thấy nó trở về gốc, Ôi! Mọi vật trùng trùng, Đều trở về cội rễ của nó.

3. Trở về cội rễ, gọi là Tịnh.
   Ấy gọi là Phục Mạng Phục mạng gọi là Thường.

4. Biết thường gọi là Minh.
   Không biết Đạo thường mà làm càn là gây hung họa.

5. Biết Đạo thường thì bao dung, Bao dung thì công bình, Công bình thì bao khắp, Bao khắp là Trời,
   Trời là Đạo, Đạo thì lâu dài, (Ai mà được vậy)
   Suốt đời không nguy…

BÌNH CHÚ

A. "Trí hư cực, thủ tịnh đốc" 致虛極，守靜篤

Kẻ nào đạt đến "chỗ cùng cực của hư không" tức là kẻ đã "giữ vững trong cái tịnh".

"Tịnh cực thì dương sinh". Dương đó là đầu mối của Đạo vậy. Có "*hư*" mới có "*tịnh*".

B. Vạn vật tịnh tác, ngô dĩ quan kỳ phục. Phù vật vân vân, các phục quy kỳ căn…" 萬物並作，吾以觀復。夫物芸 芸，各復歸其根

Đây là thuyết phục mạng. Các vật sau khi phóng ra… rồi đều trở về nguồn gốc của nó cả. Chính là chỗ mà sau đây, chương 40, ông nói: "Phản giả, Đạo chi động" 反者 道之動.

C. Cội rễ của vạn vật, tức là Đạo, thời "*tịnh*". Cho nên "trở về cội rễ", là trở về tịnh. Cũng gọi là "phục mạng".

Trở về được với gốc rễ, thời gọi là "thường", vì Đạo cũng có tên là "thường" 常, nghĩa là "vĩnh cửu, bất biến".

D. Biết được cái "thường" của Đạo, thì gọi là người "sáng suốt". Trái lại, không biết được cái Đạo "thường" ấy lại làm càn làm bướng thì sẽ gây tai họa cho mình và cho chung quanh.

Là tại sao?

E. Là vì kẻ không biết Đạo, thì chấp một bên cái phải mà phủ nhận cái quấy, chấp một bên cái thiện mà phủ nhận cái ác… nên mới gây ra sự không hiểu nhau và thiếu lòng bao dung. Kẻ thông hiểu Đạo, biết rõ lẽ tương đối của mọi sự mọi vật, cũng như lẽ tương đối của trình độ hiểu biết của mọi người, nên dễ có lòng bao dung. Mà có được lòng bao dung mới là người công bình. Công bình thì đâu cũng một thế, nên mới nói "công bình thì bao khắp".

"Bao khắp là Trời, Trời là Đạo,
Đạo thì lâu dài…"

Đây là lối luận liên châu, để kết lại rằng: Kẻ nào theo với Đạo thì sẽ được lâu dài, "suốt đời không nguy".



CHƯƠNG 17

1. Thái thượng, hạ tri hữu chi.
   太上下知有之。

2. Kỳ thứ thân nhi dự chi.
   Kỳ thứ úy chi.
   Kỳ thứ vũ chi.
   Tín bất túc yên, Hữu bất tín yên.
   其次親而譽之。
   其次畏之。
   其次侮之。
   信不足焉
   有不信焉。

3. Du hề kỳ quý ngôn.
   Công thành sự toại, Bách tánh giai vị ngã tự nhiên.
   悠兮其貴言。
   功成事遂
   百姓皆謂我自然。

DỊCH NGHĨA

1. Đời thái sơ, dân chỉ biết có đấy.

2. Kế đó, dân thân và khen đấy.
Kế đó, dân sợ đấy.
Kế đó, dân khinh đấy. Vì không đủ tin, Nên dân không tin,

3. Bậc thánh xưa, quý lời nói, Làm xong công việc cho dân, Mà dân cứ tưởng “tự nhiên tự mình làm”.

BÌNH CHÚ

A. Bậc vua chúa đời thái sơ, dân chỉ biết có, mà không hay là bị trị.

Là vì các bậc ấy dùng vô vi mà trị, làm cho nhân dân cảm thấy như cá sống trong nước, nhờ nước mà không hay là có nước.

B. Qua đời thượng cổ, dân biết thân cận và khen ngợi công lao của các bậc trị nước.

Đến đời trung cổ thì dân lại càng thấy xa nhà cầm quyền, nên biết sợ.

Sau đó thì dân chống lại và khinh mạn. Đó là hậu quả của phép hữu vi trị nước vậy.

Văn Trung Tử cũng có nói: "Cường quốc chiến binh, bá quốc chiến trí, vương quốc chiến nghĩa, đế quốc chiến đức, hoàng quốc chiến vô vi"（強國戰兵，霸國戰智，王國 戰義，帝國戰德，皇國戰無爲）.

(Cường quốc thì dùng đến binh khí mà tranh; Bá quốc thì dùng đến trí thuật mà tranh; Vương quốc thì dùng nhân nghĩa mà tranh; Đế quốc thì dùng ân đức mà tranh; Còn hoàng quốc thì dùng vô vi mà tranh).

Tại sao dân không còn tin tưởng nơi người cầm quyền, lại còn khinh mạn chống đối? Là vì "người trên không đủ cho lòng dân tin, nên dân không tin".

C. Bởi vậy bậc Thánh nhơn trị nước "làm mà không nói", khi công việc thành rồi thì lánh mặt ra đi, nên dân không hay là họ có làm mà tưởng là *"tự nhiên tự mình làm"*, cũng như các hoa nhờ ánh thái dương mà nở, nhưng không dè là nhờ nơi sức ấm nóng của thái dương mà nở, lại tưởng là*"tự nhiên tự mình nở"*. Đó đều là nhờ cái trị vô vi vậy.

Chương này Lão Tử bàn đến cái Đạo trị nước bằng vô vi (*vô vi nhi trị*) 無爲而治.



CHƯƠNG 18

1. Đại Đạo phế, hữu nhân nghĩa.
Trí tuệ xuất, hữu đại ngụy.
大道廢有仁義 智慧出有大偽。

2. Lục thân bất hòa hữu hiếu từ.
Quốc gia hôn loạn hữu trung thần.
六親不和有孝慈
國家昏亂有忠臣。

DỊCH NGHĨA

1. Đạo lớn mất, mới có nhân nghĩa.
   Trí tuệ sanh, mới có dối trá.

2. Lục thân chẳng hòa, mới có hiếu từ.
   Nước nhà rối loạn, mới có tôi ngay.

BÌNH CHÚ

Đời thái bình đâu cần đến tôi ngay, nhà yên ổn đâu có cần đến con thảo.

Quý tôi ngay, con thảo, ắt là nước nhà đang rối loạn, bất hòa. Như cá trong nước, nếu biết quý nước là vì có nạn thiếu nước. Cũng không khác nào kẻ khao khát tự do là những kẻ đang mất tự do.

Nguyên do của những điều bất nhân bất nghĩa đều ở chỗ dùng đến trí tuệ mà sanh ra. Đạo mà chưa mất, thiên hạ đâu cần dùng đến trí huệ để mà phân biệt thị phi, thiện ác, để mà tranh giành tốt xấu, vinh nhục với nhau. Đạo mà mất rồi, dục vọng mới sanh ra, mới có những sự đèo bòng tham muốn. Trí tuệ được đem ra mà dùng để phụng sự cho dục vọng vô bờ bến của con người: đại loạn sanh ra là thế.

Nhân nghĩa mà được đề cao là những lúc đời dẫy đầy những bất nhân bất nghĩa. Nguyên nhân là vì thiên hạ đã mất Đạo.

Chữ "trí tuệ" đây, là trí phân biệt (esprit discriminateur) trong giới nhị nguyên, thường gọi là lý trí (esprit analytique). "Trí tuệ" cũng có nghĩa là trí mưu, tính toán lợi hại. Lý trí không bao giờ hiểu được Đạo Một.



CHƯƠNG 19

1. Tuyệt thánh khí trí, Dân lợi bách bội.
   絕聖棄智
   民利百倍。

2. Tuyệt nhân khí nghĩa, Dân phục hiếu từ, 絕仁棄義
   民復孝慈。

3. Tuyệt xảo khí lợi, Đạo tặc vô hữu.
   絕巧棄利
   盜賊無有。

4. Thử tam giả, dĩ vi văn bất túc.
   此三者以為文不足。

5. Cố lịnh hữu sở chúc.
   Kiến tố bão phác, Thiểu tư quả dục.
   故令有所屬
   見素抱樸
   少私寡欲。

DỊCH NGHĨA

1. Dứt thánh bỏ trí, Dân lợi trăm phần.

2. Dứt nhân bỏ nghĩa, Dân lại thảo lành.

3. Dứt xảo bỏ lợi, Trộm cướp không có.

4. Dứt ba khoản đó, Có đủ vào đâu.

5. Phải được như vầy: Ăn ở giản dị và chất phác.
   Ít riêng tây, ít tham dục.

BÌNH CHÚ

Đây là thừa ý của chương trên "Đại Đạo phế, hữu nhân nghĩa; trí tuệ xuất, hữu đại ngụy" mà bàn thêm sự bảo toàn *thiên chân*, "ít riêng tây, ít tham dục".

Thánh trí, nghĩa nhân, lợi xảo, sở dĩ có là vì có chỗ so sánh phân biệt do cái tâm phân biệt xa lìa với Đạo Một mà sanh ra. Có so sánh phân biệt mới có đèo bòng tham muốn. Dứt ba cái ấy: "dứt thánh bỏ trí", "dứt nhân bỏ nghĩa", "dứt xảo bỏ lợi", chỉ là trị ngọn mà chưa trị gốc, nên mới gọi là "có đủ vào đâu".

Gốc nó là nơi lòng ta "nhiều riêng tây, nhiều tham dục", do nhãn kiến sai lầm của nhị nguyên mà sanh ra. Nhiều riêng tây là vì nhận lầm có nhĩ có ngã, nhiều tham dục là vì nhận lầm có mỹ có ác, có vinh có nhục, có thị có phi, có cao có hạ… Cho nên mới bảo: "Ít riêng tây, ít tham dục", *"thiểu tư quả dục"*（少私寡欲）.

"*Phác*", là chất gỗ chưa cưa chặt, chưa đẽo gọt và dùng làm vào việc gì cả, ám chỉ *thiên chân*. "*Bão phác*", là "*bảo toàn thiên chân*" gọi tắt là "*toàn chân*". "*Bão phác*" là gìn giữ cái đức còn trong trắng lúc ban đầu. Nhà Phật gọi là *bản lai diện mục*.

"*Kiến*" 見 cũng đọc là *hiện* (hiện ra, tỏ rõ). Làm cho hiện tỏ ra.

"*Tố*" 素 (tơ trắng, trắng nõn) ám chỉ sự giản dị, đơn thuần, không trang sức giả tạo, tức là giữ được tánh tự nhiên lúc ban đầu, mà nhà Phật gọi là *tánh* hay *Phật tánh*, mà nhà Đạo gọi là*thiên chân* (quy chân, phản phác).



CHƯƠNG 20

1. Tuyệt học vô ưu Duy chi dữ a, tương khứ kỷ hà?
Thiện chi dữ ác, tương khứ nhược hà?
絕學無憂。
唯之與阿相去幾何？
善之與惡相去若何？
B Nhơn chi sở úy, Bất khả bất úy.
Hoang hề kỳ vị ương tai!
人之所畏
不可不畏。
荒兮其未央哉!
C Chúng nhơn, Như hưởng thái lao, Như xuân đăng đài.
眾人熙熙
如享太牢
如春登臺。

2. Ngã độc bạc hề kỳ vị triệu, Như anh nhi chi vị hài, Luy luy hề nhược vô sở quy.
我獨泊兮其未兆
如嬰兒之未孩
儽儽兮若無所歸。

3. Chúng nhơn giai hữu dư, Nhi ngã độc nhược di, Ngã ngu nhơn chi tâm dã tai!
Độn độn hề.
Tục nhơn chiêu chiêu Ngã độc hôn hôn.
Tục nhơn sát sát, Ngã độc muộn muộn, Đạm hề kỳ nhược hải.
Liêu hề nhược vô chỉ.
Chúng nhơn giai hữu dĩ, Nhi ngã độc ngoan tự bỉ.
眾人皆有餘，
而我獨若遺。
我愚人之心也哉!
沌沌兮。

俗人昭昭
我獨昏昏。
俗人察察
我獨悶悶。
澹兮其若海
飂兮若無止。
眾人皆有以
而我獨頑似鄙。

4. Ngã độc dị ư nhơn, Nhi quý thực mẫu.
我獨異於人
而貴食母。

DỊCH NGHĨA

1. Dứt học, không lo.
   "Dạ" với "ơi", khác nhau chỗ nào?
   Lành với dữ, khác nhau ở đâu?

2. Chỗ mà người sợ,
   Ta há chẳng sợ,
   Nhưng chưa có chi, sợ cũng vô ích.

3. Người đời vui vẻ,
   Như hưởng thái lao.
   Như lên xuân đài.

4. Riêng ta im lặng, chẳng dấu vết chi.
   Như trẻ sơ sinh, chưa biết tươi cười.
   Rũ rượi mà đi, đi không chỗ về.

5. Người đời có dư,
   Riêng ta thiếu thốn.
   Lòng ta ngu dốt vậy thay!
   Mờ mệt chừ!
   Người đời sáng chói, Riêng ta mịt mờ.
   Người đời phân biện, Riêng ta hỗn độn.
   Điềm tĩnh dường tối tăm, Vùn vụt dường không lặng.
   Người đời đều có chỗ dùng, Riêng ta ngu dốt, thô lậu.

6. Ta riêng khác người đời: Ta quý Mẹ nuôi muôn loài.

BÌNH CHÚ

Chương này bàn về trạng thái tâm hồn của người đắc Đạo.

A. "*Dứt học*" ở đây là ý bảo ta đừng tán tâm chạy theo cái học bên ngoài, cái học "nhị nguyên" biện phân thiện ác, thị phi… Cùng một ý với chương 48: "Vi học nhật ích; vi Đạo nhật tổn. Tổn chi hựu tổn, dĩ chí ư vô vi…" 爲學日 益，爲道日 損。損之又損，以至於無爲 (Chương 48).

Bởi vậy, mới nói: "Dạ" và "ơi" khác nhau chỗ nào? Lành và dữ khác nhau ở đâu? Con người càng chạy theo cái học phân tán của nhị nguyên, thì tâm trí càng thêm rối loạn vì hay phân biệt vinh nhục, thiện ác quá (xem lại các chương trước). "Dứt học" thì "không lo" là thế.

B. Chỗ mà người đời lo sợ, há ta lại không biết lo sợ sao? Nhưng lo sợ đến phải bấn loạn tâm hồn thì thật là quá đáng. Hiền giả Tây phương cũng có nói: "Chết không phải là điều đáng sợ. Cái lòng sợ chết mới đáng sợ!". Việc đáng sợ chưa đến mà đã lo sợ, dù có sợ cũng vô ích, nên mới nói: *"Nhưng chưa có chi, lo sợ vô ích"*.

C-D. Cái vui của người đời là cái vui của xác thịt, như ăn lễ cỗ thịt trâu, như dự yến trên đài xem cảnh mùa xuân… Trái lại, ta vẫn im lặng, chẳng dám lộ vẻ vui mừng ra nét mặt, như trẻ sơ sinh chưa biết cười cợt với đời, dường như sống không mục đích, không biết chỗ đi về.

E. Người đời dường như có dư (về những điều học hỏi phức tạp bên ngoài: *vi học nhật ích*), riêng ta thì dường như thiếu thốn (vì *vi Đạo nhật tổn*).

Bởi vậy mới nói "lòng ta ngu dốt" (ngu dốt về cái học la tạp và trục vật của người đời). Người đời phân biện thị phi, thiện ác… nên dường như lòng họ sáng chói, riêng ta lại không thấy sự phân chia thị phi, thiện ác nên dường như mịt mờ hỗn độn. Nên mới nói:

"Người đời sáng chói, Riêng ta mịt mờ.

Người đời phân biện, Riêng ta hỗn độn".

Nhờ vậy mà lòng ta luôn luôn điềm đạm trầm mặc, còn lòng người thì luôn luôn náo động "vùn vụt" mà không ngừng…

Kết quả, người đời đều để cho đời lợi dụng được, nên đời gọi họ là dùng được (hữu dụng), riêng ta như kẻ ngu lậu, không chỗ

dùng (vô dụng) vì không chạy theo thị hiếu của đời. Còn tham danh, thì đời lấy danh mà lợi dụng, sai khiến; còn tham lợi, thì đời lấy lợi mà lợi dụng sai khiến.

Bởi vậy mới nói: *"Người đời đều có chỗ dùng"*. *"Riêng ta ngu dốt, thô lậu"*. Cái "ngu" này là cái "ngu" của bậc Thánh nhơn! Người đời thường cho bọn người đắc Đạo là bọn người "vô dụng", nghĩa là không lợi dụng được.

F. *"Ta riêng khác người đời:*

Ta quý Mẹ nuôi muôn loài."

"Mẹ nuôi muôn loài" (thực mẫu) là ám chỉ Đạo nuôi dưỡng vạn vật, cũng gọi là *"huyền tẫn"* (xem chương 6): *"Huyền tẫn chi môn, thị vị thiên địa căn"*（玄牝之門是謂 天地根）.

"Quý thực mẫu" là theo gốc quên ngọn, trở về với Đạo, đó là chỗ mà Lão Tử khác với người đời.



CHƯƠNG 21

1. Khổng đức chi dung, Duy Đạo thị tùng.
孔德之容，
惟道是從。

2. Đạo chi vi vật, Duy hoảng duy hốt Hốt hề hoảng hề, Kỳ trung hữu tượng, Hoảng hề hốt hề, Kỳ trung hữu vật.
Yểu hề minh hề, Kỳ trung hữu tinh.
Kỳ tinh thậm chân, Kỳ trung hữu tín.
道之為物
惟恍惟惚
惚兮恍兮
其中有象。
恍兮惚兮
其中有物。
窈兮冥兮
其中有精。
其精甚真
其中有信。

3. Tự cổ cập kim, Kỳ danh bất khứ, Dĩ duyệt chúng phủ.
自古及今，
其名不去，
以閱眾甫。

4. Ngô hà dĩ tri chúng phủ chi trạng tai?
Dĩ thử.
吾何以知眾甫之狀哉？
以此。

DỊCH NGHĨA

1. Dáng của Đức lớn, Theo cùng với Đạo,

2. Đạo sanh ra vật, Thấp thoáng mập mờ, Thấp thoáng mập mờ, Trong đó có hình.
   Mập mờ thấp thoáng, Trong đó có vật.
   Sâu xa tăm tối, Trong đó có tinh.
   Tinh đó rất thực, Trong đó có tín.

3. Từ xưa đến nay, Tên đó không mất, Gốc của vạn vật.

4. Ta làm sao biết được trạng thái của Nó.
   Nhờ đó vậy.

BÌNH CHÚ

Đây là chương thứ ba, Lão Tử dùng để định nghĩa Đạo và Đức, một cách rõ ràng và tinh tế hơn.

A. Đạo và Đức hiệp lại mà nói thì là Một; nhưng chia ra mà nói mới có trong có ngoài.

Tô Triệt nói: "Đạo thì vô hình. Động thì gọi là Đức. Đức thì có dáng mạo. Nên mới nói: "Dáng của Đức lớn, theo cùng với Đạo." (Khổng đức chi dung, duy Đạo thị tùng 孔 德之容，惟道是從).

B. Đạo sanh ra vật, thì dáng nó thấp thoáng mập mờ, tuy thấp thoáng mập mờ nhưng trong đó lại có hình, có vật, và cũng có tinh thần nữa. Tinh thần ấy mới là chân thật.

C. Từ xưa đến nay, cái tên của Nó không mất, nơi đó sanh ra vạn vật.

D. Ta làm gì biết được trạng thái của Nó, tức là nguồn gốc của tất cả mọi vật? Là nhờ những điều đã nói trên vậy.



CHƯƠNG 22

1. Khúc tắc toàn, Uổng tắc trực, Oa tắc doanh, Tệ tắc tân, Thiểu tắc đắc, Đa tắc hoặc.

曲則全
枉則直
窪則盈
敝則新
少則得
多則惑。

2. Thị dĩ thánh nhơn bão nhất, Vi thiên hạ thức.

Bất tự kiến, cố minh, Bất tự thị, cố chương, Bất tự phạt, cố hữu công, Bất tự căng, cố trưởng.

是以聖人抱一
為天下式
不自見故明
不自是故彰
不自伐故有功
不自矜故長。

3. Phù duy bất tranh, Cố thiên hạ mạc năng dữ chi tranh.

夫惟不爭
故天下莫能與之爭。

4. Cổ chi sở vị khúc tắc toàn giả, Khởi hư ngôn tai!

Thành, toàn nhi quy chi.

古之所謂曲則全者
豈虛言哉？
誠全而歸之。

DỊCH NGHĨA

1. Cái gì khuyết thì lại toàn; Cái gì cong thì lại ngay; Cái gì sâu thì lại đầy; Cái gì cũ thì lại mới; Ít thì lại được,
Nhiều thì lại mê.

2. Bởi vậy, Thánh nhơn "ôm giữ cái Một" để làm mẫu mực cho thiên hạ.
Không xem mình là sáng, nên sáng; Không cho mình là phải, nên chói; Không cho mình có công, nên có công; Không khoe mình, nên đứng đầu.

3. Chỉ vì không tranh,
Nên thiên hạ không ai tranh nổi với mình.

4. Chỗ người xưa gọi là "khuyết thì lại toàn"
Há phải lời nói sai đâu?
Thành, là trở về chỗ toàn vậy.

BÌNH CHÚ

Chương này Lão Tử bàn về cái phép tu thân và cái đạo huyền đồng: "bảo toàn thiên chân".

A. Đạo là quân bình, không để cho cái gì thiên lệch cả, thái quá như bất cập. Thánh nhơn luôn luôn ôm giữ Đạo, tức là cái quân bình ấy, nên biết rằng:

Cái gì khuyết thì sẽ được toàn vẹn lại; cái gì cong thì sẽ được kéo ngay ra, cái gì vơi thiếu thì sẽ được bù đắp cho đầy lại; cái gì đã cũ quá thì sẽ được đổi mới lại. Là để lập lại cái quân bình đã mất.

"Ít thì lại được, nhiều thì lại mê" là nghĩa làm sao?

"*Ít*" đây là ít tư dục, "*nhiều*" đây là nhiều tư dục. Cho nên ít tư dục thì ôm giữ được Đạo, mà nhiều tư dục thì sẽ bị mê hoặc mà xa Đạo vậy. "Đắc", là *đắc Nhất,* đắc Đạo. So sánh với câu: "Vi học nhật ích, vi Đạo nhật tổn" (Chương 48).

B. *"Bão nhất"* （抱一）ôm giữ cái Một, tức là Đạo. Đạo thì bao gồm những cặp mâu thuẫn, *không cho thiên hẳn bên nào cả.* Cho nên muốn được sáng mà làm ra sáng, thì tối; muốn được phải mà làm ra phải, thì quấy… Cùng một ý với chương 24: *"Tự kiến giả, bất minh; tự thị giả, bất chương; tự phạt giả, vô công; tự căng giả, bất trưởng…"*（自見者不明，自是者不彰，自伐者無功，自矜者不長）.

Nên so sánh với chương 77: *"Thiên chi Đạo, tổn hữu dư, nhi bổ bất túc"* (Đạo Trời thì bớt chỗ dư, mà thêm chỗ thiếu). Vì vậy, bậc Thánh nhơn "không tự xem mình là sáng, nên sáng" thật, "không tự cho mình là phải, nên chói", "không tự khoe công mình, nên có công", cũng như "không tranh, nên không ai tranh nổi với mình".

C. *"Chỉ vì không tranh, nên thiên hạ không ai tranh nổi với mình",* không nên hiểu là "không tranh", mà là không để cho mình có chỗ để người ta cùng tranh. Đó là cách *"bất tranh nhi thiện thắng"*（不爭而善勝）.

Làm sao tranh nổi với người mà hễ mình cho đây là cao người ta cho đó là thấp, mình cho đây là phải, người ta cho đó chưa thật phải… Tranh thị phi, vinh nhục với kẻ xem thị phi, vinh nhục là một, thì không sao cùng tranh cho đặng.

"*Thành, toàn nhi quy chi*" 誠全而歸之

Đạo, là tượng trưng cái ĐẠI TOÀN THỂ (Grand Tout), nó là cái TOÀN gồm nắm mâu thuẫn, không thể nhìn phiến diện. Đạo là *"bù vào chỗ thiếu, bớt đi chỗ dư"* (bổ bất túc, tổn hữu dư). *"Đắc Đạo"* là *"đắc Nhất"* là được cái Một, và ôm giữ được cái Một luôn luôn nơi lòng.

TOÀN 全, là đầy đủ, trọn vẹn, gồm cả âm dương, đồng nghĩa với chữ ĐẠO, gồm cả thị phi, thiện ác… (hay Thái Cực gồm cả lưỡng nghi). Chữ "thành" 誠 đây, nhà Đạo học Chu Liêm Khê dùng làm căn bản cho học thuyết của ông trong câu: "Thành giả, Thánh nhơn chi bản" (誠者聖人之本)(*). Chữ TOÀN đây, cũng cùng nghĩa với TOÀN THIÊN BẢO CHÂN của Dương Chu.



CHƯƠNG 23

1. Hi ngôn tự nhiên.
希言自然。

2. Cố,
Phiêu phong bất chung triêu, Sậu vũ bất chung nhật.
Thục vi thử giả?
Thiên Địa Thiên Địa thượng bất năng cửu Nhi huống ư nhơn hồ!
故
飄風不終朝
驟雨不終日。
孰為此者?
天地。
天地尚不能久
而況於人乎!
C Cố,
Tùng sự ư Đạo giả, Đạo giả đồng ư Đạo.
Đức giả đồng ư đức, Thất giả đồng ư thất.
Đồng ư Đạo giả, Đạo diệc lạc đắc chi.
Đồng ư đức giả, Đức diệc lạc đắc chi.
Đồng ư thất giả, Thất diệc lạc đắc chi.
故
從事於道者
道者同於道
德者同於德
失者同於失
同於道者
道亦樂得之。
同於德者
德亦樂得之。
同於失者
失亦樂得之。

3. Tín bất túc yên, Hữu bất tín yên.

信不足焉
有不信焉。

DỊCH NGHĨA

1. Ít nói, để cho tự nhiên.

2. Bởi vậy,

Gió lốc không thổi suốt một buổi mai, Mưa dào, không mưa suốt một ngày trường.

Ai làm nên mưa gió ấy?

Trời Đất.

Việc Trời Đất còn không thể lâu, Huống chi là việc của người.

3. Vậy nên,

Theo Đạo, thì đồng với Đạo, Theo Đức, thì đồng với Đức, Theo Mất (Đức), thì đồng với Mất (Đức).

Đồng với Đạo, Đạo cũng vui tiếp đó, Đồng với Đức, Đức cũng vui tiếp đó, Đồng với Mất, Mất cũng vui tiếp đó.

4. Tin mà không đủ,

Nên mới không tin.

BÌNH CHÚ

A. *"Ít nói, để cho tự nhiên"* 希言自然 tức là chỗ mà Lão Tử nói *"bất ngôn chi giáo"*（不言之教）. Hãy để vạn vật yên, đừng cố gắng mà mó tay vào việc riêng của người đời. Có giúp thì giúp một cách tự nhiên, như mặt trời giúp cho hoa nở, mà hoa không hay là được giúp. *"Để cho tự nhiên"* tức là *"vi vô vi"* vậy （為無爲）.

B. Cũng như cái gì *"bạo phát"* thì *"bạo tàn"*, đó không còn là cái lẽ thường của Trời Đất, như "gió lốc không thổi suốt một buổi mai; mưa xối không mưa suốt ngày trường". Cái gì cố cưỡng, thái quá… thì không bền.

Việc Trời Đất còn như thế, huống hồ là việc của người. Trời không nói mà bốn mùa tự qua, muôn vật tự sanh. Đó là lẽ *"thường"*（常）của Trời.

C. Bởi vậy, kẻ nào theo Đạo mà làm thì cái làm ấy đồng với Đạo, không còn phải là mình làm（我為）nữa, mà là cái Đạo nơi mình làm.

Câu *"Theo Mất…"*, chữ "mất" ở đây, có nghĩa là mất Đạo, mất Đức. Chữ *"thất"* 失 này do câu: *"Thất Đạo, nhi hậu Đức; thất Đức, nhi hậu Nhân; thất Nhân, nhi hậu Nghĩa; thất Nghĩa, nhi hậu Lễ…"*（失道而後德，失德而 後仁，失仁而後義，失義而後禮）(Chương 38). (Mất Đạo, rồi sau mới có Đức; mất Đức, rồi sau mới có Nhân; mất Nhân, rồi sau mới có Nghĩa; mất Nghĩa, rồi sau mới có Lễ). Như thế, ta thấy Lão Tử trọng Đạo Đức, mà khinh Nhân, Nghĩa, Lễ… vì có mất Đạo Đức rồi, sau mới có Nhân, Nghĩa, Lễ. Vậy, câu này cũng đồng một ý với câu *"Đại Đạo phế, hữu Nhân Nghĩa…"* （大道廢有仁義）(Chương 18).

Vậy, ta có thể hiểu câu: *"Thất giả đồng ư thất"* là còn chạy "theo Nhân Nghĩa" tức là đã "mất Đạo Đức" rồi thì mất Đạo luôn.

D. Tin tưởng mà không để hết lòng tin thì chưa phải thật là tin tưởng.

Câu này có người dịch là:

"Bậc vua mà không đủ lòng tin thì dân không tin" (coi lại chương 17). Nhưng thiết nghĩ, nếu hiểu như thế, e câu văn không nhất khí với những đoạn trên.

Phàm muốn theo Đạo, phải dốc lòng tin tưởng, chứ hoài nghi mà theo Nhân Nghĩa bỏ Đạo Đức thì phải mất Đạo ngay. Cho nên mới nói: *"Tin mà không đủ, nên mới không tin"*.



CHƯƠNG 24

1. Xí giả bất lập, Khóa giả bất hành, Tự kiến giả bất minh, Tự thị giả bất chương, Tự phạt giả công, Tự căng giả bất trưởng.

   企者不立
   跨者不行。
   自見者不明
   自是者不彰
   自伐者無功
   自矜者不長。

2. Kỳ tại Đạo dã, Viết: "Dư thực chuế hành, Vật hoặc ố chi".

   Cố, hữu Đạo giả bất xử.
   其於道也
   曰: 餘食贅行
   物或惡之
   故有道者不處。

DỊCH NGHĨA

1. Nhón gót lên thì không đứng vững; Xoạc chân ra thì không bước được.

   Tự xem là sáng thì không sáng.
   Tự xem là phải thì không chói.
   Tự xem là có công thì không công.
   Tự kiêu căng thì không đứng đầu.

2. Theo Đạo mà nói thì: “Đồ ăn dư, việc làm thừa Ai cũng oán ghét.”

   Vì vậy, người có Đạo không làm.

BÌNH CHÚ

Chương này thừa tiếp ý nghĩa hai chương trên: A. Hai câu đầu *"Nhón gót lên, thì không đứng vững; Xoạc chân ra, thì không bước được"*, là ý muốn bảo cái gì thái quá thì mất quân bình, mà mất quân bình sẽ không được vững vàng. Lão Tử thường khuyên: *"Không nên có gì thái quá"* cả, vì *"vật tráng tắc lão"*, *"vật cùng tắc biến"*. Ở chương trên ông đã nói: *"Phiêu phong bất chung triêu; sậu vũ bất chung nhật."*（飄風不終朝，驟雨不終日）.

"Tự xem là sáng thì không sáng…". Bốn câu này là phản đề của bốn câu: *"Bất tự kiến cố minh…"*（不自見故 明…）ở chương 22.

B. Thói thường rất thích những cái gì *"dư, thừa"*, mong được "*dư, thừa*" và cho đó là hãnh diện. Nhưng "*dư, thừa*" lại là việc mà ai ai cũng oán ghét. Một nhà xã hội học ngày nay cũng có nói: "Cái đau khổ của kẻ nghèo, không phải do cái thiếu của họ mà là do cái dư thừa của người khác".

Người có Đạo cũng không chịu có chỗ "*thừa*" mà trái lại phải "*tổn hữu dư, bổ bất túc*" (chương 77), vì vậy mới nói:*"Hữu Đạo giả, bất xử"*（有道者不處）.



CHƯƠNG 25

1. Hữu vật hỗn thành, Tiên thiên địa sanh.

Tịch hề liêu hề, Độc lập nhi bất cải, Châu hành nhi bất đãi, Khả dĩ vi thiên hạ mẫu, 有物混成

先天地生
寂兮寥兮
獨立而不改
周行而不殆
可以爲天地母

B Ngô bất tri kỳ danh, Tự chi viết Đạo, Cưỡng vi chi danh viết Đại.

Đại viết Thệ, Thệ viết Viễn, Viễn viết Phản.

吾不知其名
字之曰道。
强爲之名曰大
大曰逝
逝曰遠
遠曰反。

2. Cố, Đạo đại, Thiên đại, Địa đại, Vương diệc đại.

Vực trung hữu tứ đại, Nhi vương cư kỳ nhất yên.

Nhơn pháp Địa, Địa pháp Thiên, Thiên pháp Đạo, Đạo pháp Tự nhiên.

故道大，天大
地大，王亦大。
域中有四大
而王居其一焉。
人法地
地法天
天法道
道法自然。

DỊCH NGHĨA

1. Có vật hỗn độn mà nên, Sanh trước Trời Đất.
Yên lặng, trống không.
Đứng riêng mà không đổi, Đi khắp mà không mỏi, Có thể là Mẹ thiên hạ.

2. Ta không biết tên, Gọi đó là Đạo,
Gượng cho là Lớn.
Lớn là tràn khắp, Tràn khắp là đi xa, Đi xa là trở về.

3. Vậy, Đạo lớn, Trời lớn, Đất lớn, Người cũng lớn.
Trong đời có bốn thứ lớn.
Mà người là một
Người bắt chước Đất, Đất bắt chước Trời, Trời bắt chước Đạo, Đạo bắt chước Tự nhiên.

BÌNH CHÚ

A. Lão Tử muốn hình dung cái toàn thể của đại Đạo.

Trước Trời Đất đã có Đạo. Đạo thì *"yên lặng"*, *"trống không"*, bất biến, nên gọi là "*đứng riêng mà không đổi*", đâu đâu cũng có mặt, nên gọi là *"đi khắp mà không mỏi"*.

Đạo cũng sanh ra vạn vật nên gọi rằng: *"Có thể là Mẹ của thiên hạ"*.

B. Đạo không có tên, tạm gọi là Đạo, gượng cho là Lớn, đều là những danh từ gượng dùng đó thôi.

Câu "*Viễn viết Phản*" 遠曰反 (Đi xa, lại trở về) cùng một nghĩa với câu: "*Phản giả Đạo chi động*"（反者道之動）ở chương 40.

"*Lớn* là tràn khắp" nghĩa là Đạo trùm lấp, không đâu là không có.

"*Tràn khắp là đi xa… Đi xa là trở về*", là chỉ sự "*Châu nhi phục thủy*"（週而復）của Đạo.

C. Chữ "*vương*" 王 ở đây có nghĩa là "người". Câu dưới Lão Tử dùng chữ "nhơn" (người): "*Nhơn Pháp Địa*" 人法 地 cho nên biết rằng "vương" tức "nhơn" vậy. "Người" đây là kẻ thay mặt con người, tức là bậc vua chúa.

"*Đạo pháp Tự nhiên*"（道法自然）gốc của triết học Lão Tử là ở hai chữ "*tự nhiên*" 自然.



CHƯƠNG 26

1. Trọng vi khinh căn Tịnh vi táo quân.
重爲輕根
靜爲躁君。

2. Thị dĩ Thánh nhơn chung nhật Hành bất ly tri trọng.
Tuy hữu vinh quan, Yến xử siêu nhiên.
是以聖人終日
行不離輜重
雖有榮觀
燕處超然。

3. Nại hà vạn thặng chi chủ, Nhi dĩ thân khinh thiên hạ.
Khinh tắc thất căn, Táo tắc thất quân.
奈何萬乘之主
而以身輕天下。
輕則失根
躁則失君。

DỊCH NGHĨA

1. Nặng là rễ gốc của nhẹ, Tịnh là chủ của náo loạn.

2. Ấy nên, Thánh nhơn,
suốt ngày đi mà không lìa xe nặng.
Tuy xem thấy cảnh tượng vẻ vang, Mà lòng yên lặng vượt lên trên cả.

3. Vì sao vua nước vạn thặng, Lấy thân mà xem nhẹ thiên hạ?
Nhẹ thì mất gốc,
Náo loạn thì mất chủ.

BÌNH CHÚ

A. Vương Bật nói: "Phàm vật nhẹ, không chở nặng được, nhỏ không đè lớn được. Không đi, sai khiến sự đi; không động, sai khiến sự động. Bởi vậy: "*Nặng là rễ gốc của nhẹ, tịnh là chủ của náo loạn*". Khoa học vật lý ngày nay cũng không nói khác hơn.

B. Thánh nhơn bao giờ cũng giữ gốc. Giữ luôn luôn trọng tâm của mọi vật, tức là nắm ngay nguyên tắc của luật quân bình. Cho nên mới nói: "*Thánh nhơn, suốt ngày đi mà không lìa xe nặng*".

Nhưng lòng bao giờ cũng thản nhiên, yên lặng và vượt lên trên mọi ý niệm về thị phi, thiện ác… nghĩa là chỉ chú trọng vào cái gốc là Đạo mà thôi.

Bậc vua nước muôn cỗ xe (tức là bậc Thiên tử), tại sao lại xem mình là trọng mà coi thường thiên hạ. Coi mình là trọng mà thiên hạ là khinh (nhẹ) thì mất thiên hạ, mà lòng vọng động của mình sẽ làm mất cả ngôi vị của mình nữa.

Chương này cốt ý khuyên bậc vương nên bắt chước theo Đạo mà trị nước, không nên xem nhẹ thiên hạ và phải luôn luôn điềm đạm, không nên rối loạn mà mất cả thiên hạ cùng ngôi vị.



CHƯƠNG 27

1. Thiện hành vô triệt tích.
Thiện ngôn vô hà trích; Thiện số bất dụng trù sách.
Thiện bế vô quan kiện nhi bất khả khai.
Thiện kết vô thằng ước nhi bất khả giải.
善行無轍跡
善言無瑕謫
善數不用籌策
善閉無關楗而不可開
善結無繩約而不可解。

2. Thị dĩ Thánh nhơn Thường thiện cứu nhơn cố vô khí nhơn; Thường thiện cứu vật, cố vô khí vật.
Thị vị tập minh.
是以聖人
常善救人故無棄人。
常善救物故無棄物。
是謂襲明。

3. Cố
Thiện nhơn giả bất thiện nhơn chi sư.
Bất thiện nhơn giả, thiện nhơn chi tư.
Bất quý kỳ sư, Bất ái kỳ tư, Tuy trí đại mê, Thị vị yếu diệu.
故
善人者不善人之師。
不善人者善人之資
不貴其師
不愛其資
雖智大迷
是謂要妙。

DỊCH NGHĨA

1. Đi khéo, không để dấu chân; Nói khéo, không để lỗi lầm; Tính khéo, không dùng bàn toán; Đóng khéo, không cần khóa mà không mở đặng; Thắt khéo, không cần buộc mà không tháo đặng.

2. Cho nên, Thánh nhơn Thường khéo cứu người nên không có người nào bị bỏ; Thường khéo cứu vật, nên không vật nào bị bỏ.

   Ấy gọi là "sáng bằng hai".

3. Nên chi, người lành là thầy của kẻ không lành, Người không lành là của cải của người lành.

   Không quý người lành ấy, Không yêu người không lành ấy, Dù bậc trí, cũng mê to.

   Yếu diệu là đó!

BÌNH CHÚ

A. Một việc làm được gọi là toàn thiện thì làm mà không ai nhận thấy dấu vết của việc làm. Đó là hành động hoàn toàn của vô vi. Lão Tử chủ trương "*vô vi, nhi vô bất vi*", "không làm, nhưng không có gì là không làm". Đem những ví dụ cụ thể như *"đi khéo", "nói khéo", "tính khéo", "đóng khéo", "thắt khéo"...* để chỉ cái toàn thiện trong những hành động *vô vi*, là không để cho ai thấy đặng cái dấu vết của việc làm của mình cả. Thường tình lại khác: làm việc gì cũng khoa trương, sợ người khác không hay.

B. Thánh nhơn hành động cũng một thế: cứu giúp người mà không ai dè được cứu giúp. Thánh nhơn giúp người cũng không giúp riêng ai, vì vậy không có người nào bị bỏ.

Người cũng vậy, mà vật cũng vậy. Thánh nhơn cũng như mặt trời. Đức của Thánh nhơn cũng như Đức của mặt trời: soi sáng mọi vật, không riêng cho vật gì cả. Giúp sự sống cho vạn vật, mà vạn vật không hay.

C. Vậy nên, Đức ấy được gọi là "sáng bằng hai", sáng cả trên lẫn dưới. Chữ "*tập minh*" 襲明 có nghĩa là sáng bên này mà lồng qua tới bên kia.

"Người lành là thầy của kẻ không lành" cho nên dùng chữ "thầy" (sư 師) tức là ám chỉ "người lành"（善人）vậy.

"Người không lành"（不善人）là của cải của người lành", thì khi dùng chữ *tư*（）là chỉ về "người không lành"（不善人）vậy.

Vì vậy, ta có thể dịch câu: "Bất quý kỳ sư, bất ái kỳ tư" như vầy: "Không quý người lành, không yêu người không lành", thì dù là người "trí" cũng vẫn còn "mê to": *Tuy trí, đại mê*（雖智大迷）.

Bậc Thánh nhơn đều yêu quý tất cả, không phân thiện ác. Còn phân thiện ác là người chưa thức tỉnh.



CHƯƠNG 28

1. Tri kỳ hùng.

Thủ kỳ thư, Vi thiên hạ khê, Vi thiên hạ khê, thường đức bất ly, Phục quy ư anh nhi.(*)

知其雄
守其雌
爲天下谿
爲天下谿，常德不離
復歸於嬰兒。

2. Tri kỳ bạch, Thủ kỳ hắc, Vi thiên hạ thức.

Vi thiên hạ thức, thường đức bất thắc, Phục quy ư vô cực.

知其白
守其黑
爲天下式。
爲天下式，
常德不忒
復歸於無極。

3. Tri kỳ vinh, Thủ kỳ nhục, Vi thiên hạ cốc.

Vi thiên hạ cốc, thường đức nãi túc.

Phục quy ư phác.

知其榮
守其辱
爲天下谷
爲天下谷，常德乃足
復歸於樸。

4. Phác tán tắc vi khí, Thánh nhơn dụng chi tắc vi quan trưởng.

Cố đại chế bất cát.

樸散則爲器
聖人用之，則爲官長，
故大制不割。

DỊCH NGHĨA

1. Biết như con trống, giữ như con mái, Làm khe nước cho thiên hạ; Làm khe nước cho thiên hạ; Hằng theo Đức mà không lìa.

   Lại trở về trẻ thơ.

2. Biết trắng, giữ đen,

   Làm khuôn mẫu cho thiên hạ; Làm khuôn mẫu cho thiên hạ; Hằng theo Đức mà không sai.

   Lại trở về vô cực.

3. Biết vinh, giữ nhục,

   Làm hang sâu cho thiên hạ; Làm hang sâu cho thiên hạ; Hằng theo Đức mới đầy đủ.

   Lại trở về mộc mạc.

4. Mộc mạc, tán ra, sinh đủ hạng người.

   Thánh nhơn dùng hạng tài năng, Phong làm quan trưởng.

   Nên, phép trị lớn không chia.

BÌNH CHÚ

A-B-C - Đoạn A này cũng như hai đoạn tiếp B và C đều đồng một ý và cùng bàn về một quan điểm trọng yếu của học thuyết Lão Tử: luật quân bình. Theo Lão Tử thì "Đạo của Trời, như cây cung giương lên: hễ chỗ cao thì ép xuống, chỗ thấp thì đỡ lên, bớt chỗ dư, bù chỗ thiếu…"

"Thiên chi Đạo kỳ do trương cung dư? Cao giả ức chi, hạ giả cử chi; hữu dư giả tổn chi, bất túc giả bổ chi…"（天之道其猶張弓與? 高者抑之, 下者舉之。有餘者損之,

不足者補之）(Chương 77).

Vì vậy, muốn giữ thế quân bình, đứng vững ở Đạo thì đừng thiên hẳn về một bên nào của đòn cân thiện ác, thị phi, vinh nhục… *"Biết như con trống"* hãy *"làm như con mái"*, *"biết trắng"* thì giữ mình như "đen tối"; *"biết vinh"* thì *"giữ nhục"…* tất như khi Lão Tử khuyên ta, *"hậu kỳ thân, nhi thân tiên"* vậy.

Nên để ý câu này: *"Tri kỳ hùng, thủ kỳ thư"*, *"Tri kỳ bạch, thủ kỳ hắc"…* Như theo ý nghĩa của nó thì không bao giờ Lão Tử khuyên ta "không học", "không biết" mà có người hiểu lầm là cái đạo "ngu dân". Sự thật ông bảo ta "*tri kỳ hùng*", "*tri kỳ bạch*", nghĩa là "*biết như con trống*", *"biết trắng"…* nhưng đừng có đem cái biết ấy mà khoe khoang… vì đó là vời họa cho mình vậy. *"Thông minh duệ trí"*thì nên *"thủ chi dĩ ngu"*, *"dũng lực chấn thế"* thì nên *"thủ chi dĩ khiếp"*. Thật thông minh mà "*làm như*" kẻ tăm tối ngu khờ, đó mới thật là thông minh. Đó là cái đạo xử thế của ông vậy, tức là cái đạo "*hậu kỳ thân nhi thân tiên, ngoại kỳ thân nhi thân tồn*". Vinh nhục gắn liền nhau; được vinh thì phải chịu cái nhục của cái vinh đó… "Phúc hề họa chi sở phục" (Chương 58).

D. "*Mộc mạc*" tức là cái *chân*. Vương Bật nói: *"Chân mà tán ra, thì sanh ra trăm hạnh, trăm tánh khác nhau"*.

Có phân tán ra, mới có chỗ dùng khác nhau. Có chỗ dùng khác nhau, mới có dùng kẻ tài năng, phong làm quan trưởng.

Nhưng, phép "*trị lớn*" (đại chế 大制) thì không trị bằng cách chia lìa, phân biệt, phân hóa tâm hồn con người, lý một nơi, tình một ngả, mà phải làm cho con người trở về với Thiên Chân, tức là cái

Sống Một, không phân biệt tâm vật, thiện ác… Nên nói: *"phép trị lớn, không chia"* (đại chế bất cát 大制不割).



CHƯƠNG 29

1. Tương dục thủ thiên hạ nhi vi chi, Ngô kiến kỳ bất đắc dĩ, Thiên hạ thần khí bất khả vi dã.

   Bất khả chấp dã, Vi giả bại chi, Chấp giả thất chi.

   將欲取天下而爲之
   吾見其不得已
   天下神器不可爲也。
   不可執也
   爲者敗之
   執者失之。

2. Cố, vật

   Hoặc hành, hoặc tùy, Hoặc hư, hoặc xuy, Hoặc cường, hoặc luy, Hoặc tỏa, hoặc huy.

   故物
   或行或隨
   或歔或吹
   或强或羸
   或挫或隳。

3. Thị dĩ Thánh nhơn Khứ thậm, khứ xa, khứ thái.

   是以聖人
   去甚去奢去泰。

DỊCH NGHĨA

1. Muốn lấy thiên hạ mà làm (theo ý mình).
   Ta thấy không thể được rồi.
   Thiên hạ là món đồ thần, chẳng thể làm theo ý mình được đâu.
   Hễ làm thì hỏng,
   Hễ giữ thì mất.

2. Cho nên, vật
   hoặc đi, hoặc theo, hoặc hà, hoặc hít, hoặc mạnh, hoặc yếu, hoặc che, hoặc phá.

3. Ấy nên, Thánh nhơn lánh bỏ những cái gì thái quá.

BÌNH CHÚ

A. Muốn đem thiên hạ mà trị theo ý riêng của mình, lấy ý riêng của mình làm ý chung của thiên hạ, tức là theo phép "hữu vi" thì không được.

Thiên hạ là một món đồ, nhưng là một món đồ "thần", không thể "làm" theo ý riêng mình được.

Hễ cố mà "làm" (hữu vi) thì nó sẽ hỏng, cố mà giữ nó cho mình thì nó sẽ mất.

B. Có lắm kẻ đi, ắt có lắm người theo. Có lắm kẻ mạnh, ắt có lắm người yếu. Do đó mà suy: có lắm giàu, ắt có lắm nghèo; có lắm đặng, ắt có lắm mất; có lắm vinh, ắt có lắm nhục; có lắm vui, ắt có lắm khổ… nên thiên hạ mới lắm việc (đa sự).

C. Vì vậy, Thánh nhơn không chịu đứng hẳn một bên nào cả vì sợ quá thiên quá độ. Nên mới nói: *"Thánh nhơn khứ thậm, khứ xa, khứ thái"*（聖人去甚去奢去泰）.



CHƯƠNG 30

1. Dĩ Đạo tá nhơn chủ giả, Bất dĩ binh cưỡng thiên hạ, Kỳ sự hảo huờn (hoàn), Sư chi sở xử.
Kinh cức sanh yên.
Đại quân chi hậu, Tất hữu hung niên.
以道佐人主者
不以兵强天下
其事好還
師之所處
荊棘生焉
大軍之後
必有凶年。

2. Cố thiện hữu quả nhi dĩ, Bất cảm dĩ thủ cường.
Quả nhi vật căng, Quả nhi vật phạt, Quả nhi vật kiêu, Quả nhi bất đắc dĩ, Quả nhi vật cưỡng.
故善有果而已
不敢以取强。
果而勿矜
果而勿伐
果而勿驕
果而不得已
果而勿强。

3. Vật tráng tắc lão Thị vị bất Đạo.
Bất Đạo tảo dĩ.
物壯則老
是謂不道
不道早已。

DỊCH NGHĨA

1. Ai lấy Đạo phò vua, Không dùng binh mà bức thiên hạ, Sẽ thấy đặng kết quả tốt.

   Chỗ đóng sư đoàn,

   Gai góc mọc đầy.

   Sau cuộc chiến chinh Nhiều năm mất mùa.

2. Vậy thắng một cách khéo léo, Không dám dùng sức mạnh.

   Thắng mà không khoe khoang, Thắng mà không tự khen, Thắng mà không kiêu căng, Thắng vì cực chẳng đã, Thắng mà không áp bức.

3. Vật mạnh lớn ắt già, Ấy là trái Đạo,

   Trái Đạo, mất sớm.

BÌNH CHÚ

A. Lão Tử rất chống đối chiến tranh, tức là sự dùng "*cương đạo*". Tuy nhiên nếu bất đắc dĩ mà phải chống đối với địch, thì ông lại khuyên nên dùng phương pháp *"nhu thắng cương, nhược thắng cường"* toàn là phương pháp tiêu cực, hơn là dùng cương cường chế cương cường.

Ông khuyên kẻ phò vua giúp nước không nên dùng binh bị mà bức hiếp và cai trị thiên hạ; vì như thế, hậu quả sẽ không tốt đẹp gì cả.

Theo ông nhận xét thì *"chỗ đóng quân binh"*, hậu quả sẽ "*gai góc mọc đầy*", *"chỗ chinh chiến"* thì hậu quả sẽ bị nhiều năm thất mùa, đói lạnh. Đó là chưa nói "*oán thù vạn kiếp*" sẽ gây ra do sự đắc thắng của mình.

B. Bởi vậy, bậc cầm quân giỏi là người "không dám" dùng sức mạnh để mà thắng địch. Chữ "quả" （果）đây có nghĩa là "thắng". *"Thắng một cách khéo léo"* là nhờ dùng cái thuật "*bất tranh nhi thiện thắng*", dùng "*nhu nhược thắng cang cường*", đó gọi là thắng mà "không dám dùng sức mạnh" （不敢以取强）.

Và muốn dứt hậu quả của sự chiến thắng, phải biết "*thắng mà không khoe khoang*", "*thắng mà không tự khen*", "*thắng mà không kiêu căng", "thắng vì bất đắc dĩ", "thắng mà không hiếp bức"* bằng sức mạnh.

C. *"Vật mạnh lớn ắt già" (vật tráng tắc lão)*（物壯則 老）cũng như Dịch Kinh nói: *"Vật cùng tắc biến, vật cực tắc phản"* vậy.

Dùng "sức mạnh" là trái với Đạo Trời. Trái với Đạo thì phải mất sớm, vì như trước đây ông đã nói: *"Phiêu phong bất chung triêu, sậu vũ bất chung nhật"* 飄風不終朝，驟 雨不終日 (Chương 23). Đạo là quân bình, không chịu cái gì *thái quá*: hễ cái gì "bạo phát" thì "bạo tàn".

Tuy chương này bàn về quân sự mà thực ra cũng là bàn về cách xử thế hằng ngày.

Nên so sánh với chương 68 sau này: *"Thiện vi sĩ giả, bất vũ; thiện chiến giả, bất nộ; thiện thắng địch giả, bất dữ… Thị vị bất tranh chi đức."* （善爲士者不武，善戰者不怒。 善勝敵者不與。。。是謂不爭之德。）



CHƯƠNG 31

1. Phù giai binh giả bất tường chi khí, Vật hoặc ố chi.
Cố hữu Đạo giả bất xử.
夫佳兵者不祥之器，
物或惡之。
故有道者不處。

2. Quân tử cư tắc quý tả, Dụng binh tắc quý hữu, Binh giả, bất tường chi khí, Phi quân tử chi khí, Bất đắc nhi dụng, Điềm đạm vi thượng.
Thắng nhi bất mỹ, Nhi mỹ chi giả.
Thị lạc sát nhơn.
Phù lạc sát nhơn giả, Tắc bất khả đắc chí ư thiên hạ hĩ.
君子居則貴左
用兵則貴右。
兵者不祥之器
非君子之器，
不得而用,
恬淡爲上。
勝而不美，
而美之者
是樂殺人
夫樂殺人者
則不可得志於天下矣。

3. Kiết sự thượng tả.
Hung sự thượng hữu.
Thiên tướng quân cư tả, Thượng tướng quân cư hữu.
Ngôn dĩ tang lễ xử chi.
Sát nhơn chi chúng.
Dĩ ai bi khấp chi.
Chiến thắng dĩ tang lễ xử chi.
吉事尚左
凶事尚右
偏將軍居左

上將軍居右
言以喪禮處之。
殺人之眾，
以悲哀泣之。
戰勝以喪禮處之。

DỊCH NGHĨA

1. Binh khí tốt là vật chẳng lành, Vật nào cũng ghét nó.
   Nên chi, người có Đạo, không dùng.

2. Quân tử thì trọng bên trái, Dụng binh thì quý bên phải.
   Binh là việc chẳng lành, Không phải đồ của người quân tử.
   Bắt buộc mà dùng đến, Điềm đạm là hơn.
   Thắng trận, đâu có tốt, Mà cho là tốt, Là vui giết người.
   Phàm vui giết người, Không thể vừa ý muốn thiên hạ.

3. Việc tốt chuộng bên trái, Việc dữ chuộng bên phải.
   Phó tướng ở bên trái, Thượng tướng ở bên phải: Là chỗ đứng trong khi tang lễ.
   Kẻ giết người nhiều
   Thảm thương khóc đó.
   Kẻ chiến thắng,
   Lấy tang lễ mà xử đấy.

BÌNH CHÚ

Chương này thừa ý chương trên, lên án chiến tranh và bạo lực.

A. Binh khí tốt là những món bất tường mà một bậc Thánh quân theo Đạo không bao giờ dùng đến.

B. Thời bình bậc Thánh quân để hạng người quân tử bên trái (chỗ danh dự), nhưng thời loạn, để hàng vũ tướng bên phải (không phải chỗ danh dự, dù họ là người nước nhà đang cần).

Khí giới là món bất tường mà bậc Thánh quân, bất đắc dĩ mới dùng đến, bao giờ cũng mong muốn thà một hòa bình không lợi hơn là một chiến công rực rỡ.

Chiến công đâu phải là việc tốt, kẻ nào lại ưa thích nó tỏ ra mình là kẻ khát máu. Người như thế không xứng đáng ở ngôi chúa tể.

C. Theo lễ, người ta để kẻ tốt bên trái, người bất tường bên phải. Khi nhà vua tiếp các vị tướng, viên phó tướng (vị tướng dự khuyết để thay vào vị thượng tướng thiếu) thì để đứng bên trái (vì họ ít bất tường hơn vị thượng tướng đương quyền), còn viên thượng tướng thì để đứng bên mặt, tức là cái chỗ của họ đứng lúc cử hành tang lễ (chỗ của kẻ gieo rắc tang khốc). Là vì kẻ giết người nhiều là kẻ phải khóc nhiều để đền tội ác của họ. Bởi vậy, cái địa vị xứng đáng nhất dành cho kẻ chiến thắng là chỗ của người chủ tang.



CHƯƠNG 32

1. Đạo thường vô danh phác, Tuy tiểu, Thiên hạ mạc năng thần dã.
Hầu vương nhược năng thủ chi, Vạn vật tương tự tân.
Thiên địa tương hạp, Dĩ giáng cam lộ.
Dân mạc chi lịnh nhi tự quân.
道常無名樸，
雖小，
天下莫能臣也
侯王若能守之，
萬物將自賓。
天地相合
以降甘露。
民莫之令而自均。

2. Thỉ chế hữu danh, Danh diệc ký hữu.
Phù diệc tương tri chỉ, Tri chỉ khả dĩ bất đãi.
Thí Đạo chi tại thiên hạ
Du xuyên cốc chi ư giang hải.
始制有名
名亦既有。
夫亦將知止，
知止可以不殆
譬道之在天下，
猶川谷之於江海。

DỊCH NGHĨA

1. Đạo thường thì không tên, mộc mạc, Tuy nhỏ, Dưới trời chưa chi thần phục được. Nếu bậc vương hầu giữ được Nó, Vạn vật sẽ tự xưng thần.

   Trời Đất hòa hợp, Sương ngọt rơi xuống, Dân không bắt buộc, Mà tự phục tùng.

2. Pháp độ bày ra, thì mới có tên Tên kia đã có, Cũng phải biết dừng. Biết dừng, không hại. Đạo sánh với thiên hạ, Như sông biển với suối khe.

BÌNH CHÚ

A. *"Đạo thường"* tức là Đạo vĩnh cửu. Xem lại chương nhất: "*Đạo khả đạo, phi thường Đạo*", *"Danh khả danh, phi thường danh"*.

Đạo thì thuần phác, tuy tế nhị（小）mà không chi có thể sai khiến, phục tùng Nó. Trái lại, Nó chi phối tất cả.

Bậc vua chúa mà biết giữ Đạo, thì muôn vật theo về. Cũng như Trời Đất âm dương hòa hợp nhau thì mưa móc ngọt ngào đổ xuống muôn dân nhờ được. Bậc vua chúa mà giữ Đạo, khác nào Trời Đất âm dương được hòa sướng ân huệ rơi xuống cho thiên hạ. Không cần ra lịnh bảo phải về, mà nhân dân đều cùng về.

B. Một khi mất Đạo rồi, bày ra nhân nghĩa pháp độ thì mới có đặt ra danh phận, cho nên mới nói: *"Pháp độ bày ra, thì mới có tên"*. Đời mà có nhiều pháp chế, thì đời càng thêm loạn. Vì vậy mới bảo *"cũng phải biết dừng"*（知止）. *"Biết dừng"* thì mới *"không hại"*.

Đạo, đối với thiên hạ, không khác gì khe suối đối với sông biển. Thiên hạ rồi cũng phải đổ về Đạo, cũng như khe, suối phải đổ về sông, biển vậy.

"*Phác*" 撲 là gỗ chưa đẽo gọt, dùng để chỉ tánh chất còn mộc mạc chưa dùng vào việc gì cả của Đạo (xem lại chương 19).



CHƯƠNG 33

1. 1. Tri nhơn giả trí; 2. Tự tri giả minh.
3. Thắng nhơn giả hữu lực.
4. Tự thắng giả cường.
5. Tri túc giả phú.
知人者智。
自知者明。
勝人者有力。
自勝者强。
知足者富。

2. 6. Cưỡng hành giả hữu chí.
7. Bất thất kỳ sở giả cửu.
8. Tử nhi bất vong giả thọ.
强行者有志。
不失其所者久。
死而不亡者壽。

DỊCH NGHĨA

1. 1. Biết người là trí; 2. Biết mình là sáng.
3. Thắng người là có sức; 4. Thắng mình là mạnh.
5. Biết đủ là giàu.

2. 6. Gượng làm là có chí.
7. Không mất bản tánh là lâu dài.
8. Chết mà không mất là sống lâu.

BÌNH CHÚ

A. Người *"trí"* kém người *"sáng"*; người *"có sức"* kém người *"mạnh"*. Theo Lão Tử *"biết mình"* cũng như*"thắng mình"* khó khăn hơn là *"biết người"* và *"thắng người"*.

"Biết đủ là giàu"（知足者富）: kẻ không biết đủ thì dù có dư bao nhiêu cũng vẫn nghèo thiếu mãi. So sánh với câu *"tri túc chi túc thường túc"* và *"họa mạc đại ư bất tri túc"*. Lẽ ra câu này phải xếp ở chương 46 mới đúng.

B. Câu *"cưỡng hành giả hữu chí"* （强行者有志）,các nhà bình luận phần đông mỗi người hiểu một cách. Có người hiểu là "làm mạnh mẽ", có người lại hiểu là "ép mình theo Đạo". Nhưng, theo tôi lại hiểu khác: "Cưỡng hành" 强行 là "gắng gượng mà làm", cho nên dịch "Gượng làm là có chí" là có lý do. Lão Tử chủ trương "vô vi", kẻ nào theo Đạo mà làm, thì cái làm ấy "thuận", nên làm mà không cần cố cưỡng. Kẻ nào còn cố cưỡng làm theo cái ngoài của mình, chứ không làm theo mình, tất nhiên là phải dùng đến cái mà ta gọi là "ý chí".

Trên đây, ông "chê" kẻ "thắng nhơn" chỉ là kẻ "hữu lực", thì đây, kẻ còn "gượng gạo" mà làm theo kẻ khác, là kẻ "hữu chí" mà thôi. Hành động của kẻ làm theo Đạo là hành động vô vi, như lửa thì nóng, giá thì lạnh, một cách hết sức tự nhiên, tức là hành động "vô tâm" của người thợ lặn giỏi, lội trong nước mà không dè có nước, không chống lại với nước, mà đã làm Một cùng với nước vậy.

Trang Tử cũng nói một thế: "Người say rượu té mà không bị thương là tại sao? Là tại họ không chống lại với cái té ấy…". Kẻ nào sành Nhu đạo (Judo) sẽ rõ cái tinh nghĩa của câu này.

Người Tây phương có kẻ dịch chữ "vô vi" là hành động tự nhiên, không cố gắng (non-effort).

Kẻ làm theo hữu vi, thì không theo tự nhiên, làm sai với Đạo, nên Lão Tử mới nói: *"Bất Đạo, tảo dĩ"* (trái Đạo mất sớm) (Chương 30).

Kẻ nào còn giữ Thiên Chân, tức là Đạo nơi ta, mới "không mất bản tánh". "Không mất bản tánh" thì hành động theo Đạo, nên không "mất sớm". Bởi vậy, mới nói: *"Bất thất kỳ sở giả cửu"* 不失其所者久.

Bản tánh ấy là vật trường tồn, không mất đặng sau khi ta chết, nên mới nói: "Chết mà không mất" (tử nhi bất vong). Chữ*"thọ"* (sống lâu) cũng cùng một ý với chữ "*cửu*" 久 (lâu dài).



CHƯƠNG 34

1. Đại Đạo phiếm hề, Kỳ khả tả hữu.
Vạn vật thị chi nhi sinh nhi bất từ.
Công thành bất danh hữu.
Y dưỡng vạn vật nhi bất vi chủ, Thường vô dục, khả danh ư tiểu.
Vạn vật quy yên nhi bất vi chủ.
Khả danh vi đại.
大道氾兮
其可左右。
萬物恃之而生而不辭
功成不名有
衣養萬物而不爲主。
常無欲，可名於小
萬物歸焉而不爲主, 可名爲大。

2. Dĩ kỳ chung bất tự vi đại.
Cố năng thành kỳ đại.
以其終不自爲大
故能成其大。

DỊCH NGHĨA

1. Đạo lớn tràn lấp,
Bên phải bên trái.
Vạn vật nhờ Nó mà sinh ra, Mà không một vật nào bị Nó khước từ.
Xong việc rồi, không để tên.
Che chở, nuôi nấng muôn loài, mà không làm chủ.
Thường không ham muốn,
Nên có thể gọi tên là Nhỏ.
Được muôn vật theo về mà không làm chủ, Nên có thể gọi tên là Lớn.

2. Bậc Thánh nhơn, cho đến ngày cùng, không cho mình là lớn.
Cho nên, mới thành được việc lớn của mình.

BÌNH CHÚ

A. *"Đại đạo phiếm hề, kỳ khả tả hữu"* 大道氾兮，其可 左右

氾 (phiếm) là chảy tràn lan, không đâu ngăn cản được.

Lấy nước mà ví với Đạo: Đạo tràn lấp mọi nơi, không đâu không đến. Nên nói: *"Đạo lớn tràn lấp, bên phải bên trái"*.

"Vạn vật thị chi nhi sinh, nhi bất từ" 萬物恃之而生而 不辭

Muôn vật đều do Đạo mà sinh ra, Đạo không riêng cho ai, nên mới nói "nhi bất từ" (không một vật nào bị Nó khước từ).

"Công thành bất danh hữu" (功成不名有). Để ý đến câu "Công thành thân thối, thiên vi Đạo". Công việc xong rồi, lại cũng không cho đó là công của mình. Thói thường thì làm xong việc gì hay cậy công và muốn lưu tên tuổi. Đạo không phải vậy. Nên mới gọi Đạo là "vô công" và "vô danh"… "Xong việc rồi, không để tên" (xem chương 2).

"Y dưỡng vạn vật nhi bất vi chủ" (衣養萬物而不爲主). "Y" 衣 cũng có bản chép là "Ái" 愛 đều có nghĩa là bao bọc, che chở, yêu thương.

Đạo che chở, bảo bọc và nuôi nấng muôn loài mà không chiếm làm của riêng như thói thường hay xem vật mình nuôi dưỡng là của riêng… Nên mới gọi Đạo là *"vô kỷ"* (無己). Tình yêu chân thật là tình yêu không có tính cách chiếm đoạt làm của riêng.

"Thường vô dục, khả danh ư tiểu" 常無欲, 可名於小

Vì thường không lòng ham muốn, nên cảm thấy như không lớn lên mà lại bớt lần mãi, nên "có thể gọi là nhỏ". So sánh với câu: *"Vi Đạo nhật tổn"* (chương 48).

"Vạn vật quy yên nhi bất vi chủ, khả danh vi đại" 萬物 歸焉而不爲主，可名爲大

Được muôn vật theo về là "lớn", nhưng nếu lại tự cho mình là chủ, thì thành ra hẹp hòi vị kỷ, nên không lớn được. Trái lại, nếu mình không xem đó là lớn, thì lòng mình còn rộng lớn hơn nữa. Nên mới gọi là *"khả danh vi đại"* (có thể gọi tên là Lớn).

"Dĩ kỳ chung bất tự vi đại" 以其終不自爲大

Tự xem mình là lớn thì không lớn được nữa, tự xem mình không lớn, thì mới lớn thêm được mà thôi. Cho nên mới nói:*"Bậc Thánh nhơn… không cho mình là lớn, mới thành được việc lớn của mình"*（故能成其大）.



CHƯƠNG 35

1. Chấp đại tượng, Thiên hạ vãng.
Vãng nhi bất hại, An bình thái.
執大象
天下往
往而不害
安平太。

2. Nhạc dữ nhị, Quá khách chỉ.
Đạo chi xuất khẩu Đạm hồ kỳ vô vị, Thị chi bất túc kiến.
Thính chi bất túc văn.
Dụng chi bất túc ký.
樂與餌
過客止。
道之出口
淡乎其無味。
視之不足見
聽之不足聞
用之不足既。

DỊCH NGHĨA

1. Nắm được đại tượng,
Đi khắp thiên hạ,
Đi đến đâu cũng không hại,
Được yên ổn thái bình.

2. Nhạc và bánh,
Khách đi qua dừng lại.
Đạo ra cửa miệng,
Lạt lẽo vô vị.
Nhìn không đủ thấy,
Lắng không đủ nghe.
Dùng Nó, không hết.

BÌNH CHÚ

"Đại tượng" là hình ảnh Đạo.

A. Bậc Thánh nhơn nắm được Đạo, thì dù có đi cùng khắp thiên hạ ở chỗ nào cũng được yên lành.

Chữ *"an, bình"* 安平 và chữ *"thái"* 太 đồng với chữ 泰 đều cùng một nghĩa, nhưng có cao thấp khác nhau. *"Thái"* cao hơn "bình"; "bình" cao hơn "an".

B. Yến tiệc, có nhạc có bánh thì được khách đi qua dừng lại thưởng thức.

Còn Đạo, tuy đem ra mà nói thì lạt lẽo vô vị, nhưng công dụng của Nó thì vô cùng, mặc dù nhìn không thấy, lắng không nghe. Không giống như cái vui thú của xác thịt dễ chán và chóng tàn.



CHƯƠNG 36

1. Tương dục hấp chi, Tất cố trương chi.
   Tương dục nhược chi, Tất cố cường chi.
   Tương dục phế chi, Tất cố hưng chi.
   Tương dục đoạt chi, Tất cố dữ chi.
   Thị vị vi minh.
   Nhu nhược thắng cương cường.
   將欲歙之
   必固張之。
   將欲弱之
   必固强之。
   將欲廢之
   必固興之。
   將欲奪之
   必固與之。
   是謂微明
   柔弱勝剛强。

2. Ngư bất khả thoát ư uyên, Quốc chi lợi khí, Bất khả dĩ thị nhơn.
   魚不可脫於淵
   國之利器
   不可以示人。

DỊCH NGHĨA

1. Hòng muốn thu rút đó lại, Là sắp mở rộng đó ra.
   Hòng muốn làm yếu đó,
   Là sắp làm đó mạnh lên.
   Hòng muốn vứt bỏ đó,
   Là sắp làm hưng khởi đó.
   Hòng muốn cướp đoạt đó, Là sắp ban thêm cho đó, Ấy gọi là ánh sáng huyền vi.
   Mềm yếu thắng cứng mạnh.

2. Cá không thể thoát vực sâu.
   Lợi khí nước nhà không thể bảo cho mọi người đều biết.

BÌNH CHÚ

Ở đây Lão Tử giải rất rõ luật quân bình của Đạo.

A. Cặp mâu thuẫn đối đãi nhau như *"hấp"* 歙, *"trương"* 張, *"cường"* 强, *"nhược"* 弱, *"hưng"* 興, *"phế"* 廢, luôn luôn đi đôi với nhau, như thiện ác, thị phi, vinh nhục vậy (xem chương 2).

Không bao giờ luật quân bình (tức là Đạo) có thể để cho âm thắng dương hoặc dương thắng âm mà không lập lại thăng bằng. Cho nên ở dưới sẽ được đưa lên cao, ở bên phải sẽ bị đưa qua bên trái… Đạo như trọng tâm của quả lắc, Đạo như "cây cung mà giương ra", "cao giả ức chi, hạ giả cử chi, hữu dư giả tổn chi, bất túc giả bổ chi"…

Nên để ý so sánh với hai câu này trong kinh Tân Ước (Nouveau Testament): *"Quiconque s'élèvera sera abaissé et quiconque s'abaissera sera élevé."* (Kẻ nào leo lên cao sẽ bị hạ xuống thấp và kẻ nào hạ xuống thấp sẽ được nâng lên cao).*"Ainsi les derniers seront les premiers, et les premiers seront les derniers."* (Kẻ đi sau sẽ là người đứng trước, còn kẻ đứng trước sẽ là kẻ đứng sau).

Thiên hạ phần đông chịu đứng về bên tích cực *"trương"*, *"cường"*, *"hưng"*, *"dữ"* hơn là bên tiêu cực *"hấp"*, *"nhược"*, *"phế"*, *"đoạt"*… cho nên việc trong thiên hạ bị mất quân bình.

Người ta quên rằng hễ "âm cực" thì là dọn đường cho "dương sinh". Cho nên bậc sáng suốt *"hậu kỳ thân nhi thân tiên, ngoại kỳ thân nhi thân tồn"* lấy *"nhu nhược"* mà *"thắng cương cường"* chứ không phải thật là nhu nhược mà sợ cương cường đâu, như người ta lầm hiểu.

B. *"Ngư bất khả thoát ư uyên"* （魚不可脫於淵）. Cá đừng tìm cách ra khỏi vực sâu, tức là ra khỏi chỗ ở tự nhiên và kín đáo của nó. Tuy sống trong bóng tối mà an thân hơn là trồi lên mặt nước để bị bắt.

Một nước cũng vậy, tài lợi không nên khoe khoang. Khoe khoang cho mọi người biết, thì khó mà đừng sanh trộm cướp, nước cũng khó mà giữ được lâu bền.



CHƯƠNG 37

1. Đạo thường vô vi, Nhi vô bất vi, 道常無為
而無不為。

2. Hầu vương nhược năng thủ chi, Vạn vật tương tự hóa.
侯王若能守之
萬物將自化。

3. Hóa nhi dục tác, Ngô tương trấn chi.
Dĩ vô danh chi phác, Vô danh chi phác.
Phù diệc tương vô dục, Bất dục dĩ tịnh, Thiên hạ tương tự định.
化而欲作
吾將鎮之
以無名之樸
無名之樸
夫亦將無欲
不欲以靜
天下將自定。

DỊCH NGHĨA

1. Đạo thường không làm, Nhưng không gì không làm.

2. Bậc Hầu Vương giữ được Nó, Thì vạn vật sẽ tự thay đổi.

3. Muốn thay đổi mà nhúng tay vào, Ta nên ngăn lại,
   Dùng cái mộc mạc của "vô danh", Cái mộc mạc của "vô danh", Cũng nên không ham muốn?
   Không ham muốn thì điềm tịnh, Thiên hạ sẽ tự yên.

BÌNH CHÚ

A. *"Đạo thường"* 道常 tức là ám chỉ Đạo *"trường cửu"*, *"bất biến"*.

"Vô vi nhi vô bất vi" (無爲而無不爲): thấy thì dường như không làm gì cả, nhưng không có cái gì là không thấy ảnh hưởng của việc làm của Đạo. Nghĩa là cái hành động của Đạo đâu đâu cũng có, nhưng không đâu thấy được cái hành động ấy, nên mới gọi là vô vi (không làm), chứ thực ra không phải là không làm gì cả.

Muôn hoa đua nở vì nhờ thọ lấy ánh sáng của mặt trời. Mặt trời dường như không làm gì cả, nhưng không có một vật nào là không thọ ánh sáng của mặt trời. Mặt trời giọi vạn vật mà không hay mình giọi, vạn vật thọ ánh sáng của mặt trời mà không hay là mình thọ. Đó là hành động vô vi của Đạo, hành động hết sức tự nhiên như cái nóng của lửa, cái lạnh của giá vậy.

B. *"Bậc trị nước mà giữ được Nó"* tức là biết thi hành cái đạo "vô vi nhi vô bất vi", thì "vạn vật sẽ tự nó thay đổi" mà không hay có bàn tay mình sửa trị. Đó là đến được mực cao nhất của phép trị nước.

C. Bởi vậy mới nói: *"Muốn thay đổi mà nhúng tay vào, ta nên ngăn lại"*. Thói thường theo Đạo hữu vi thì hay dụng ý riêng mình mà can thiệp vào việc người, cưỡng ép người phải theo mình.

Giúp cho hoa nở, thì hãy giúp cho hoa nào nở hoa nấy, lấy cái tự nhiên mà giúp cái tự nhiên, *"vạn vật tự hóa"* mà không hay là mình thay đổi.

Dùng cái *"mộc mạc của vô danh"*, tức là của Đạo, hành động vô vi mà "dân tự hóa".

Nhưng vô vi phải đi đến vô tâm, nghĩa là thực hiện vô vi một cách tự nhiên đến đỗi không hay là mình hành cái Đạo vô vi, như hoa nhả mùi hương của nó mà không hay là mình nhả ra mùi hương ấy. Nếu còn cố gắng "ham muốn" làm cái Đạo vô vi, là chưa vô vi vậy: còn hữu tâm đến cái làm của mình, cái làm ấy chưa phải là cái làm tận thiện tận mỹ của Đạo. Cho nên mới nói: *"Cái mộc mạc của vô danh, cũng không nên ham muốn"* nữa.

Được vậy, thì lòng mới yên tĩnh *"bất dục dĩ tịnh"* （不欲 以靜）; mình đã tịnh rồi, thì "thiên hạ" mới "tự định" theo gương của mình.

Đó cũng là yếu chỉ của Lão Tử trong sự thi hành *"bất ngôn chi giáo"*（不言之教）của ông.



CHƯƠNG 38

1. Thượng đức bất đức, Thị dĩ hữu đức; Hạ đức bất thất đức, Thị dĩ vô đức.

上德不德
是以有德
下德不失德
是以無德。

2. Thượng đức vô vi nhi vô dĩ vi.
Hạ đức vô vi nhi hữu dĩ vi.
上德無爲而無以爲
下德無爲而有以爲。

3. Thượng nhân vi chi nhi vô dĩ vi.
Thượng nghĩa vi chi nhi hữu dĩ vi.
Thượng lễ vi chi nhi mạc chi ứng.
Tắc nhương tý nhi nhưng chi.
Cố,

Thất Đạo nhi hậu Đức, Thất Đức nhi hậu Nhân, Thất Nhân nhi hậu Nghĩa, Thất Nghĩa nhi hậu Lễ.

Phù Lễ giả, trung tín chi bạc, nhi loạn chi thủ.

Tiền thức giả, Đạo chi hoa, nhi ngu chi thủy; 上仁爲之而無以爲。

上義爲之而有以爲。
上禮爲之而莫之應,。
則攘臂而扔之。
故
失道而後德
失德而後仁
失仁而後義
失義而後禮。
夫禮者，忠信之薄而亂之首。
前識者道之華，而愚之始。

4. Thị dĩ đại trượng phu Xử kỳ hậu bất cư kỳ bạc, Xử kỳ thực bất cư kỳ hoa.

Cố khứ bỉ thủ thử.

是以大丈夫
處其厚不居其薄
處其實不居其華
故去彼取此。

DỊCH NGHĨA

1. Đức mà cao là không có đức, Bởi vậy mới có đức,
Đức mà thấp là không mất đức, Nên không có đức.

2. Đức mà cao thì không làm, Lại không cậy đó là có làm,
Đức mà thấp thì có làm, Lại cho là có làm.

3. Nhân mà cao thì làm, Nhưng không cho đó là có làm.
Nghĩa mà cao, cũng làm, Lại cho là có làm.
Lễ mà cao, thì làm,
Nếu không được đáp
Thì xăn tay mà lườm.
Vì vậy, mất Đạo, rồi mới có Đức, Mất Đức, rồi mới có Nhân.
Mất Nhân, rồi mới có Nghĩa, Mất Nghĩa, rồi mới có Lễ.
Lễ chỉ là cái vỏ mỏng của lòng trung tín; mà cũng là đầu mối của hỗn loạn.
Tiền thức chỉ là hoa của Đạo, Mà cũng là gốc của ngu.

4. Ấy nên bậc đại trượng phu Ở chỗ dày, không ở chỗ mỏng, Chuộng trái, không chuộng hoa, Nên bỏ đây mà giữ đó.

BÌNH CHÚ

A. *"Thượng đức bất đức, thị dĩ hữu đức"* (上德不德, 是 以有德). Thượng và hạ ở đây, không có nghĩa là chỉ về tôn ti trên dưới, mà chính là dùng để chỉ sự hợp hay không hợp với Đạo.

"Thượng đức", là chỉ về cái Đức hợp với Đạo, cận với Đạo. "Bất đức", chữ "đức" ở đây là chỉ những đức tánh thông thường như nhân, nghĩa, trí, tín v.v…

Câu *"thượng đức bất đức, thị dĩ hữu đức"* (上德不德, 是以有德) phải nên hiểu như vầy: Đức gần với Đạo, thì không có đức tánh nào cả (theo nghĩa thông thường), nên mới thật là có Đức, cái Đức của Đạo.

"Hạ đức bất thất đức, thị dĩ vô đức" (下德不失德, 是以 無德). Còn cái đức thông thường kia, *"hạ đức"*, thì không mất Đức nào cả, mà gồm cả những cái ta thường gọi là đức tánh tốt (như nhân, nghĩa, lễ, trí v.v…) nên mới nói *"hạ đức bất thất đức"*, đức ấy không phải là cái Đức gần Đạo nữa *(thị dĩ vô Đức).*

B. *"Thượng đức vô vi nhi vô dĩ vi"* (上德無爲而無以爲).

Đức mà cao (gần Đạo) thì làm cái "không làm" (vô vi), cho nên tuy làm mà lại không cho là mình làm (không cậy công).

"Hạ đức vô vi nhi hữu dĩ vi" (下德無爲而有以爲) Đức mà thấp (xa Đạo) thì làm và lại cho là có làm (hữu vi) và cậy công.

C. *"Thượng nhân vi chi nhi vô dĩ vi.*

Thượng nghĩa vi chi nhi hữu dĩ vi".

上仁爲之而無以爲 上義爲之而有以為

Nhân 仁 mà cao (gần Đạo) thì tuy làm, nhưng không cho là có làm.

Theo Lão Tử, tuy cho *Nhân* là khinh, nhưng "thượng nhân"（上仁）thì cũng còn gần *Đạo* hơn, nhờ làm mà không cậy đến việc làm của mình, hay nói một cách khác, làm mà không vì tư tâm, tư ý hay tư lợi gì cả, làm gần với cái làm của "vô vi".

Còn *Nghĩa* mà cao (gần Đạo) thì làm mà biết là có làm và nhân đó mà cậy công, nên xa với Đạo vô vi.

Như thế ta thấy Lão Tử rất khinh *Nghĩa* (義).

"Thượng lễ vi chi nhi mạc chi ứng, tắc nhương tý nhi nhưng chi" (上禮爲之而莫之應, 則攘臂而扔之). *Lễ* là hạng thấp nhất, vì *Lễ* mà

không được người đáp lại thì xăn tay tỏ vẻ bất bình. Như thế *Lễ* là hình thức dục lợi vị kỷ nhất.

Tóm lại, Đạo Đức là trên hết, còn Nhân, Nghĩa, Lễ đều là đáng khinh cả.

"Thất Đạo nhi hậu Đức
Thất Đức nhi hậu Nhân
Thất Nhân nhi hậu Nghĩa
Thất Nghĩa nhi hậu Lễ"

失道而後德
失德而後仁
失仁而後義
失義而後禮

Mất Đạo rồi mới có Đức,
Mất Đức rồi mới có Nhân,
Mất Nhân rồi mới có Nghĩa, Mất Nghĩa rồi mới có Lễ.



"Lễ giả trung tín chi bạc, nhi loạn chi thủ"

禮者，忠信之薄，而亂之首

Lễ là cái lớp che mỏng mảnh của lòng trung tín và là đầu mối của loạn ly. *Lễ* là nước sơn giả dối nhất trong Đạo xử thế. Đây là chỗ chống lại cái Đạo của Khổng Mạnh.

D. Bởi vậy, bậc đại trượng phu (ám chỉ người hiểu Đạo),*"xử kỳ hậu, bất cư kỳ bạc"*（處其厚不居其薄）. *Hậu* 厚 là dầy, tức là Đạo Đức *Bạc* 薄 là mỏng, tức là nhân, nghĩa và lễ 仁義.

"Xử kỳ thực, bất cư kỳ hoa"（處其實, 不居其華). Họ chuộng trái mà không chuộng hoa. "Trái" là ám chỉ thực dụng, còn "hoa" là hư dụng.



CHƯƠNG 39

1. Tích chi đắc Nhất giả: Thiên đắc Nhất dĩ thanh, Địa đắc Nhất dĩ ninh, Thần đắc Nhất dĩ linh, Cốc đắc Nhất dĩ doanh, Vạn vật đắc Nhất dĩ sinh, Hầu vương đắc Nhất dĩ vi thiên hạ trinh.

Kỳ trí chi Nhất dã.

昔之得一者
天得一以清
地得一以寧
神得一以靈
谷得一以盈
萬物得一以生
侯王得一以爲天下貞
其致之一也。

2. Thiên vô dĩ thanh tương khủng liệt.
Địa vô dĩ ninh tương khủng phế
Thần vô dĩ linh tương khủng hiệt.

Cốc vô dĩ doanh tương khủng kiệt, Vạn vật vô dĩ sanh tương khủng diệt, Hầu vương vô dĩ trinh quý cao tương khủng quyết.

天無以清將恐裂
地無以寧將恐廢
神無以靈將恐歇
谷無以盈將恐竭
萬物無以生將恐滅
侯王無以貞貴高將恐蹶。

3. Cố,
Quý dĩ tiện vi bổn, Cao dĩ hạ vi cơ.
Thị dĩ hầu vương tự vị cô quả bất cốc.
Thử kỳ dĩ tiện vi bổn da? Phi hồ?
故
貴以賤爲本
高以下爲基

是以侯王自謂孤寡不穀。
此非以賤爲本邪？非乎？
D Cố,
Trí số dự vô dự, Bất dục
Lục lục như ngọc.
Lạc lạc như thạch.
故
致數譽無譽
不欲
琭琭如玉
珞珞如石。

DỊCH NGHĨA

1. Đây là những vật xưa kia đã được ngôi Một: Trời được Một mà trong, Đất được Một mà yên, Thần được Một mà linh, Hang được Một mà đầy.

   Muôn vật được Một mà sống, Hầu vương được Một mà trị thiên hạ.

   Đều là đã đến được chỗ Một mà nên cả.

2. Nếu trời không trong sẽ vỡ, Đất không yên sẽ lở.

   Hang không đầy sẽ cạn, Thần không linh sẽ tán, Vạn vật không sống sẽ dứt, Hầu vương không trị thiên hạ sẽ mất.

3. Bởi vậy,

   Quý lấy tiện làm gốc, Cao lấy thấp làm nền.

   Nên chi,

   Hầu vương tự xưng là "con côi", "ít đức", "không lành"; Đó là lấy "tiện" làm gốc?

   Không phải vậy sao?

4. Vậy quá khen thành như không khen.

   Bậc Thánh nhơn, không muốn được quý như ngọc,
   bị khinh như sỏi.

BÌNH CHÚ

A. Đoạn này quan trọng ở hai chữ *"đắc Nhất"*. *"Nhất"* đây là *Đạo*.

Trời, Đất, Thần, Hang, Vạn vật, Hầu vương đều nhờ được chỗ Một (Đạo) mà nên. Trái lại, nếu Trời, Đất, Thần, Hang, Vạn vật, Hầu vương mà mất chỗ Một (Đạo) ấy thì thảy đều hỏng cả.

C. Chỗ ta gọi là "cao", là "quý" đều lấy chỗ "hạ", chỗ "tiện" làm nền, làm gốc.

Nghiêm Phục lại bảo rằng ở đây Lão Tử chủ trương dân chủ.

Thực ra, Lão Tử chủ trương Đạo không cao không thấp không quý không tiện, mà cả hai đều là Một. Đạo là lẽ quân bình, không dung một cái gì thái quá, nên nếu muốn cao cần đứng dưới thấp, muốn quý nên đứng chỗ tiện, để mà giữ sự thăng bằng. Trái lại càng muốn thật cao mà thiên hẳn một bên thì lại trở xuống thấp, càng muốn thật quý lại trở thành tiện, bởi cái luật *"vật cùng tắc biến, vật cực tắc phản"*. Vì vậy ông luôn luôn chủ trương sự *"hậu kỳ thân nhi thân tiên"*（後其身而身先）. Gốc rễ của cao quý là ở chỗ hạ tiện, cũng như gốc rễ cái tinh thần là ở nơi vật chất. Đây là nòng cốt Đạo xử thế của Lão Tử.

Hồn và xác nương nhau mà sống. Tinh thần vật chất nương nhau mà có, quý tiện nương nhau mà thành, cao hạ nương nhau mà nên… Cũng như khi ông nói: *"Họa hề phúc chi sở ỷ; phúc hề họa chi sở phục"* vậy. Lìa nhau không có cái gì mà tồn tại, như âm dương, tuy nghịch nhau mà không thể rời nhau.

Cho nên trên kia mới có nói đến hai chữ *"đắc Nhất"*（得一）.

Toàn chương nói về cái Đạo trị nước của bậc Thánh nhơn. Thánh nhơn *"đắc Nhất"* (Đạo) nên thiên hạ được trị, đó là làm được chánh sách *"vô vi nhi trị"*（無爲而治）.



CHƯƠNG 40

1. Phản giả Đạo chi động;
Nhược giả Đạo chi dụng.
反者道之動
弱者道之用。

2. Thiên hạ vạn vật sanh ư Hữu;
Hữu sanh ư Vô.
天下萬物生於有
有生於無。

DỊCH NGHĨA

1. Trở lại là cái động của Đạo;
   Yếu, mềm là cái dụng của Đạo.

2. Vạn vật dưới trời sanh nơi "Có";
   "Có" sanh nơi "Không".

BÌNH CHÚ

A. Đây là yếu điểm của học thuyết Lão Tử.

Cái Động của Đạo, không phải là đi ra ngoài, mà là trở vào trong. Trở vào trong tức là trở về gốc. Vì vậy, những hành động theo Đạo, luôn luôn trái ngược với cái Đạo hữu vi của người đời thường hiểu và thường làm. Người thích lên cao, thì ông bảo đứng dưới thấp. Người ta thích tranh, ông bảo đừng tranh. Người ta thích se sua, ông bảo che giấu. Người ta thích làm con trống, ông bảo làm con mái. Người ta thích cứng, ông bảo nên mềm. Người ta thích đứng trước, ông bảo nên đứng sau.

Theo ông *"Yếu mềm là cái dụng của Đạo"*. Yếu mềm, không phải là nhu nhược như người đời thường hiểu. Nhược đây là biết thuận theo, biết chiều theo mà đừng cố cưỡng, không chống lại với những luật bất di bất dịch của Tạo hóa, của tự nhiên, không dùng ý chí mà cưỡng lại với Đạo, như người lội trong nước mà không cưỡng lại với nước nên không biết có nước. Ta nên hiểu câu *"Yếu mềm là cái dụng của Đạo"* tức là lấy yếu mềm làm phương pháp để trở về với Đạo. Ai có nghiên cứu và tập qua Nhu đạo (Judo) sẽ rõ một cách thiết thực nguyên lý *"Yếu mềm là cái dụng của Đạo"*.

Câu này, với chữ Phản (反), ta có thể hiểu hai cách:

1 - Tuần hoàn

2 - Trở về bản tánh



1 **-** Vật dưới trời đều tuần hoàn và tiếp tục nhau như ngày với đêm mà không bao giờ thôi. Hễ sanh rồi tử, tử rồi sanh, lên rồi xuống, xuống rồi lên… phản phúc biến động không ngừng. *"Âm cực dương sinh", "dương cực âm sinh", "vật cùng tắc biến, vật cực tắc phản"…*

2 **-** *Phản* 反 lại cũng có nghĩa là *"trở về bản tánh"*, cái *Có* trở về cái *Không* (反於無). Theo Đạo thì không *"tán ra"*, mà là*"trở vào"*.

B. *"Có"* đây, là *"có hình":* vạn vật do Trời Đất mà ra mà Trời Đất đã có địa vị nhất định trong vũ trụ, nên mới nói:*"Vạn vật dưới trời, sanh nơi Có"* (Thiên hạ vạn vật sinh ư Hữu).

Trời Đất lại do Đạo mà ra, mà Đạo là cái lẽ nhiệm mầu không sao hình dung được, nên gọi là *"Vô"*, đồng nghĩa với chữ Không của

nhà Phật. Nghiêm Phục bảo: *"Vô bất chân Vô"*（無不真無）, nghĩa là cái Không đâu phải là Chân Không, mà là cái Không tương đối với cái Có.



Tóm lại, câu *"Phản giả đạo chi Động"* là nòng cốt của tư tưởng Lão Tử.

Cũng vì phòng sự "phản phúc" ấy, mà ông thường khuyên ta những câu như sau: *"hậu kỳ thân nhi thân tiên"*, *"bất tranh nhi thiện thắng"*, *"nhu nhược thắng cang cường"*, *"quý dĩ tiện vi bổn, cao dĩ hạ vi cơ"* v.v…



CHƯƠNG 41

1. Thượng sĩ văn Đạo, Cần nhi hành chi.
Trung sĩ văn Đạo, Nhược tồn nhược vong.
Hạ sĩ văn Đạo.
Đại tiếu chi.
Bất tiếu, bất túc dĩ vi Đạo.
上士聞道
勤而行之。
中士聞道
若存若亡。
下士聞道
大笑之。
不笑，不足以爲道。

2. Cố kiến ngôn hữu chi: Minh Đạo nhược muội, Tiến Đạo nhược thối.
Di Đạo nhược loại.
Thượng Đức nhược cốc, Đại bạch nhược nhục, Quảng đức nhược bất túc.
Kiến đức nhược thâu, Chất chân nhược du.
故建言有之
明道若昧
進道若退。
夷道若纇。
上德若谷
大白若辱
廣德若不足。
建德若偷
質真若渝。

3. Đại phương vô ngung, Đại khí vãn thành.
Đại âm hi thanh, Đại tượng vô hình Đạo ẩn vô danh.
Phù duy Đạo, Thiện thải thả thành.
大方無隅
大器晚成

大音希聲
大象無形
道隱無名。
夫惟道
善貸且成。

DỊCH NGHĨA

1. Thượng sĩ nghe Đạo, Cố gắng theo liền.
Trung sĩ nghe Đạo, Thoạt nhớ, thoạt quên.
Hạ sĩ nghe Đạo.
Cả cười, bỏ qua.
Nếu không cười,
sao đủ gọi đó là Đạo.

2. Nên chi, người xưa nói: Sáng về Đạo, dường tăm tối, Tiến về Đạo, dường thối lui.
Ngang với Đạo, dường tầm thường.
Đức mà cao, dường trũng thấp, Thật trong trắng, dường bợn nhơ.
Đức dồi dào, dường không đủ.
Đức vững chắc, dường cẩu thả.
Kẻ chân chất, dường biến đổi.

3. Vuông lớn, không góc, Chậu lớn, muộn thành.
Âm lớn, ít tiếng.
Tượng lớn, không hình.
Đạo kín, không tên Chỉ có Đạo.
Hay cho, lại tác thành.

BÌNH CHÚ

A. Bậc "cao", nghe nói đến Đạo, đem thi hành ngay một cách cần mẫn.

Bậc "trung", nghe nói đến Đạo, thì nửa tin, nửa ngờ, nên khi thì nhớ, khi thì quên, khi thì làm, khi thì bỏ.

Bậc "hạ" nghe nói Đạo, trái lại biếm nhẽ, lại cười chê, vì họ chỉ tin những gì mắt thấy tai nghe mà thôi. Bởi vậy, nếu họ lại không cười chê, biếm nhẽ thì ra Đạo là cái lẽ thấy đặng, nghe đặng, rờ đặng hay sao? Đạo mà như thế, đâu còn phải là Đạo nữa.

B. *"Minh Đạo nhược muội"* 明道若昧

Đoạn văn này, nên để ý những chữ *"nhược"* 若 (dường như), chứ không phải thực sự như vậy. Chữ *"nhược"* đây, đồng một nghĩa với chữ *"thủ"* 守 trong những câu như *"tri kỳ hùng, thủ kỳ thư"*.

Kẻ sáng về Đạo, thì dường như người tăm tối: họ giấu cái sáng của họ.

Mấy câu cách ngôn này đều cùng một ý nghĩa với câu "Minh Đạo *nhược* muội" và cũng đồng một ý với những câu "Chúng nhơn chiêu chiêu, ngã độc *nhược* ôn" (Chương 20): "Đại thành*nhược* khuyết, kỳ dụng bất tệ… Đại doanh *nhược* xung… Đại trực *nhược* khuất, đại xảo *nhược* chuyết, đại biện *nhược* nột." 大成若缺，其用不弊。大盈若 沖。。。大直若屈，大巧若拙，大辯若訥。(Chương 45).

Những câu của đoạn B và C trên đây đều để biểu thị cái Đạo quân bình của Lão Tử: cái cực sáng *giống như* cái cực tối… (明道若訥).



CHƯƠNG 42

1. Đạo sanh Nhất, Nhất sanh Nhị, Nhị sanh Tam, Tam sanh vạn vật.

Vạn vật phụ âm nhi bão dương, Xung khí dĩ vi hòa.

道生一
一生二
二生三
三生萬物。
萬物負陰而抱陽
冲氣以為和。

2. Nhơn chi sở ố, Duy cô quả bất cốc, Nhi vương công dĩ vi xưng Cố,

Vật hoặc tổn chi nhi ích, Hoặc ích chi nhi tổn.

人之所惡
惟孤寡不穀
而王公以為稱
故
物或損之而益
或益之而損。

3. Nhơn chi sở giáo, Ngã diệc giáo chi.

Cường lương giả bất đắc kỳ tử, Ngô tương dĩ vi giáo phụ.

人之所教
我亦教之。
强梁者不得其死
吾將以為教父。

DỊCH NGHĨA

1. Đạo sanh Một,
   Một sanh Hai,
   Hai sanh Ba,
   Ba sanh Vạn vật.
   Trong vạn vật không vật nào mà không cõng âm và bồng dương.
   Nhân chỗ xung nhau mà hòa với nhau.

2. Chỗ ghét của người Là "cô lậu", "quả đức", "bất thiện"
   Thế mà bậc vua chúa Lại dùng đó mà tự xưng.
   Vậy, sự vật trong đời Bớt là thêm,
   Thêm là bớt.

3. Chỗ mà người xưa dạy, Ta nay cũng dạy:
   Dùng bạo động, chết bạo tàn.
   Người nói câu ấy là Thầy ta.

BÌNH CHÚ

Toàn chương ý văn không nhất khí, nên chia làm ba đoạn khác nhau A, B, C.

A. Đoạn thứ nhất: *"Đạo sanh Nhất, Nhất sanh Nhị, Nhị sanh Tam, Tam sanh vạn vật."* 道生一，一生二，二 生三，三生萬物。

Nhất đây là trỏ vào cái *Thể* duy nhất của Đạo. *Nhị* là trỏ vào*âm dương*, tức là hai nguyên lý mâu thuẫn đồng có trong mỗi vật, và vì thế mới có nói *"vạn vật phụ âm nhi bão dương"*.Giữa sự xô xát, xung đột của hai nguyên lý ấy có một cái gì nắm giềng mối và làm cho nó dung hòa nhau: đó là nguyên lý thứ ba, cái *dụng* của Đạo. Nó là chỗ mà Lão Tử bảo *"xung khí dĩ vi hòa"*, tức là cái nguyên lý làm cho cái khí xung đột của hai nguyên lý kia điều hòa với nhau. Đến được cái số *Ba* đó, là vạn vật thành hình, nên mới nói *"tam sanh vạn vật"*.

B. *"Nhơn chi sở ố,* Duy cô, quả, bất cốc, Nhi vương công dĩ vi xưng"

人之所惡
惟孤寡不穀
而王公以為稱。

"Bất cốc" (不穀) có nghĩa là "bất thiện" 不善.

Những danh từ như "cô" 孤, "quả" 寡, "bất thiện" 不善 đều là những danh từ mà người đời ai cũng ghét; nhưng bậc vua chúa lại dùng đó tự xưng… Đó là ý Lão Tử khuyên ta: *"quý, dĩ tiện vi bổn; cao, dĩ hạ vi cơ"* để gìn giữ được lâu bền địa vị "cao quý" của mình… Cũng là cùng một ý với câu: *"hậu kỳ thân nhi thân tiên"*, phòng hờ sự phản phúc biến thiên của sự vật khi nó lên đến chỗ cùng cực của nó: *"vật cực tắc phản"*.

Như thế, ta thấy rằng Lão Tử đâu phải chủ trương sự "đi sau", "đứng dưới", nhưng mà "đi sau" để được "đứng trước", "đứng dưới" để được "ngồi cao".

Ông nêu rất rõ cái luật quân bình của Tạo hóa là *"tổn chi nhi ích"* 損之而益, *"ích chi nhi tổn"* 益之而損 (bớt là thêm, thêm là bớt). Bớt, là để thêm vài chỗ bất cập; thêm, là để bớt chỗ thái quá để mà lập lại quân bình: *tổn hữu dư, bổ bất túc*. So sánh với những câu như *"tương dục hấp chi, tất cố trương chi; tương dục nhược chi, tất cố cường chi; tương dục phế chi, tất cố hưng chi…"* (Chương 36).

C. *"Cường lương giả bất đắc kỳ tử"* 强梁者不得其死

Câu này đồng một ý với trong Thánh Kinh của Thiên Chúa giáo: "Kẻ nào giết người bằng gươm, sẽ chết bằng gươm". Hễ dùng bạo lực thì chết bạo tàn.



CHƯƠNG 43

1. Thiên hạ chi chí nhu, Trì sính thiên hạ chi chí kiên.
Vô hữu nhập vô gian.
Ngô thị dĩ tri vô vi chi hữu ích.
天下之至柔
馳騁天下之至堅。
無有入無間
吾是以知無為之有益。

2. Bất ngôn chi giáo, Vô vi chi ích, Thiên hạ hi cập chi.
不言之教
無為之益
天下希及之。

DỊCH NGHĨA

1. Cái rất mềm của thiên hạ, Thắng cái rất cứng trong thiên hạ.

   Cái "không có" còn xen vào được chỗ không thể xen vào, Do đó mà ta biết được sự lợi ích của "vô vi".

2. Dạy bảo mà không cần đến lời nói, Sự lợi ích của vô vi,
   Trong thiên hạ ít ai hiểu kịp.

BÌNH CHÚ

A. Đây là chủ trương *"nhu thắng cương, nhược thắng cường"* của Lão Tử ở chương 78 sau này.

"Vô hữu nhập vô gian" 無有入無間

Gọi là *"vô"*, tức là *"không có"* (vô hữu) nhưng "cái Đó" lại có thể *"nhập"* vào những chỗ mà ta biết không còn có chỗ nào trống để xen vào được. Cho hay Đạo (tức là vô hữu) không chỗ nào là không có Nó.

B. *"Bất ngôn chi giáo"* 不言之教

Dạy bảo mà không dùng đến lời, đó cũng là một trong nhiều nghĩa của chữ "vô vi"… Để tự nhiên mà vạn vật tự hóa, không dùng đến lời mà cưỡng ép, thuyết dụ… So sánh với câu *"thiên hà ngôn tai!"* của Khổng Tử.

Ở đây, ta lại cũng nên hiểu rằng Lão Tử chủ trương Đạo là một lẽ không thể dùng lời mà nói ra được, vì "nói ra được không còn là cái thường của Đạo" *(Đạo khả đạo, phi thường Đạo)* (chương 1). Ông cũng nói: *"Tri giả bất ngôn, ngôn giả bất tri"*（知者不言言者不知）. Đó là nghĩa thứ hai của câu*"bất ngôn chi giáo"*. Sở dĩ mà dùng đến lời, là một sự miễn cưỡng rồi vậy. Đạo học là một sự tâm truyền tâm không thể dùng lời nói mà miêu tả được, chỉ có thể cảm thông mà thôi. So sánh với 4 câu kệ này của giáo phái Thiền tông nhà Phật:*"Giáo ngoại biệt truyền, bất lập văn tự, trực chỉ nhơn tâm, kiến tánh thành Phật"* 教外別傳，不立文字，直指人心見性成佛）.



CHƯƠNG 44

1. Danh dữ thân, thục thân?
Thân dữ hóa, thục đa? Đắc dữ vong, thục bệnh?
名與身孰親？
身與貨孰多？
得與亡孰病？
B Thị cố, Thậm ái tất đại phí; Đa tàng tất hậu vong.
Tri túc bất nhục, Tri chỉ bất đãi, Khả dĩ trường cửu.
是故
甚愛必大費
多藏必厚亡。
知足不辱
知止不殆
可以長久。

DỊCH NGHĨA

1. Danh và Thân, cái nào quý hơn?
Thân và Của, cái nào trọng hơn?
Đặng và Mất, cái nào khổ hơn?

2. Vậy nên,
Thương nhiều ắt tổn nhiều,
Chứa nhiều ắt mất nhiều.
Biết đủ, không nhục.
Biết dừng, không nguy.
Và có thể lâu dài.

BÌNH CHÚ

A. Không cần hỏi, ta cũng biết rằng "thân" ta là trọng hơn "danh" ta; "thân" ta là quý hơn "của cải" của ta; và "được" danh "được" lợi, lắm khi còn khổ hơn là "mất" nó.

Danh và lợi là vật ngoại giới, có đáng giá gì để cho ta *"được"* mà mừng, *"mất"* mà buồn chăng?

Kẻ nào mà Đức đầy đủ nơi trong rồi, thì đâu có màng gì đến "danh" mà vẫn thấy mình là sang, bởi vậy họ "biết đủ", nên không bao giờ "bị nhục".

Họ biết rằng của cải quý nhất là cái Đức của nơi họ, nên họ không màng gì đến lợi lộc bên ngoài mà vẫn thấy mình là giàu, vì vậy, họ không tham lam ham muốn, họ biết dừng lại tham vọng của họ nên họ không bao giờ bị nguy.

Không bị nhục, không bị nguy, họ có thể được lâu dài: "Ngoại kỳ thân nhi thân tồn", gác thân ra ngoài vòng danh lợi thì mới gìn giữ mình được lâu dài.

"Thậm ái tất đại phí; đa tàng tất hậu vong" 甚愛必大 費多藏必厚亡. Đó là kết quả của luật quân bình: Đừng có gì thái quá! Điều mà Lão Tử thường căn dặn: *"Khử thậm, khử xa, khử thái"*. *"Thậm ái"* (甚愛) là "đam mê quyến luyến thái thậm", quyến luyến thái thậm thì phải hy sinh rất nhiều ắt tổn phí sinh lực, làm giảm tuổi trời.

Còn như thu trữ, chứa chất của quý thật nhiều, phải chăng đó là cách kêu gọi trộm cướp đến, và cũng là cách vời họa đến cho mình? Bởi vậy "biết đủ mới không vời nhục đến cho mình", "biết dừng lại mới không vời tai nguy đến cho thân mình" vậy.

Và có như thế mới có thể lâu dài.

"Tri túc" (知足), *"tri chỉ"* (知止) là hai liều thuốc *"lánh nguy cầu an"* bất cứ ở vào thời buổi nào, nhất là ở thời loạn.



CHƯƠNG 45

1. Đại thành nhược khuyết, Kỳ dụng bất tệ.
Đại doanh nhược xung, Kỳ dụng bất cùng.
Đại trực nhược khuất, Đại xảo nhược chuyết, Đại biện nhược nột.
大成若缺
其用不弊
大盈若冲
其用不窮
大直若屈
大巧若拙
大辯若訥。

2. Táo thắng hàn, Tịnh thắng nhiệt.
Thanh tịnh vi thiên hạ chính.
躁勝寒
靜勝熱
清靜為天下正。

DỊCH NGHĨA

1. Thành tựu mỹ mãn dường như dở dang, Thì chỗ dùng của nó không hư được.

   Đầy tràn dường như trống không, Thì chỗ dùng của nó vô cùng.

   Rất ngay thẳng dường như cong queo, Rất khéo léo dường như vụng về, Rất hùng biện dường như ấp úng.

2. Nóng nảy thắng lạnh lẽo,
   Yên lặng thắng hăng hái.
   Thanh tịnh mới chính được thiên hạ.

BÌNH CHÚ

A. Thánh nhơn thật là hoàn toàn, nhưng làm như đầy vụng về dang dở, vì vậy mà năng lực không bao giờ mòn.

Thánh nhơn thì toàn mãn, nhưng làm như thiếu thốn không có gì; vì vậy mà công dụng không bao giờ cùng.

Thánh nhơn thì rất ngay thẳng, nhưng làm như vụng về; thật hùng biện, nhưng làm như nói chẳng ra lời… Chương 28, Lão Tử cũng đã chủ trương như thế: *"Tri kỳ hùng, thủ kỳ thư", "tri kỳ bạch, thủ kỳ hắc".*

Ta nên để ý đến những chữ *nhược* ("dường như" hay "làm như") chứ không phải thực như thế.

B. *"Táo thắng hàn Tịnh thắng nhiệt*
Thanh tịnh vi thiên hạ chính"
躁勝寒
靜勝熱
清靜為天下正。

Phàm vật, hễ động thì sanh ra nhiệt, tịnh thì sinh ra hàn. Bởi vậy, khi lạnh, người ta dùng nóng mà thắng lạnh (hàn); khi nóng, người ta dùng tịnh mà thắng nóng (nhiệt): *"Táo thắng hàn, tịnh thắng nhiệt"*.

Thiên hạ đều náo nhiệt gần như cùng cực, vậy bậc Thánh nhơn dùng "thanh tịnh" mà trị, nên thiên hạ được tự chính.*"Thanh tịnh"* (清靜), tức là vô vi (無爲).



CHƯƠNG 46

1. Thiên hạ hữu Đạo, Khước tẩu mã dĩ phẩn.
Thiên hạ vô Đạo, Nhung mã sanh ư giao.
天下有道
卻走馬以糞。
天下無道
戎馬生於郊。

2. Họa mạc đại ư bất tri túc; Cữu mạc đại ư dục đắc.
Cố
Tri túc chi túc Thường túc hĩ.
禍莫大於不知足
咎莫大於欲得。
故
知足之足
常足矣。

DỊCH NGHĨA

1. Thiên hạ có Đạo,
Ngựa cỡi vun phân ruộng. Thiên hạ không Đạo,
Ngựa chiến nuôi ngoài thành.

2. Không họa nào lớn bằng không biết đủ.
Không hại nào to bằng muốn đặng.
Bởi vậy,
Biết đủ trong cái đủ,
Mới luôn luôn đủ.

BÌNH CHÚ

A. *"Thiên hạ hữu Đạo* Khước tẩu mã dĩ phẩn Thiên hạ vô Đạo *Nhung mã sanh ư giao"*

天下有道

卻走馬以糞。

天下無道

戎馬生於郊。

Thiên hạ mà được Đạo, thì ngựa chiến được trả về đồng ruộng làm công việc vun phân.

Thiên hạ mà mất Đạo, thì ngựa chiến được nuôi tấp nập bên thành.

Ở đây, Lão Tử hình dung tình trạng của một nước trong cảnh *còn* và *mất* Đạo. Đó là bản cáo trạng, lên án chiến tranh dưới mọi hình thức.

B. *"Họa mạc đại ư bất tri túc"* 禍莫大於不知足

Lòng tham muốn của con người không biết đâu là bờ bến. Với lòng tham muốn vô tận, biết đến đâu mới là đủ.

Kẻ không biết dừng lại (*tri chỉ)*, thì không sao "biết đủ" *(tri túc)*. Trong đời không có cái họa nào lớn bằng cái lòng không biết đủ.

Chính cái lòng không biết đủ ấy *(bất tri túc)* là nguồn gốc của chiến tranh, của tất cả sự tao loạn trên đời… Chiến tranh, dưới mọi hình thức, phải chăng là cái "đại họa" của con người? Cho nên mới nói: *"Họa mạc đại ư bất tri túc"*.

"Cữu mạc đại ư dục đắc" 咎莫大於欲得

Không có cái lỗi nào trọng bằng sự muốn được, tức là muốn thu trữ. Thu trữ, tàng chứa… thì gợi đến lòng tham dục của kẻ khác. Chương 3 có nói: *"Bất kiến khả dục, sử dân tâm bất loạn."* (Không phô điều ham muốn, đó là làm cho lòng dân không loạn.) Thu trữ, tích của quý… là vời họa đến cho mình.

"Tri túc chi túc thường túc" 知足之足常足

Biết đủ trong cái đủ thì luôn luôn được đủ. Cái đủ của ta không thể ai giống ai được. Cái đủ của người này là cái thiếu đối với người kia cũng không chừng. Nhu cầu, địa vị, hoàn cảnh, không ai giống ai cả, thì cái đủ không sao nhất luật được. Nhưng nó phải có một chỗ

dừng. Biết dừng ngay chỗ phải dừng, đó là sáng suốt. Cho nên mới nói: *"Biết đủ trong cái đủ của mình thì luôn luôn đủ"*.



CHƯƠNG 47

1. Bất xuất hộ, tri thiên hạ.
Bất khuy dũ, kiến Thiên Đạo.
Kỳ xuất di viễn, Kỳ tri di thiểu.
不出戶知天下。
不闚牖見天道。
其出彌遠
其知彌少。

2. Thị dĩ Thánh nhơn.
Bất hành nhi tri.
Bất kiến nhi danh, Bất vi nhi thành.
是以聖人。
不行而知。
不見而名
不為而成。

DỊCH NGHĨA

1. Không ra khỏi cửa,
mà biết được việc thiên hạ
Không dòm ngoài cửa,
mà thấy được Đạo Trời.
Càng ra xa,
Càng biết ít.

2. Bởi vậy, Thánh nhơn,
Không đi mà biết,
Không thấy mà hiểu,
Không làm mà nên.

BÌNH CHÚ

A *"Bất xuất hộ, tri thiên hạ*
Bất khuy dũ, kiến thiên Đạo."
不出戶知天下
不闚牖見天道。

Cái học của Lão Tử, là cái học trở vào trong, cái học *"nội quan phản chiếu"*, không phải là cái học "trục vật", đuổi theo ngoại vật. Bởi vậy mới nói: *"Bất xuất hộ, tri thiên hạ"…*

Việc thiên hạ cũng như Đạo Trời, chung quy cũng không ngoài việc riêng của mỗi người của chúng ta. Vấn đề của cá nhân, tức là vấn đề của xã hội, của nhân loại. Giải quyết được vấn đề của cá nhân là giải quyết được vấn đề của xã hội.

"Kỳ xuất di viễn, kỳ tri di thiểu" 其出彌遠，其知彌少

Bởi vậy, càng đi ra khỏi cái Ta chừng nào, càng xa Đạo chừng nấy, cái biết của ta về Đạo cũng càng ít chừng nấy.

So sánh với những câu: *"Vi học nhật ích, vi Đạo nhật tổn. Tổn chi hựu tổn, dĩ chí ư vô vi"*（為學日益，為道日損。損之又損，以至於無為。）của chương 48 sau đây.

Và câu: *"Tri nhơn giả Trí, tự tri giả Minh… Thắng nhơn giả hữu lực, tự thắng giả cường"*（知人者智，自知者明。 勝人者有力，自勝者强）.

B. Bởi vậy, bậc Thánh nhơn, không cần đi ra ngoài mà tự nhiên biết cả; không cần nhìn ngó việc người mà chỉ nhìn ngó việc mình và lòng mình mà hiểu được tất cả; không làm gì cả cho ai thấy mà công việc gì cũng thành tựu.

Đó là nói về cái Đức của vô vi（無爲）.



CHƯƠNG 48

1. Vi học nhật ích, Vi Đạo nhật tổn.
Tổn chi hựu tổn, Dĩ chí ư vô vi.
為學日 益
為道日 損。
損之又損
以至於無為。

2. Vô vi nhi vô bất vi, Thủ thiên hạ thường dĩ vô sự.
Cập kỳ hữu sự bất túc dĩ thủ thiên hạ.
無為而無不為。
取天下常以無事。
及其有事不足以取天下。

DỊCH NGHĨA

1. Theo học, càng ngày càng thêm.
Theo Đạo, càng ngày càng bớt.
Bớt rồi lại bớt,
Đến mức vô vi.

2. Không làm mà không gì là không làm,
Thường dùng "vô vi" thì được thiên hạ,
Bằng dùng "hữu vi" thì không đủ trị thiên hạ.

BÌNH CHÚ

A. *"Vi học nhật ích"* 為學日益

Chữ *"học"* ở đây, ám chỉ cái học trục vật theo nghĩa thường, học những sự hiểu biết về sự vật bên ngoài. Bởi vậy càng học càng tăng thêm những phiền phức rườm rà.

"Vi Đạo nhật tổn" 為道日損

Chữ "Đạo" ở đây là chỉ cái học về nội tâm, cái học "trở về" gốc, lược bỏ những phiền phức của cái học nhị nguyên mà quy về cái Một. Cho nên mới nói: "Theo Đạo, càng ngày càng bớt" và bớt mãi đến nước cuối cùng của nó là vô vi.

"Bớt rồi lại bớt Bớt đến vô vi"

損之又損 以至於無爲。

B. "*Vô vi nhi vô bất vi*" 無爲而無不為

"Không làm", nhưng không có gì là không làm được. Hay nói một cách khác, tuy thấy là không làm, kỳ thật, không có gì không do cái "không làm" ấy làm ra.

"Thủ thiên hạ thường dĩ vô sự
Cập kỳ hữu sự bất túc dĩ thủ thiên hạ."

取天下常以無事 及其有事不足以取天下。

Chữ *"vô sự"* (無事) đồng nghĩa với *"vô vi"* (無爲).

Chữ *"thủ"* (取) có nghĩa là *"trị"* (治).

Chỉ dùng đến *"vô vi"* mới có thể được thiên hạ, bằng dùng đến *"hữu vi"* lấy ý riêng mà can thiệp vào việc kẻ khác sẽ không sao trị được thiên hạ.

Đoạn này rất dễ hiểu.



CHƯƠNG 49

1. Thánh nhơn vô thường tâm.

Dĩ bách tánh chi tâm vi tâm Thiện giả ngô thiện chi Bất thiện giả ngô diệc thiện chi Đắc thiện hĩ.

Tín giả ngô tín chi Bất tín giả ngô diệc tín chi Đắc tín hĩ

聖人無常心
以百姓之心為心
善者吾善之
不善者吾亦善之
得善矣。
信者吾信之
不信者吾亦信之
得信矣。

2. Thánh nhơn tại thiên hạ

Hấp hấp vi thiên hạ hồn kỳ tâm Bách tánh giai chú kỳ nhĩ mục Thánh nhơn giai hài chi.

聖人在天下
歙歙為天下渾其心
百姓皆注其耳目
聖人皆孩之。

DỊCH NGHĨA

1. Lòng của Thánh nhơn

   không phải luôn luôn không thay, Mà lấy cái lòng của trăm họ làm lòng mình.

   Với kẻ lành thì lấy lành mà ở, Với kẻ chẳng lành cũng lấy lành mà ở, Nên được lành vậy.

   Với kẻ thành tín thì lấy thành tín mà ở, Với kẻ không thành tín cũng lấy thành tín mà ở, Nên được thành tín vậy.

2. Thánh nhơn lo cho thiên hạ, Mà không để lòng lộ ra.

   Trăm họ đều chú tai mắt.

   Thánh nhơn xem thảy như con mình.

BÌNH CHÚ

A. *"Thánh nhơn vô thường tâm"* 聖人無常心

Bậc thánh không có cái tâm không thay đổi, nghĩa là cố chấp, mà hòa đồng với cái lòng của mọi người, tức là của nhân dân.*"Vô thường tâm"* (無常心) chiều theo ý muốn, phong tục, sự ưa ghét của dân mà trị.

Đối với kẻ *"thiện"* thì lấy lòng thiện mà ở, nhưng đối với kẻ*"không thiện"* cũng vẫn lấy lòng *"thiện"* mà ở. Ở chương 63, Lão Tử chủ trương *"dĩ đức báo oán"*, cho nên dù là đối với kẻ*"bất thiện"* cũng không nên hất hủi mà gây thù. Chương 79, ông cũng nói: *"Hòa đại oán, tất hữu dư oán"*（和大怨，必有餘怨）.

Huống chi Lão Tử không nhận có thiện, ác, quý, tiện, thị, phi… nên dưới con mắt không trọng ai mà cũng không khinh ai. Cũng đồng với chủ trương *"đại đông bình đẳng"* của nhà Phật.

"Đắc thiện hĩ…

Đắc tín hĩ…"

得善矣

得信矣

Đó là đạt đến chỗ *"chí thiện", "chí tín"* vậy. Bậc *"chí thiện"* không ở thiện với riêng ai; bậc *"chí tín"* không thành tín với riêng ai.

"Bách tánh giai chú kỳ mục Thánh nhơn giai hài chi"

百姓皆注其耳目

聖人皆孩之

B. "Thánh nhơn lo cho tất cả mọi người mà không để lòng lộ ra", nghĩa là "không tỏ ra thiên vị hạng người nào": kẻ "thiện" người "tín" cũng như kẻ "bất thiện" người "bất tín" đều được xem như nhau, vì Đạo không thiên bên nào cả, bên thiện hay bên ác.

Khi người dân thấy rằng Thánh nhơn dường như không trọng người hiền, không khinh kẻ dữ, họ không thể hiểu được lý do, không thể độ nổi hành động, nên để cả tai mắt mà nghe mà nhìn… Thánh nhơn đối với họ, như bà mẹ nhìn con với một tấm lòng ưu ái, nhưng cũng không sao cắt nghĩa được lý do của hành động mình.



CHƯƠNG 50

1. Xuất sanh nhập tử.
出生入死。

2. Sanh chi đồ thập hữu tam Tử chi đồ thập hữu tam.
Nhơn chi sanh.
Động chi tử địa diệc thập hữu tam.
Phù hà cố?
Dĩ kỳ sanh sanh chi hậu.
生之徒十有三
死之徒十有三。
人之生
動之死地亦十有三。
夫何故？
以其生生之厚。

3. Cái văn thiện nhiếp sinh giả.
Lục hành bất ngộ tỷ hổ
Nhập quân bất bị giáp binh.
Tỷ vô sở đầu kỳ giác, Hổ vô sở thố kỳ trảo, Binh vô sở dung kỳ nhẫn.
Phù hà cố?
Dĩ kỳ vô tử địa.
蓋聞善攝生者
陸行不遇兕虎
入軍不被甲兵
兕無所投其角
虎無所措其爪
兵無所容其刃
夫何故？
以其無死地。

DỊCH NGHĨA

1. Ra sống thì vào chết.

2. Đường của sống có mười ba; Đường của chết có mười ba; Cái sống của con người, Đi tới chỗ chết cũng có mười ba.
Cớ sao vậy?
Vì quá lo tận sống cái sống của mình.

3. Ai biết cái Đạo nhiếp sinh, Đi đường không gặp thú dữ.
Vào trận không bị đao thương, Tê không chỗ đâm,
Cọp không chỗ vấu, Đao không chỗ phạm.
Cớ sao vậy?
Tại không có chỗ chết.

BÌNH CHÚ

A. *"Xuất sanh, nhập tử"* 出生入死

Ai cũng biết rằng sống và chết là hai lẽ ăn chịu nhau mật thiết: ra khỏi cõi "sanh" là vào cõi "tử" (chết). Ở đây bàn về sự sống và sự chết. Sống là cái cửa đi vào cõi chết; chết là cái cửa đi vào cõi sống.

Ngày xưa có bảo: "Ai ai cũng mong thoát chết; nhưng không ai biết mong thoát sống". Chủ trương của Lão Tử là không ham sống sợ chết vì chết và sống là sự đối đãi và tiếp tục nhau như ngày đêm không bao giờ hết.

"Đường sống" (Sanh chi đồ) là nói về cái sống của tinh thần, chứ không phải nói về sự sống của cơ thể. Vì vậy, người sau cho Lão Tử là tổ của đạo trường sinh. Đó là một sự hiểu lầm, vì ông không bao giờ chủ trương sự "ham sống, sợ chết". Cả hai đều là Một.

B *"Sanh chi đồ, thập hữu tam* Tử chi đồ, thập hữu tam"

生之徒十有三

死之徒十有三

Chữ "đồ"（徒）ở đây có nghĩa là đường đi（道）, mà cũng là "nguyên nhân".

Nguyên nhân của đạo Sống có 13 điều, nghĩa là có 13 phương tiện để đạt đến đạo Sống: *hư, vô, thanh, tịnh, nhu, nhược, từ, kiệm, bất cảm vi thiên hạ tiên, tri túc, tri chỉ, bất dục đắc, vô vi.* Và trái lại, là đạo Chết.

Theo Hàn Phi Tử thì "thập hữu tam" đây là chỉ về *"tứ chi, cửu khiếu"* của thân mình. Và vì thế mới có bày ra cái Đạo "nhiếp sinh" (dưỡng sinh) và "trường sinh cửu thị" của Đạo gia về sau.

"Dĩ kỳ sanh sanh chi hậu" 以其生生之厚

Lão Tử muốn bảo rằng người đời quá say mê vật dục mà không nghĩ gì đến Đạo.

Chữ "sanh sanh"（生生）có nghĩa là "tìm cách mà tận sống cái sống đầy tham dục của mình". Tại sao tìm hạnh phúc lại gặp tai họa? Là người ta chỉ lo tìm những cách để thỏa mãn dục vọng của mình, và không hay rằng càng hăng hái tìm cách để sống như thế, là họ đi vào cõi chết. Hay nói một cách khác: họ sở dĩ đi vào con đường chết là vì họ quá "ham sống" và "tận sống" cái sống của tham dục.

Người xưa có nói: "Ba ba thuồng luồng chê đáy biển chưa được sâu, đào thêm hang mà ẩn; kên kên phụng hoàng chê núi còn thấp, làm ổ trên tột non cao… Lưới không bắt được chúng, tên không bắn tới chúng, thế mà vì miếng mồi, chúng tòi lên mặt đất, xuống dưới đồng bằng mà bị bắt".

"Cái văn thiện nhiếp sinh giả"… 蓋聞善攝生者

Kẻ sành cái thuật nhiếp sinh, là kẻ biết gìn giữ 13 điều kiện hay nguyên nhân của đạo Sanh nói trên, tức là kẻ biết giữ Đạo, thì dù gặp thú dữ, đao thương, cũng không sao chết được. "Chết" đây, không phải muốn ám chỉ về cái chết của xác thân mà muốn ám chỉ đến cái chết của tinh thần đã xa lìa với Đạo. Cũng là chỗ mà Lão Tử bảo *"tử nhi bất vong giả thọ"*. Người đã sống được với bản tính của mình đồng với bản thể của Đạo, thì làm sao "chết" đặng, vì họ đã sống được trong cái "không thể chết".

Huống chi sự khang kiện vật chất cũng do tâm trạng tinh thần mà ra. "Một thân thể không đau, một tinh thần không loạn. Đó là chân hạnh phúc của con người".

Nội Kinh cũng có nói:

"Điềm đạm hư vô
Chân khí tùng chi
Tinh thần nội thủ
Bịnh an tùng lai"

恬淡虛無
真氣從之
精身内守
病安從來

Biết gìn giữ tinh thần, đừng bị trác táng vì loay quay theo những vấn đề thị phi, thiện ác, vinh nhục, tồn vong thì làm gì có bệnh, làm gì phải thương sanh, chết trước thời kỳ ký định của Tạo hóa. Đạo nhiếp sinh của Lão Tử là chỗ đó: hành cái Đạo vô vi, tức là hành cái Đạo "hư vô điềm đạm".

Tóm lại: Sở dĩ có một thân thể không đau, là vì đã có một tinh thần không loạn. Và chỉ có vô vi mới có thể mưu cho ta một tinh thần không loạn, đứng trên và đứng ngoài cái vòng lẩn quẩn của thị phi, vinh nhục…



CHƯƠNG 51

1. Đạo sanh chi, Đức súc chi.
Vật hình chi, Thế thành chi.
Thị dĩ vạn vật mạc bất tôn Đạo nhi quý Đức.
道生之
德畜之。
物形之
勢成之。
是以萬物莫不尊道而貴德。

2. Đạo chi tôn, Đức chi quý.
Phù mạc chi mạng nhi thường tự nhiên.
道之尊
德之貴
夫莫之命而常自然。

3. Cố
Đạo sanh chi Đức súc chi Trưởng chi dục chi.
Đình chi độc chi Dưỡng chi phúc chi Sanh nhi bất hữu. (*)
Vi nhi bất thị, Trưởng nhi bất tể.
Thị vị Huyền Đức.
故 道生之 德畜之。 長之育之 亭之毒之 養之覆之
生而不有。 為而不恃 長而不宰 是謂玄德。

DỊCH NGHĨA

1. Đạo sanh đó,
   Đức nuôi đó,
   Chủng loại tạo hình đó, Hoàn cảnh liễu kết đó, Vậy nên,
   Muôn vật tôn Đạo, quý Đức.

2. Đâu phải tôn Đạo, quý Đức Là một phận sự bắt buộc, Mà là một chiều hướng tự nhiên.

3. Thế nên,
   Đạo sanh đó,
   Đức nuôi đó,
   Cấp dưỡng đó, nuôi nấng đó, Đùm bọc đó, bồi sức đó, Dưỡng nuôi đó, chở che đó, Sanh mà không chiếm làm của mình.
   Làm mà không cậy công.
   Là bậc trên, mà không làm chủ, Đó gọi là Huyền Đức.

BÌNH CHÚ

Đây bàn về hai chữ *Huyền Đức* (玄德), tức là cái Đức huyền vi của Đạo (xem lại chương 10). Đạo và Đức có công sanh và thành vạn vật, nhưng không vì "sanh mà chiếm làm cho riêng của mình", không vì "gia ân" mà cậy công, không vì là kẻ bề trên áp bức người dưới phải nghe theo mình.

Đức của người không hiểu Đạo không như vậy: họ làm và kể công chứ không phải "làm để mà làm" thôi; họ ích kỷ, hay chiếm đoạt làm của riêng; họ làm bậc trên thì ưa áp bức, kẻ nào không nghe họ, là nghịch với họ.

Cho nên Đức Huyền của Đạo, là ở chỗ "vô vi nhi vô bất vi", không khác nào ánh sáng thái dương sanh dưỡng vạn vật mà không dè mình sanh dưỡng, vạn vật thọ hưởng sinh khí mà sống, nhưng không hay là mình bị thọ ân.

Chữ 玄德 bản cổ chép là元德. Hai chữ ấy, ngày xưa dùng lẫn nhau.



CHƯƠNG 52

1. Thiên hạ hữu thỉ
Dĩ vi thiên hạ mẫu.
Ký đắc kỳ mẫu Dĩ tri kỳ tử.
Ký tri kỳ tử, Phục thủ kỳ mẫu. Một thân bất đãi.
天下有始
以爲天下母
既得其母
以知其子
既知其子
復守其母
沒身不殆。

2. Tắc kỳ đoài, Bế kỳ môn.
Chung thân bất cần.
Khai kỳ đoài, Tế kỳ sự.
Chung thân bất cứu.
塞其兌
閉其門
終身不勤
開其兌
濟其事
終身不救。

3. Kiến tiểu viết Minh.
Thủ nhu viết Cường.
Dụng kỳ quang, Phục quy kỳ minh.
Vô di thân ương, Thị vi tập thường.
見小曰明
守柔曰强
用其光
復歸其明
無遺身殃
是爲習常。

DỊCH NGHĨA

1. Thiên hạ có nguồn gốc, Dùng làm Mẹ của thiên hạ, Hễ giữ được Mẹ,
   Thì biết được Con, Đã biết được Con, Trở về giữ Mẹ.
   Thân đến chết không nguy.

2. Ngậm miệng lại, Lấp mắt tai, Suốt đời không lao nhọc, Mở miệng ra, Bao biện việc,
   Suốt đời không cứu được.

3. Thấy được chỗ tế vi, là sáng, Giữ được mềm yếu, là mạnh.
   Dùng cái sáng của Đạo, Trở về cõi sáng của mình.
   Thân không sợ tai ương.
   Đó gọi là sáng gấp hai.

BÌNH CHÚ

A. *"Thiên hạ hữu thỉ*
Dĩ vi thiên hạ mẫu"
天下有始
以爲天下母

Đây là lặp lại ý nghĩa câu: *"Vô danh, thiên địa chi thỉ; hữu danh, vạn vật chi mẫu"* (không tên, là gốc của Trời Đất; có tên, là Mẹ của vạn vật) của chương 1（無名天地 之始，有名萬物之母）.

Đạo, là *"vô danh"* 無名, còn *"hữu danh"* là Mẹ của vạn vật, tức là nguồn gốc sinh ra hình chất vạn vật. Vô danh là cái thể, hữu danh là cái *tướng* của vạn vật. Biết được cái này là biết được cái kia.

Kẻ nào nắm giữ được Đạo (vô danh) cũng biết luôn cả cái hữu danh của Đạo (Mẹ). Biết được Mẹ, tất cũng biết được Con (ám chỉ vạn vật). Nhưng không nên theo đuổi theo Con, tức là chạy mãi theo cái học trục vật, đến quên trở về nguồn gốc, nên mới nói: *"Ký tri kỳ tử, phục thủ kỳ mẫu"* (Đã biết được Con, phải trở về với Mẹ). Được thế thì dù đến ngày chết, thân cũng không nguy vì đã không ly khai với Đạo. *"Một thân bất đãi"*沒身不殆. Cái nguy của người nay (đời Lão Tử) là quá lo nghĩ đến Con mà quên Mẹ (Đạo).

B. *"Tắc kỳ đoài,*
Bế kỳ môn
Chung thân bất cần."
塞其兌
閉其門
終身不勤

Có kẻ cho đây là phương pháp luyện khí của Đạo dưỡng sinh.

"Đoài" 兌 là ám chỉ *miệng*.

"Môn" 門 là ám chỉ các lỗ hổng như mũi, mắt, tai… Ngậm miệng lại, và ngưng hơi thở, nhắm mắt, bịt tai…

thu cả tâm thần vào trong, đừng để bị xao lãng vì ngoại vật. Đó là một trong những phương pháp tĩnh tọa của Đạo gia theo phái trường sinh cửu thị. Ở đây, ta lại cũng có thể hiểu một cách khác, một cách thông thường và triết học hơn. Ngậm miệng*(tắc kỳ đoài)* là ít nói *(hy ngôn tự nhiên)*; *"bế kỳ môn"* là đừng để ý dòm ngó, lóng

nghe những thị phi bên ngoài, những cái đó làm động tâm lo nghĩ. *"Chung thân bất cần"* là suốt đời sẽ không lao nhọc mà thương sinh (xem lại chương 56).

Trái lại, nếu "mở miệng ra" (nói nhiều), lại lo nghĩ bao biện mọi việc (mà không lo trở về với Đạo) thì suốt đời không thể cứu được. *"Tế kỳ sự"* là làm tăng thị hiếu và dục vọng bằng cách mở cửa cho các giác quan sẽ lôi cuốn con người theo thú vui của ngoại vật.

C.*"Kiến tiểu viết Minh* Thủ nhu viết Cường".

見小曰明

守柔曰强

"Thấy được cái nhỏ" tức là kẻ nào nhận thức được những chỗ tế nhị trong các sự vật, đó gọi là sáng（明）.

Kẻ nào biết dùng nhu mà xử sự, đó gọi là mạnh（强）.

Người đó biết dùng ánh sáng của Đạo (dụng kỳ quang 用其光) để nhận xét những tế nhị trong sự vật, để đừng bị lôi cuốn theo đó, và trở về với cái sáng của mình (phục quy kỳ minh 復歸其明). Nhận thấy đặng chân tướng của sự vật, khiến ta trở về được với cái chân thể của ta. Như thế là ta tránh được sự vời họa ương cho thân mình vậy (vô di thân ương 無遺身殃).

Chữ *tập* 習có bản viết là 襲: hai chữ này xưa vẫn dùng lẫn nhau.

襲常 đồng một nghĩa với 襲明 nghĩa là *sáng gấp đôi*, ở chương 27.

Chữ *tập* có nghĩa là trùng重 (bằng hai); chữ *thường* 常

có nghĩa là sáng 明, do Đạo mà ra.

Các nhà chú giải phần nhiều giải thích đoạn này khác nhau.

Có kẻ cho rằng *"tập thường"* là *"tập tu thường Đạo"* 習 修常道, nghĩa là tu tập Đạo Thường.

Nhưng theo thiển ý, nếu *tập thường* dịch là "sáng gấp đôi" thì đoạn văn sẽ được nhất khí hơn.

(Xem lại chương 55: 知常曰明 Tri thường viết Minh).



CHƯƠNG 53

1. Sử ngã giới nhiên hữu tri, Hành ư đại Đạo.
Duy thi thị úy.
Đại Đạo thậm di, Nhi dân hiếu kính, 使我介然有知
行於大道
唯施是畏。
大道甚夷
而民好徑。

2. Triều thậm trừ, Điền thậm vu.
Thương thậm hư.
朝甚除
田甚蕪
倉甚虛。

3. Phục văn thái.
Đới lợi kiếm.
Yếm ẩm thực, Tài hóa hữu dư.
Thị vị đạo khoa, Phi Đạo dã tai?
服文綵
帶利劍
厭飲食
財貨有餘
是謂盜夸
非道也哉。

DỊCH NGHĨA

1. Nếu ta hiểu biết kha khá.
   Ta đi theo đường Đạo lớn.
   Chỉ sợ làm mà sai thôi!
   Đạo lớn thì rộng và trơn tru, Dân lại thích đường hẹp và quanh co.

2. Triều đình lộng lẫy thật, Mà ruộng nương đầy cỏ hoang, Còn kho đụn thì trống trơn.

3. Áo quần sang trọng thật, Đeo kiếm bén.
   Ăn uống chan,
   Của cải thừa…
   Nhưng đó là đường của đạo tặc（盜賊）
   Đâu phải đường của đại Đạo（大道）

BÌNH CHÚ

A *"Sử ngã giới nhiên hữu tri"*
Hành ư đại Đạo Duy thi thị úy."
使我介然有知
行於大道
唯施是畏

Chữ *"giới nhiên"* 介然 có nhiều nhà chú giải là *"chút ít"*, *"mỏng manh"*, nhưng có nhà lại cho là *"lớn"* 大. Theo sở kiến thì *"giới nhiên"* ở đây có nghĩa là *"kha khá"*, *"khá nhiều"*.

Nếu ta có một sự hiểu biết khá nhiều về thuật trị nước, ta sẽ noi theo con đường của Đạo (con đường vô vi nhi trị). Ta chỉ e sợ là phải đi sai với Đạo vì hay can thiệp vào việc người. Chữ "thi" 施 là 施為 (thi vi) nghĩa là "làm", tức là hữu vi. Ta muốn thưởng công người đạo hạnh, nhưng chỉ sợ trong nhân dân lại sanh ra sự tranh giành, rồi lại biến ra đạo hạnh giả. Ta muốn tín cẩn những người trung tín, nhưng rồi lại e biến sanh ra hạng trung tín giả. Vì vậy *"ngô bất cảm vi"*(*) 吾不敢為, và cũng vì vậy mà Lão Tử đã khuyên bậc trị nước: *"bất thượng hiền, sử dân bất tranh"* 不尚賢使民不爭 (Chương 3).

Chữ *"thi"* 施 cũng có chỗ giải là "làm lớn ra" 張大. Hiểu vậy, cũng không sai với ý chánh: ta muốn tôn người hiền, thì lại sợ rằng nhân đó mà lòng ganh đua lại *"bành trướng"* lên, gian ngụy lại nổi lên.

Lối giáo dục mạng danh là giáo dục mới (éducation nouvelle) ngày nay của Tây phương cũng chủ trương như thế; họ tránh sự cho điểm và sắp hạng, là để tránh lòng ganh tỵ có thể sanh ra giữa các học sinh.

"Đại Đạo thậm di Nhi dân hiếu kính"
大道甚夷
而民好徑

Con đường của Đạo thì trơn tru rộng lớn lắm, thế mà chúng nhân thì lại thích đi những con đường nhỏ hẹp quanh co: lòng người dễ bị lạc lõng và sa đọa. Vì vậy, ảnh hưởng của giáo dục không đến được tâm và càng ngày càng mất hiệu quả, trái lại gian trá, tàn ác càng ngày càng thêm, và pháp lệnh càng ngày càng khắc nghiệt bạo tàn.

Tóm lại, 5 câu trên đây, đại ý muốn bảo rằng: chúng dân càng ngày càng thích đi quanh về tắt mà không chịu đi con đường thẳng thắn quang minh là tại sao? Tại người trên dùng cái đạo hữu vi: "duy thi thị úy"（唯施是畏）.

B *"Triều thậm trừ*
Điền thậm vu
Thương thậm hư."
朝甚除
田甚蕪
倉甚虛

Chữ *"trừ"* 除 có nghĩa là sạch sẽ tốt đẹp.

Nếu lâu đài ở chốn triều đình mà lộng lẫy, huy hoàng là nhờ người ta đã *"tổn bất túc, bổ hữu dư"*, lấy chỗ thiếu của dân mà thêm vào chỗ có dư của bậc giàu sang ở triều đình. Cho nên mới nói rằng: "ruộng nương đầy cỏ hoang", "kho đụn trống bộc" không còn một hột thóc.

"Phục văn thái Đái lợi kiếm
Yếm ẩm thực
Tài hóa hữu dư
Thị vị đạo khoa Phi Đạo dã tai."
服文綵
帶利劍
厭飲食
財貨有餘
是謂盜夸
非道也哉

Các vua chúa thì có dư, mà chúng dân thì thiếu thốn, đó là kết quả của cái đạo trị nước của người bấy giờ (thời Chiến quốc). Bởi vậy, họ mặc áo quần sang trọng thật, đeo gươm bén, ăn uống chán, của cải thừa…

Nhưng, đó là "cướp trộm của kẻ khác để mà khoe khoang hãnh diện" 盜誇. Cho nên gọi là *"đạo khoa"* 盜 夸. Chữ *"đạo"* 盜 đây là *"đạo tặc"* 盜賊, nghĩa là "trộm cướp", chứ đâu phải là Đạo lớn 大道, nghĩa là *"tổn hữu dư, bổ bất túc"*損有餘，補不足.



CHƯƠNG 54

1. Thiện kiến giả bất bạt, Thiện bão giả bất thoát.
Tử tôn dĩ tế tự bất chuyết.
善建者不拔
善抱者不脫
子孫以祭祀不輟。

2. Tu chi ư thân, Kỳ đức nãi chân.
Tu chi ư gia, Kỳ đức nãi dư.
Tu chi ư hương, Kỳ đức nãi trường.
Tu chi ư quốc, Kỳ đức nãi phong.
Tu chi ư thiên hạ, Kỳ đức nãi phổ.
修之於身
其德乃眞
修之於家
其德乃餘
修之於鄉
其德乃長
修之於國
其德乃豊
修之於天下
其德乃普。

3. Cố,
Dĩ thân quan thân, Dĩ gia quan gia, Dĩ hương quan hương, Dĩ quốc quan quốc, Dĩ thiên hạ quan thiên hạ.
故
以身觀身
以家觀家
以鄉觀鄉
以鄕觀鄕
以天下觀天下。

4. Ngô hà dĩ tri thiên hạ nhiên tai?
Dĩ thử.

吾何以知天下然哉?
以此。

DỊCH NGHĨA

1. Cắm thật chặt, thì không nhổ lên được.
Ôm thật chặt, thì không sút ra được.
Con cháu tế tự không dứt.

2. Nếu lấy Đạo mà tu thân, Thì Đức ấy chân thành.
Nếu lấy Đạo mà lo việc nhà, Thì Đức ấy có dư.
Nếu lấy Đạo mà lo cho làng xóm, Thì Đức ấy mới dài,
Nếu lấy Đạo mà lo cho nước, Thì Đức ấy mới thịnh.
Nếu lấy Đạo mà lo cho thiên hạ, Thì Đức ấy mới rộng.

3. Nên chi,
Lấy thân mà xét thân, Lấy nhà mà xét nhà;
Lấy làng mà xét làng; Lấy nước mà xét nước; Lấy thiên hạ mà xét thiên hạ

4. Ta làm sao biết được việc thiên hạ như thế?
Thì lấy chỗ đó.

BÌNH CHÚ

A. *“Thiện kiến giả bất bạt* Thiện bão giả bất thoát Tử tôn dĩ tế tự bất chuyết”

善建者不拔

善抱者不脫

子孫以祭祀不輟

“Thiện kiến” 善建 là lập một cơ sở, một nền tảng vững vàng. Trồng một cái cây ở ngoài đồng, có ngày nó cũng bị gió lốc mà trốc ngã; cầm một vật trong tay, cũng có khi ta đánh rơi được. Nếu ta cắm cho sâu, xây một cái nền thật vững thì cũng khó mà nhổ lên được. Nếu ta ôm chặt với hai cánh tay vào lòng thì cũng khó mà rớt ra ngoài được. Hai thí dụ trên đây muốn ám chỉ kẻ biết lập Đức vững vàng nơi Đạo và mãi ôm ấp nó nơi lòng, thì kẻ ấy sẽ được “trường tồn”.

“Tử tôn dĩ tế tự bất chuyết” 子孫以祭祀不輟 là ám chỉ sự miên miên trường tồn của mình nơi sự tế tự của con cháu. Đây chỉ là một cái nghĩa bóng thôi.

B. Mười câu của đoạn này bàn đến việc lấy Đạo làm gốc để mà tu, thì mọi việc đều hay cả, từ tu thân, tề gia đến trị quốc và bình thiên hạ.

C. *“Dĩ thân quan thân…*

Dĩ thiên hạ quan thiên hạ”

以身觀身…

以天下觀天下

Năm câu của đoạn trên đây đều bao gồm trong một ý chánh này: lấy việc mình và những việc xảy ra quan hệ đến mình để xét việc khác tương tợ cũng có thể hiểu biết được việc người. Đại để việc mình ưa ghét thì người ta ai ai cũng ưa ghét như thế. Mình muốn tự do thì kẻ khác cũng muốn tự do. Muốn được tự do cho mình mà gây sự mất tự do của kẻ khác là không nên.

Bởi vậy, nếu hỏi: “Ta làm sao mà biết được việc thiên hạ như thế?”. Thì là nhờ căn cứ vào đó, tức là Đạo vậy.



CHƯƠNG 55

1. Hàm đức chi hậu, Tỷ ư xích tử.
Độc trùng bất thích, Mãnh thú bất cứ.
Quắc điểu bất bác.
含德之厚
比於赤子
毒蟲不螫
猛獸不據
攫鳥不搏

2. Cốt nhược cân nhu nhi ác cố, Vị tri tẫn mẫu chi hợp nhi toàn tác.
Tinh chi chí dã.
Chung nhật hào nhi bất sá.
Hòa chi chí dã.
Tri hòa viết Thường Tri Thường viết Minh Ích sanh viết Tường.
Tâm sử khí viết Cường.
骨弱筋柔而握固
未知牝牡之合而全作
精之至也。
終日 號而不嗄
和之至也
知和曰常
知常曰明
益生曰祥
心使氣曰强。

3. Vật tráng tắc lão.
Vị chi bất Đạo.
Bất Đạo tảo dĩ.
物壯則老
謂之不道
不道早已。

DỊCH NGHĨA

1. Kẻ mà Đức dầy,
Giống như con đỏ, Độc trùng không cắn Thú dữ không ăn.
Ác điểu không xớt.

2. Xương yếu, gân mềm, Tay nắm cứng khư.
Chưa biết giao hợp.
Tinh khí có dư.
Suốt ngày hét vang, Mà tiếng không khan, Hòa hợp hoàn toàn.
Biết hòa gọi là Thường Biết Thường gọi là Minh Quá ham sống, thì hại.
Tâm sai khí, thì mạnh.

3. Vật mạnh lớn thì già.
Đó là nghịch Đạo.
Nghịch Đạo chết sớm.

BÌNH CHÚ

A. *"Hàm đức chi hậu* Tỷ ư xích tử."

含德之厚

比於赤子

"Xích tử" 赤子 là đứa trẻ mới sinh.

"Hàm đức" 含德 là ngậm Đức, tức là nhuần thấm Đức. Lão Tử ví kẻ đã nhuần thấm Đạo, giống cái Đức của đứa trẻ mới sinh. "Xích tử" đây là ám chỉ *"xích tử chi tâm"* 赤 子之心, cái tâm của đứa "con đỏ".

Những câu như "độc trùng không cắn…" v.v… là nói bóng. Đứa trẻ mới sinh không dục vọng, bình thản đối với ngoại vật. Ngoại vật tuy có, nhưng không động được tâm, nên không làm thương sinh. Vì vậy mà bảo: "độc trùng không cắn… thú dữ không ăn… ác điểu không xớt", nghĩa là ngoại vật không làm hại được.

B. *"Cốt nhược cân nhu nhi ác cố*

Vị tri tẫn mẫu chi hợp nhi toàn tác Tinh chi chí dã."

骨弱筋柔而握固

未知牝牡之合而全作

精之至也。

"Xương yếu, gân mềm" đó là tả sự nhu nhược, nhưng hễ vớ nắm vật gì thì lại nắm cứng không buông, đó là tả sự không bị xao lãng vì các ngoại vật khác.

"Chưa biết giao hợp" âm dương vợ chồng nên âm khí đầy đủ（全作）, tinh khí có dư, chưa bị ngoại vật làm dao động.

"Chung nhật hào nhi bất sá" 終日 號而不嗄

Suốt ngày la hét mà tiếng không khan. Tuy gào hét, nhưng không phải vì bị ngoại vật xúc động đến tâm, cho nên thần khí không vì đó mà bị thương tổn. Theo y học Đông phương thì tâm mà bị thất tình xúc động thì sinh lực bị thương tổn. Cho nên vì hỉ, nộ, ai, cụ, ái, ố, dục mà la thì tiếng phải khan. Đứa trẻ sơ sinh la hét suốt ngày mà giọng không khan, người ta biết là vì tâm nó không dao động, nên sinh lực nó bình hòa. Người mà giữ được cái tâm bất động bên trong, không bị ngoại vật làm náo động là kẻ đã giữ được sự *điều hòa*（和）*giữa nội tâm và ngoại giới"* (bất dĩ ngoại vật động kỳ

tâm 不以外物動其 心). Nên mới nói: *"Biết hòa gọi là Thường"* 知和曰常.

"Thường" 常 là *"thường tâm,* cái tâm không thay đổi, không bị dao động.

"*Tri Thường viết Minh"* 知常曰明

Ý này đã được bàn qua ở chương 16. Việc đời không gì là không biến đổi, chỉ có Đạo là "bất thiên bất biến" thôi; kẻ nào giữ được Đạo thì mới được cái tâm "thường", nghĩa là yên tĩnh. Tâm mà yên, thì Thần vững; Thần mà vững thì Tinh đầy. *Đó là không bàn đến Đạo dưỡng sinh mà thực ra là Đạo dưỡng sinh.*

"Tri Thường" 知常, là biết cái thuật giữ được *"thường tâm"* nghĩa là không bị ngoại vật sai sử: *"bất khả đắc nhi thân, bất khả đắc nhi sơ, bất khả đắc nhi lợi, bất khả đắc nhi hại, bất khả đắc nhi quý, bất khả đắc nhi tiện…"* (chương 56).

Đó là người sáng 明 (minh).

"Ích sanh viết Tường" 益生曰祥.Chữ *"tường"* 祥 đây là giả tá 假借 của chữ "tường" có nghĩa là họa hại.

"Ích sanh" 益生 là làm tăng cái sống. *"Tăng"* cái sống, là không biết "tri túc", tham lam, chạy theo sự thỏa thích dục vọng càng ngày càng tăng, đó là vời họa đến cho mình, khó mà sống lâu được.

"Tâm sử khí viết cường" 心使氣曰强.Khi tâm mình không định mà bị dao động, thì tâm khiến khí phải động theo mà phí hủy. Thấy khí phát lộ hung hăng mạnh mẽ, đó gọi là "Cường" (mạnh). Nhưng mạnh thì gẫy, thì chết, vì *"vật tráng tắc lão"* 物壯則老.

C. Vật mạnh lớn thì già, già thì suy nhược và đi lần đến cái chết.

Đừng để cho mình bị yếu mòn và đi lần đến chỗ chết, vì như thế là làm nghịch với Đạo.

Nghịch với Đạo thì chết sớm 不道早已 (bất Đạo tảo dĩ). Trở lên là bàn đến cái Đạo tu dưỡng.



CHƯƠNG 56

1. Tri giả bất ngôn, Ngôn giả bất tri.
知者不言
言者不知。

2. Tắc kỳ đoài, bế kỳ môn, Tỏa kỳ nhuệ, giải kỳ phân, Hòa kỳ quang, đồng kỳ trần.
Thị vị Huyền đồng.
塞其兌，閉其門
挫其銳，解其紛
和其光，同其塵
是謂玄同。

3. Cố,
Bất khả đắc nhi thân, Bất khả đắc nhi sơ, Bất khả đắc nhi lợi, Bất khả đắc nhi hại, Bất khả đắc nhi quý, Bất khả đắc nhi tiện.
Cố,
Vi thiên hạ quý.
故
不可得而親
不可得而疏
不可得而利
不可得而害
不可得而貴
不可得而賤
故
爲天下貴。

DỊCH NGHĨA

1. Biết, thì không nói, Nói, là không biết.

2. Thường ngậm miệng, Bít mắt tai, Nhụt bén nhọn, Bỏ chia phân.

   Hòa ánh sáng, Đồng bụi bặm, Ấy gọi là Huyền đồng

3. Thế nên,

   Không thể lấy chỗ thân mà được.

   Không thể lấy chỗ sơ mà được, Không thể lấy chỗ lợi mà được, Không thể lấy chỗ hại mà được, Không thể lấy chỗ quý mà được, Không thể lấy chỗ tiện mà được, Vì vậy,

   Dưới trời không gì quý hơn.

BÌNH CHÚ

A. Chương nhứt có nói: *"Đạo khả đạo, phi thường Đạo"* 道可道非常道. Đạo không thể nói lên được, cho nên: *"Tri giả bất ngôn, ngôn giả bất tri"* 知者不言,言者不知, kẻ nào biết Đạo thì lặng lẽ, làm thinh, trái lại, kẻ bép xép giảng giải dài dòng là người không biết Đạo.

B. "*Tắc kỳ đoài* Bế kỳ môn"

塞其兌

閉其門

"Đoài" 兌 ở đây là chỉ cái miệng. *"Tắc kỳ Đoài"* là giữ mình trong tĩnh mịch và lặng lẽ, không ham nói. *"Bế kỳ môn"*, chữ môn ở đây chỉ về tai và mắt. *"Bế kỳ môn"* là thu sự nghe thấy bên ngoài vào bên trong, việc ngoài gác một bên để mà lóng nghe nhìn thấy cái thực tại bên trong của mình.

"Tỏa kỳ nhuệ

Giải kỳ phân

Hòa kỳ quang

Đồng kỳ trần"

挫其銳

解其紛

和其光

同其塵

Bốn câu này đã nói rồi ở chương 4.

"Tỏa kỳ nhuệ" ở đây có nghĩa là "làm nhụt sự bén nhọn", tức là kẻ biết Đạo không bao giờ làm cho kẻ khác thấy được chỗ sắc sảo nhọn bén của mình, trái lại làm cho nhụt bớt đi, giấu sự thông minh có cạnh góc của mình đi, vì như thế chỉ làm hại cho mình, chứ không có lợi gì cả.

"Giải kỳ phân" 解其紛

Chữ *"phân"* ở đây có nghĩa là sự "phân chia" của óc nhị nguyên, chia lìa cái "Một" của vạn sự vạn vật. *"Giải"* là giải thoát, giải phóng cái óc phân chia sự vật ấy.

"Hòa kỳ quang" 和其光

Tức là đem cái sáng của mình hòa với cái sáng của người, không tự tôn tự đại đem cái sáng của mình mà che lấp cái sáng của kẻ khác. Thói thường hay đem cái sáng của mình để lòe người, để lấn áp kẻ

khác và phân biệt mình và người. Bậc hiểu Đạo, cho rằng tất cả những cái sáng của mọi người cùng đồng một yếng sáng chung mà ra cả.

"Đồng kỳ trần" 同其塵

"Trần" là bụi bặm, ám chỉ cái tầm thường của con người.

Kẻ biết Đạo, chẳng những đem cái sáng của mình "hòa đồng" với cái sáng của mọi người, mà cũng đem cái "bụi bặm" của người "hòa đồng" với cái "bụi bặm của mình".

Bậc đạt Đạo không tách phân mình với đời.

Đó là cái đức *"Huyền đồng"* 玄同 (thị vị Huyền đồng).

"Huyền đồng" 玄同 là đồng với Đạo Huyền. Huyền có nghĩa là "đen tối", ám chỉ sự không thể nhận thấy chỗ chia lìa, mà tất cả đều xem là "Một".

C *"Bất khả đắc nhi thân…*

Bất khả đắc nhi tiện"

不可得而親。。。

不可得而賤

Sáu câu này muốn nói rằng: người đạt Đạo không thể lấy sự "thân", sự "lợi", sự "quý" mà dỗ, cũng không thể lấy sự "sơ", "sự hại", sự "tiện" mà dọa… Tức là người đã điềm đạm chí cực không còn một thế lực ngoại giới nào làm chuyển động tâm hồn được nữa.

Cho nên dưới trời chưa có gì quý bằng hạng người đó.



CHƯƠNG 57

1. Dĩ chính trị quốc, Dĩ kỳ dụng binh, Dĩ vô sự thủ thiên hạ.

以正治國 以奇用兵 以無事取天下
B Ngô hà dĩ tri kỳ nhiên tai?
Dĩ thử: Thiên hạ đa kỵ húy, Nhi dân di bần.
Dân đa lợi khí, Quốc gia tư hôn.
Nhơn đa kỹ xảo, Kỳ vật tư khởi.
Pháp lệnh tư chương, Đạo tặc đa hữu.
吾何以知其然哉？
以此:
天下多忌諱
而民彌貧
民多利器
國家滋昏
人多伎巧
奇物滋起
法令滋彰
盜賊多有。

2. Cố,
Thánh nhơn vân: Ngã vô vi nhi dân tự hóa.
Ngã hiếu tịnh nhi dân tự chính.
Ngã vô sự nhi dân tự phú.
Ngã vô dục nhi dân tự phác.
故
聖人云:
我無爲而民自化
我好靜而民自正，
我無事而民自富，
我無欲而民自樸。

DỊCH NGHĨA

1. Lấy ngay thẳng mà trị nước.
   Lấy trá ngụy mà dụng binh.
   Lấy "vô sự" mà được thiên hạ.

2. Ta làm sao biết được?
   Thì đây:
   Thiên hạ nhiều kiêng kỵ, Thì dân chúng càng nghèo.
   Nhân dân nhiều lợi khí, Nước nhà càng tối tăm.
   Người người nhiều tài khéo, Vật lạ càng nẩy sinh.
   Pháp lệnh càng rõ rệt, Trộm cướp càng sinh nhiều.

3. Vậy, bậc Thánh nhơn mới bảo; Ta "vô vi" mà dân tự hóa, Ta ưa tịnh mà dân tự chính, Ta "vô sự" mà dân tự giàu, Ta không dục vọng mà dân trở thành chất phác.

BÌNH CHÚ

A. Trị nước, cần phải lấy sự ngay thẳng thực thà mà trị.

Trái lại, nếu trị nước mà làm như dụng binh, dùng trá ngụy mà trị, thì nguy. *"Dĩ trí trị quốc, quốc chi tặc"* (chương 65).

Cho nên, bậc Thánh nhơn trị nước, dùng "vô vi", "vô sự" mà được thiên hạ.

"Vô sự" 無事 là không tạo thêm việc, không bao biện, không đa sự.

Chữ奇 (kỳ) ở đây có nghĩa là mưu mô, dối trá（詐）. Dụng binh thì phải dùng đến "trá ngụy", điều mà bậc đạt Đạo không dùng. Vì vậy, Lão Tử chống đối việc chiến tranh dưới mọi hình thức.

B. *"Thiên hạ đa kỵ húy*
Nhi dân di bần"
天下多忌諱
而民彌貧

"Thiên hạ" 天下, ở đây lại có nghĩa là bậc trị nước （人主）.

"Kỵ húy" 忌諱 là những pháp lệnh cấm đoán. *Kỵ* 忌 là chỉ những sự cấm đoán về hành động, *húy* 諱, chỉ những cấm đoán về ăn nói hay viết ra, tức là về ngôn ngữ tự do, đối với bất cứ việc gì.

Bậc trị nước mà ban hành nhiều điều *"kỵ", "húy"* thì dân chúng càng nghèo khổ, bởi thiếu tự do hành động và ngôn ngữ.

"Dân đa lợi khí
Quốc gia tư hôn"
民多利器
國家滋昏

"Lợi khí" 利器 ở đây có nghĩa là *"quyền mưu"* 權謀,là mưu kế gian quyệt.

Dân chúng mà có nhiều mưu kế xảo quyệt để trục lợi, thì nước nhà phải sa vào cảnh hỗn loạn tăm tối. Người dân cần thực thà, ít dục vọng, thì nước mới dễ trị.

"Nhơn đa kỹ xảo
Kỳ vật tư khởi"
人多伎巧
奇物滋起

Chữ *"nhơn"* 人 đây, có bản chép là *"dân"* 民. Dân sẽ thuần phác tự nhiên, nếu không đua khôn đua khéo. Khi mà dân chúng đua nhau tranh khôn tranh khéo, thì mới có tạo thêm ra nhiều món lạ lùng và vô ích, xúi giục lòng dân tranh nhau đi đến xa hoa và hỗn loạn.

"Pháp lệnh tư chương
Đạo tặc đa hữu"
法令滋彰
盜賊多有

Lúc thái bình, pháp lệnh rất ít; chỉ khi nào nước nhà ly loạn, pháp lệnh ban nhiều. Nếu bậc trị nước lại quá khắt khe và đem pháp lệnh mới bủa giăng trên đầu dân để đề phòng chúng, thì chúng dân cũng tìm đủ mánh khóe thủ đoạn để trốn tránh, gây ra mưu mô gian trá càng ngày càng thêm: dân càng khó trị mà bọn đạo tặc lại càng nhiều. Người xưa cũng có nói: "Pháp lập tệ sinh" (pháp lệnh một khi thiết lập ra rồi, là tệ hại theo đó mà sinh ra).

Một nơi khác, Lão Tử có nói: *Dân chi nan trị, dĩ kỳ trí đa. Cố dĩ trí trị quốc, quốc chi tặc; bất dĩ trí trị quốc, quốc chi phúc."* 民之難治，以其智多。故以智治國，國之賊，不 以智治國，國之福。(chương 65) Bởi vậy, nơi chương 19, ông bảo: *"Tuyệt thánh khí trí… Tuyệt nhân khí nghĩa… Tuyệt xảo khí lợi, đạo tặc vô hữu"* 絕聖棄智。。。絕仁棄義。。。絕巧棄利，盜賊無有 vì *"đại Đạo phế, hữu nhân nghĩa; trí tuệ xuất, hữu đại ngụy"* 大道廢，有人義; 智慧出，有大偽(chương 18) C. *"Vô vi"* 無為 là không can thiệp đến việc người, không dụng tư tâm mà hành động… lấy gương mẫu mình mà dạy dân, dùng *"bất ngôn chi giáo"* mà sửa dân… thì dân không hay là mình có làm gì, nhưng tự chúng sửa đổi lấy mình mà không cần đến sự bắt buộc hay cấm đoán, ban hành pháp lệnh, cho nên mới nói: *"Ngã vô vi nhi dân tự hóa"*（我無事而民自化）. Hai chữ *"tự hóa"* rất quan trọng, cũng như *"tự chính", "tự phú".*

"Ngã hiếu tịnh nhi dân tự chính" 我好靜而民自正

Khi bậc trên muốn sống trong điềm tịnh, thì dân cũng bắt chước theo đó mà chính lại lòng mình. Trái lại, nếu bậc trên mà nóng nảy can thiệp, bắt buộc dân phải ngay thẳng… thì họ lại không chịu làm theo. Đó cũng là ý nghĩa của tục ngữ: *"Nắm giữ thì mất, buông bỏ thì được".*

"Ngã vô sự nhi dân tự phú" 我無事而民自富

Nếu bậc trị nước mà đa sự, hoặc bắt tu tạo những dinh thự xa xí cho mình, bày ra các cuộc chinh phạt… thì dân chúng bị bắt buộc bỏ công ăn việc làm, làm gì không trở nên nghèo vì sưu cao thuế nặng là khác nữa.

Bởi vậy, khi bậc trị nước không bao biện và đa sự, thì dân tự nhiên được giàu có.

"Ngã vô dục nhi dân tự phác" 我無欲而民自樸

Nếu bậc trị nước mà không dục vọng, thì tự mình đã dụi tắt sự xa hoa và lộng lẫy, dân sẽ bắt chước gương kiệm ước ấy mà trở thành chất phác.

Chữ *"tự"* trên đây, như *"tự hóa"*, *"tự chính"*, *"tự phú"* là ám chỉ vai trò cá nhân trong việc tu thân giải thoát. Nói *"tự hóa"*, là nói về cái quyền sống tự do cá nhân của con người. Nhờ hành cái đạo vô vi mà mỗi cá nhân đều được tự hóa, nghĩa là hóa theo mình, chứ không bị bắt buộc hóa theo ai cả. Sở dĩ có sự tự hóa, là vì *"đồng thinh tương ứng, đồng khí tương cầu"*. Sự giúp đời của Thánh nhơn giống như ánh thái dương giúp cho trăm hoa đua nở, nhưng hoa nào trổ hoa nấy. Khác với Đạo hữu vi, hay can thiệp đến việc tự hóa của con người, mong hóa tất cả mọi người theo một mẫu người lý tưởng nào đó, do xã hội ước định.



CHƯƠNG 58

1. Kỳ chính muộn muộn, Kỳ dân thuần thuần, Kỳ chính sát sát, Kỳ dân khuyết khuyết.

其政悶悶
其民淳淳
其政察察
其民缺缺
B Họa hề phúc chi sở ỷ, Phúc hề họa chi sở phục.
Thục tri kỳ cực?
Kỳ vô chính, Chính phục vi kỳ, Thiện phục vi yêu.
Nhơn chi mê, Kỳ nhật cố cửu.
禍兮福之所倚
福兮禍之所伏
孰知其極?
其無正
正復爲奇
善復爲妖
人之迷
其日 故久。

2. Thị dĩ Thánh nhơn Phương nhi bất cát, Liêm nhi bất quế, Trực nhi bất tứ, Q

Quang nhi bất diệu.
是以聖人
方而不割
廉而不劌
直而不肆
光而不耀。

DỊCH NGHĨA

1. Chính lệnh lờ mờ, Thì dân ôn hòa.
   Chính lệnh dòm dõ, Thì dân lỗi lầm.

2. Họa là chỗ dựa của phúc.
   Phúc là chỗ núp của họa.
   Ai biết chỗ cùng của nó?
   Trên mà không ngay thẳng, Thì ngay trở thành ngụy.
   Thiện trở thành tà, Cái mê của người, Có đã lâu rồi.

3. Bởi vậy, bậc Thánh nhơn: Để vuông vức mà không đẽo gọt.
   Cảm hóa người mà không tổn thương.
   Kéo cho ngay mà không sửa dạy.
   Rọi ánh sáng mà không chói lòa.

BÌNH CHÚ

A *"Kỳ chính muộn muộn* Kỳ dân thuần thuần Kỳ chính sát sát
Kỳ dân khuyết khuyết"
其政悶悶
其民淳淳
其政察察
其民缺缺

Trị nước dùng chính sách rộng rãi khoan hồng, đừng can thiệp đến đời sống tư của nhân dân, chính lệnh không khắt khe, thì nhân dân cảm thấy thư thái nhẹ nhàng, nên ôn hòa thuần hậu.

Trái lại, khi chính lệnh quá gắt gao, xoi bói, dòm dõ, người dân cảm thấy bốn phương "rừng có mạch, vách có tai", đâm ra nghi ngờ, lo sợ phập phồng, bao giờ cũng đau khổ vày vò vì bị mặc cảm tội lỗi.

B. *"Họa hề phúc chi sở ỷ*
Phúc hề họa chi sở phục"
禍兮福之所倚
福兮禍之所伏

Phúc đó họa đó, họa đó phúc đó. Đó là bề mặt bề trái của sự đời, cũng như có thiện là có ác, có thị ắt có phi, có vinh ắt có nhục, tức là thiện trong cái ác, thị trong cái phi, vinh trong cái nhục. Cho nên Lão Tử mới khuyên ta: *"Tri kỳ hùng, thủ kỳ thư… Tri kỳ bạch, thủ kỳ hắc… Tri kỳ vinh, thủ kỳ nhục"*… để khỏi làm chênh lệch đòn cân họa phúc.

"Thục tri kỳ cực" 孰知其極

Chữ *"cực"* 極 đây, có nghĩa là chỗ cùng cực của nó, chỗ chung cuộc của nó（終）. Phúc rồi họa, họa rồi phúc xen lẫn, tiếp tục nhau không biết đâu là dứt. Nghĩa là không bao giờ có phúc mà không có một cái họa của nó ẩn trong, cũng như không bao giờ có họa mà lại không có cái phúc của nó ẩn trong. Tức là chỗ mà sách Chu Dịch bảo: Âm trung hữu dương, dương trung hữu âm của đồ Thái cực.

"Kỳ vô chính
Chính phục vi kỳ
Thiện phục vi yêu"
奇無正
正復為奇

善復為妖

Chữ *Kỳ* 奇 ở đây có nghĩa là trá ngụy 詐. Chữ *Yêu* 妖 có nghĩa là gian tà 邪.

Nếu bậc trị nước mà không thẳng thắn, chính nhân, thì dân phía dưới sẽ biến thành trá ngụy, dù họ muốn giữ một lòng liêm chính: người thiện cũng sẽ biến thành gian tà. Có lẽ vì bắt chước, nhưng chắc chắn là phải trá ngụy gian tà để mới có thể đánh lừa mà tránh cái nạn man trá của kẻ trên.

"Nhơn chi mê
Kỳ nhật cố cửu"

人之迷
其日 固久

Thực ra cái mê lầm của phần đông các nhà trị nước đã nói trên, đâu phải mới có đây, mà nó đã có từ lâu, từ thuở con người bắt đầu sống chung nhau trên mặt đất này.

C. *"Phương nhi bất cát"* 方而不割

"Phương" 方 có nghĩa là chính trực 正直. Bậc Thánh nhơn trị nước, dù mình là người chính trực bực nào cũng không nhân sự chính trực ấy mà làm tổn thương lòng tự ái kẻ khác. Trên công lý còn lòng nhân.

Có nhà lại chú giải câu này như vầy: đẽo cây vuông mà không làm thương tổn, tức là trị nước một cách khéo léo không va chạm đến lòng tự ái, đến nhân phẩm của người.

Có nhà lại cho rằng: bậc trị nước phải để mọi người sống tự nhiên theo bản tánh, không nên đem một cái gì làm khuôn mẫu, rồi cái gì không vừa vặn với khuôn mẫu ấy thì đem mà cắt xén đi, đẽo gọt theo ý mình, nghĩa là dùng tư tâm mà bắt buộc người ta phải uốn mình theo.

Trong ba cách giải thích, cách giải thích sau cùng là có ý nghĩa hơn, mặc dù cả ba đều cùng một ý chung là: bậc Thánh nhơn dùng "vô vi nhi trị". Cách giải thứ nhất, trùng với câu: "trực nhi bất tứ". Cách giải thứ hai rất mơ hồ: đẽo cây vuông mà không làm thương tổn. Sao không đẽo cây tròn…? Phàm khéo léo thì đẽo cách nào mà không khéo. Cách giải thứ ba, hợp lý nhất: chữ *"phương"* 方 đây là "mẫu mực", là phương thức, là phương sách.

Thánh nhơn trị nước đâu phải không kế hoạch, không phương sách, nhưng không vì đó mà bắt mọi người phải thể theo y như khuôn đúc để làm cái việc làm của anh chàng Procuste trong thần thoại Hy Lạp, chặt chân hay kéo dài thêm cho vừa vặn với cái giường sắt của ông mà ngày nay ta có câu: giường của chàng Procuste (lit de Procuste). Những chế độ độc tài đều dùng phương sách này mà trị dân. Luật pháp không thể dùng bất luận cho tất cả mọi người mà không có trường hợp giảm khinh…

Ba câu kế:

"Liêm nhi bất quế

Trực nhi bất tứ

Quang nhi bất diệu"

廉而不劌

直而不肆

光而不耀

Đều cùng một ý như trên. Ba chữ *"liêm"*, *"trực"*, *"quang"*ở đây, theo tôi, đều có công dụng của một động từ, chứ không phải là một tĩnh từ.

"Quang nhi bất diệu" 光而不耀

Là mặc dù mình phải đem ánh sáng của mình mà giúp đời, nhưng đừng đem cái ánh sáng thông minh của mình mà làm khó chịu kẻ khác; trái lại càng nên che bớt cái ánh sáng ấy đi.



CHƯƠNG 59

1. Trị nhơn sự thiên mạc nhược sắc.
治人事天莫若嗇。

2. Phù duy sắc thị vị tảo phục.
Tảo phục vị chi trọng tích đức.
Trọng tích đức tắc vô bất khắc.
Vô bất khắc tắc mạc tri kỳ cực.
Mạc tri kỳ cực khả dĩ hữu quốc.
夫唯嗇是謂早服
早服謂之重積德
重積德則無不克
無不克則莫知其極
莫知其極可以有國。

3. Hữu quốc chi mẫu, Khả dĩ trường cửu.
Thị vị thâm căn cố đế.
Trường sinh cửu thị chi Đạo.
有國之母
可以長久
是謂深根固柢
長生久視之道。

DỊCH NGHĨA

1. Trị người, giúp Trời;
Không chi bằng tiết kiệm.

2. Tiết kiệm phải là việc lo đầu tiên.
Lấy nó làm việc lo đầu tiên, thì chứa được đức.
Chứa được đức,
thì không có gì là không thắng được.
Không có gì là không thắng được, không ai biết được chỗ cùng cực của nó.
Không ai biết được chỗ cùng cực của nó, thì mới có thể nắm giữ được nước.

3. Giữ được Mẹ của nước,
Thì mới có thể lâu dài.
Đó gọi là "rễ sâu gốc bền"
Cái Đạo "trường sinh cửu thị".

BÌNH CHÚ

Chương nầy cùng một ý với câu: “Ngã hữu tam bảo: nhất viết *Từ*, nhì viết *Kiệm…”*

A *“Trị nhơn sự thiên* Mạc nhược sắc”

治人事天

莫若嗇

Bậc trị nước mà biết cộng sự với Đạo Trời không chi bằng giữ mực độ, biết tiết kiệm tài sản và sinh lực.

Chữ *“sắc”*（嗇）ở đây có nghĩa là *tiết kiệm*.

B *“Phù duy sắc* Thị vị tảo phục”

夫唯嗇

是謂早腹

Chữ *“tảo phục”*（早腹）, có nghĩa là 先事 *“việc làm đầu tiên”* (theo Khang Hi tự điển). Kẻ nào sống kiệm ước không bao giờ bị phải cái họa thiếu hụt những cần thiết: họ đã luôn luôn lo dự bị trước để khỏi phải sa vào cảnh đói kém.

“Tảo phục vị chi trọng tích đức Trọng tích đức tắc vô bất khắc Vô bất khắc tắc mạc tri kỳ cực Mạc tri kỳ cực khả dĩ hữu quốc”

早服謂之重積德

重積德則無不克

無不克則莫知其極

莫知其極可以有國

Nếu ta biết lấy sự tiết kiệm làm việc lo đầu tiên, thì tức là ta tạo cho ta thêm nhiều đức hay trong việc trị nước.

Chữ *“khắc”*（克）có nghĩa là *“thắng”*. Khi mình có nhiều đức hạnh, thì người người sẽ được an cư lạc nghiệp, nhờ thế mà không còn có gì ta không thắng nổi. (Dù là địch thủ hay những trở ngại).

Không gì thắng nổi, thì làm sao biết được đến đâu là cùng? Lấy *kiệm* mà trị nước, thì nước sẽ được trường cửu.

Chữ 極 có nghĩa là hạn định, mức cùng.

C. *“Mẫu”*（母）là chỉ Đạo (theo Hà Thượng Công), nhưng nhiều nhà chú giải cho là “kinh tế”, đức “kiệm”.

Vấn đề kinh tế là gốc của nước. Có “kiệm” thì nước mới giữ được lâu dài. Trái lại, xa xỉ là đem lại sự ly loạn và bại vong.

"Cửu thị"（久視）có nghĩa là "không già"（不老）(theo Từ Nguyên).

"Trường sinh cửu thị"（長生久視）, tức là sống lâu mà không già.

Nhân câu này, người đời sau mới bày ra cái Đạo dưỡng sinh, luyện khí luyện đan của phái "đan đỉnh", tức là phái thần tiên, chủ trương sự trường sinh bất tử.

Toàn chương đều lấy cái đạo trị nước mà bàn. Ở đây, riêng đoạn văn thứ ba này, Lão Tử cũng dùng chữ "trường sinh cửu thị" với nghĩa bóng, muốn nói đến sự trường cửu của phép giữ nước: kẻ nào nắm được Đạo, *"trị nhơn sự thiên"*（治人事天）(trị người mà theo đạo Trời) thì mới giữ được nước lâu dài, dĩ nhiên với nghĩa tương đối của nó. Lão Tử đã cho rằng hễ có sanh ắt có tử… và xem tử như sanh, sanh như tử thì còn cố gắng đeo đuổi theo thuật "trường sinh cửu thị" để sống mãi với thời gian là mâu thuẫn với chủ trương của mình còn gì. Miễn là giữ được thiên chân, cái mà ông bảo "tử nhi bất vong giả thọ" ấy, thì đó là mình được "trường sinh cửu thị" theo nghĩa bóng của nó. Đó là ông bàn đến tinh thần, chứ không phải là bàn về thân xác.

Phái "trường sinh đan đỉnh" về sau, nắm lấy câu ấy để tôn ông lên làm vị Đại Tiên Trưởng.

Thực ra tuy ông không bàn đến đạo "trường sinh cửu thị" về phần thân xác, mà tựu trung cũng có phần bàn đến một cách gián tiếp. Người mà nắm được Đạo, đồng hóa được với Đạo thì không còn thấy có sanh có tử nữa, hay nói cho đúng hơn, đứng trên vòng sanh tử. Chết là chết thân xác này, chứ cái tâm (đồng với Đạo) làm sao chết được. Lại nữa, người mà đồng hóa được với Đạo, là người đã biết tiết dục: *"thiểu tư quả dục"*. Người như thế *"bất dĩ ngoại vật động kỳ tâm"* thì tâm hồn luôn luôn điềm đạm… Mà "điềm đạm hư vô" thì "chân khí tùng chi, tinh thần nội thủ, bệnh an tùng lai", người như thế khó mà bị bệnh tật, già yếu… có thể luôn luôn khang kiện cho đến mãn kiếp người mà không đau bệnh. Ảnh hưởng của tinh thần đối với vật chất mãnh liệt dường ấy. Người ta thường há không nói "tâm sầu bạch phát" là gì! Cho nên, không cần bàn đến dưỡng sinh mà đó mới thật là dưỡng sinh, và nhất định kẻ nào giữ

được cái tâm *chân không* thì suốt đời sẽ không bao giờ bệnh tật, lại sống lâu là khác nữa.



CHƯƠNG 60

1. Trị đại quốc nhược phanh tiểu tiên.
治大國若烹小鮮。

2. Dĩ Đạo lỵ thiên hạ, Kỳ quỷ bất thần, Phi kỳ quỷ bất thần, Kỳ thần bất thương nhơn.
Phi kỳ thần bất thương nhơn, Thánh nhơn diệc bất thương nhơn.
Phù lưỡng bất tương thương.
Cố Đức giao quy yên.
以道蒞天下
其鬼不神
非其鬼不神
其神不傷人。
非其神不傷人。
聖人亦不傷人。
夫兩不相傷,
故德交歸焉。

DỊCH NGHĨA

1. Trị nước lớn, khác nào nấu cá nhỏ.

2. Lấy Đạo mà điều khiển thiên hạ, Quỷ cũng không lộ thần oai.

   Không phải quỷ không lộ được thần oai, Mà vì quỷ không làm hại được người.

   Không phải thần không hại được người, Mà vì Thánh nhơn không hại người.

   Cả hai đều không hại người,
   Nên Đức của họ nối nhau về một chỗ.

BÌNH CHÚ

A. *"Trị đại quốc nhược phanh tiểu tiên"*

治大國若烹小鮮

Nấu cá nhỏ, người ta không dám làm vảy, lóc thịt… là vì người ta sợ làm nát nó đi. Trị một nước lớn bậc Thánh nhơn không dám dùng đến cái Đạo hữu vi（有 為）, ra nhiều pháp lệnh (xem lại chương 57 và 58) mà làm thương tổn và đau khổ nhân dân, xui họ sanh ra chống đối và trá ngụy.

B. Đoạn văn này thật bí hiểm. Nhưng ta cũng có thể hiểu như vầy: Ngày xưa người ta vẫn tin tưởng nơi thần quyền có thể tác phúc tác họa cho loài người. Lão Tử không nghĩ như vậy, ông cho rằng quỷ thần không hại được người, nếu có được một bậc Thánh nhơn trị nước.

Lấy Đạo mà trị thiên hạ（以道蒞天下）, thì không bao giờ hại dân. Thánh nhơn mà không hại dân, thì quỷ thần đâu có hại dân. Thánh nhơn và quỷ thần chỉ là một. Còn như, trái lại, dân bị thương tổn, thì cũng đâu phải vì bị quỷ thần làm hại mà chính kẻ trị nước, không lấy Đạo mà trị nước làm hại dân mà thôi.

Ở đây Lão Tử bài bác thần quyền. Họa phúc đều do con người làm ra cho mình cả.



CHƯƠNG 61

1. Đại quốc giả hạ lưu, Thiên hạ chi giao, Thiên hạ chi tẫn.
大國者下流
天下之交
天下之牝。

2. Tẫn thường dĩ tịnh thắng mẫu, Dĩ tịnh vi hạ.
Cố
Đại quốc dĩ hạ tiểu quốc Tắc thủ tiểu quốc.
Tiểu quốc dĩ hạ đại quốc Tắc thủ đại quốc.
Cố
Hoặc hạ dĩ thủ
Hoặc hạ nhi thủ.
Đại quốc bất quá dục kiêm súc nhơn.
Tiểu quốc bất quá dục nhập sự nhơn.
Phù lưỡng giả các đắc kỳ sở dục.
Đại giả nghi vi hạ.
牝常以靜勝牡
以靜爲下。
故
大國以下小國
則取小國
小國以下大國
則取大國。
故
或下以取
或下而取。
大國不過欲兼畜人
小國不過欲入事人。
夫兩者各得所欲。
大者宜爲下。

DỊCH NGHĨA

1. Nước lớn mà làm chỗ thấp, Sẽ là chỗ hợp lại của thiên hạ, Là giống cái của thiên hạ.

2. Giống cái thường lấy tịnh mà thắng giống đực.
Lấy tịnh làm chỗ thấp.
Nước lớn mà hạ mình trước nước nhỏ, ắt đặng tiểu quốc xưng thần; Nước nhỏ mà hạ mình trước nước lớn, ắt đặng đại quốc che chở.
Nên,
Hoặc hạ mình để đặng,
Hoặc hạ mình mà đặng.
Nước lớn chẳng qua muốn gồm nuôi người.
Nước nhỏ chẳng qua muốn vào thờ người.
Cả hai đều đặng chỗ muốn của mình.
Bậc lớn nên hạ mình.

BÌNH CHÚ

Chương này rất dễ hiểu.

Nhưng văn nghĩa thiển lậu, không giống khí văn của Lão Tử, phần đông các nhà chú giải nghi là do các nhà quyền mưu thời Chiến quốc thêm vào. Tuy nhiên đều do tư tưởng *"hậu kỳ thân nhi thân tiên"* của Lão Tử mà suy diễn ra.

"Đại giả nghi vi hạ" 大者宜為下



CHƯƠNG 62

1. Đạo giả
Vạn vật chi áo, Thiện nhơn chi bửu.
Bất thiện nhơn chi sở bảo.
道者
萬物之奧
善人之寶
不善人之所保。

2. Thiện ngôn khả dĩ thị tôn Mỹ hành khả dĩ gia nhơn.
Nhơn chi bất thiện Hà khí chi hữu?
善言可以市尊
美行可以加人
人之不善
何棄之有？
C Cố
Lập thiên tử
Trí tam công Tuy hữu củng bích Dĩ tiên tứ mã Bất như tọa tiến thử Đạo.
故
立天子
置三公
雖有拱璧
以先駟馬
不如坐進此道。

3. Cổ chi sở dĩ quý thử Đạo giả hà?
Bất nhật dĩ cầu đắc Hữu tội dĩ miễn da?
Cố
Vi thiên hạ quý dã.
古之所以貴此道者何?
不日 以求得
有罪以免邪？
故
爲天下貴也。

DỊCH NGHĨA

1. Đạo là
   Chỗ chứa sâu kín của vạn vật. Châu báu của người lành.
   Chỗ nương dựa của kẻ không lành.

2. Lời hay có thể được đắt giá.
   Việc hay có thể tăng giá con người.
   Nhưng, còn kẻ không lành, Sao lại bỏ chúng?

3. Bởi vậy,
   Mới lập đấng thiên tử, Mới đặt bậc tam công, Tuy cầm củng bích,
   Ngồi xe bốn ngựa,
   Nhưng sao bằng ngồi yên trên Đạo mà trị dân.

4. Người xưa sở dĩ quý Đạo ấy là tại sao?
   Không ngày nào họ không cầu cho được đó, Cho nên dù có lỗi cũng được miễn, hay sao?
   Vì vậy Nó là vật quý của thiên hạ.

BÌNH CHÚ

A *"Đạo giả*

Vạn vật chi áo Thiện nhơn chi bửu Bất thiện nhơn chi sở bảo."

道者

萬物之奧

善人之寶

不善人之所保。

"Đạo là chỗ chứa sâu kín của vạn vật", nghĩa là vạn vật lành dữ gì cũng ẩn trú trong đó.

Chữ *"áo"*（奧）ở đây có nghĩa là chứa（藏）. Thời xưa, căn phòng ở phía trong để dùng làm chỗ tế tự thì là chỗ sâu nhất và tối tăm nhất ở phía Tây Nam. Còn cửa vào thường ở phía đông.

Chữ *"bảo"*（保）nghĩa thường là che chở, nhưng ở đây lại có nghĩa là "ỷ"（倚）, tức là dựa vào để tìm một thế quân bình và vững vàng.

Đạo, theo Lão Tử, là có lợi cho tất cả mọi người; đối với kẻ lành đó là vật báu; đối với kẻ không lành đó là nơi nương dựa.

B *"Thiện ngôn khả ái thị tôn.*

Hành khả dĩ gia nhơn Nhơn chi bất thiện Hà khí chi hữu"

美言可以市尊

美行可以加人

人之不善

何棄之有

Chữ *"thị"*（市）ở đây có nghĩa là "lợi"（利）. Có nhà chú giải cho rằng "lời nói hay có cái giá đắt như các món đồ đẹp bán ở chợ, ai cũng muốn mua".

Theo Hà Thượng Công thì chữ *"gia"*（加）ở đây có nghĩa là*"biệt dị"*（別異）(khác biệt). Những hành động hay, những hạnh kiểm tốt có thể là những hành động hoặc những hạnh kiểm làm cho ta khác biệt với kẻ khác.

Bởi vậy, khi một người lỗi lầm, nhờ Đạo mà họ tỉnh ngộ và hối cải, tại sao lại bỏ người ta đi? *"Nhơn chi bất thiện, hà khí chi hữu?"*. Đạo là *"thiện nhơn chi bửu, bất thiện nhơn chi sở bảo"*.

"Cố, lập thiên tử

Trí tam công

Tuy hữu củng bích Dĩ tiên tứ mã
Bất như tọa tiến thử Đạo"
故立天子
置三公
雖有拱璧
以先駟馬
不如坐進此道

Ngày xưa, người ta lập ra nào là đấng thiên tử, bậc tam công là để mà giáo dân. Tuy sang trọng thật, tay cầm củng bích, ngồi xe tứ mã, sao bằng lấy Đạo ấy mà dạy dân trị nước?

Chữ *"củng bích"* （拱璧） là thứ ngọc mà nhà vua cầm khi tế Trời.

Chữ *"tọa"* （坐） có nghĩa là ngồi yên, bình tĩnh, vững vàng, "căn cứ hoàn toàn trên…"

D *"Cổ chi sở dĩ quý thử Đạo giả hà?*
Bất nhật dĩ cầu đắc Hữu tội dĩ miễn da Cố vi thiên hạ quý dã."
古之所以貴此道者何?
不日 以求得
有罪以免邪？
故爲天下貴也。

Tại sao mà bậc Thánh xưa lại quý cái Đạo ấy?

Chữ *"nhựt"*（日 ）ở đây, nhiều bản lại chép là *"viết"*（曰）. Nếu chép là "viết"（曰）, thì câu này phải dịch và hiểu như vầy: "Họ há chẳng có nói: 'Ai cầu được đó, dù có lỗi cũng được miễn' ư?"

Chữ *"nhựt"*（日 ）thì lại phải hiểu và dịch: "không ngày nào họ không cầu cho được Đạo ấy, thì dù có lỗi lầm cũng được miễn xá cho…"

Hai câu dịch như trên, tựu trung cùng một ý nghĩa, nhưng chữ "nhựt" 日 có tính cách thiết tha hơn, vì đó là một công việc tha thiết từng ngày, không thể xao lãng thì mới mong nắm được nó.



CHƯƠNG 63

1. Vi vô vi, Sự vô sự.
Vị vô vị.
Đại tiểu đa thiểu.
Báo oán dĩ đức.
為無爲
事無事
味無味
大小多少
報怨以德。

2. Đồ nan ư kỳ dị.
Vi đại ư kỳ tế.
Thiên hạ nan sự, Tất tác ư dị.
Thiên hạ đại sự, Tất tác ư tế.
圖難於其易
爲大於其細
天下難事
必作於易
天下大事
必作於細。

3. Thị dĩ thánh nhơn, Chung bất vi đại.
Cố
Năng thành kỳ đại.
Phù khinh nặc Tất quả tín.
Đa dị tất đa nan.
Thị dĩ
Thánh nhơn do nan chi, Cố
Chung vô nan hĩ.
是以聖人
終不爲大
故
能成其大
夫輕諾

必寡信
多易必多難
是以
聖人猶難之
故
終無難矣。

DỊCH NGHĨA

1. Làm mà "không làm",
Lo mà "không lo",
Nếm mà "không mùi".
Xem lớn như nhỏ.
Coi nhiều như ít.
Lấy đức báo oán.

2. Làm việc khó, bắt nơi chỗ dễ.
Làm việc lớn, bắt nơi chỗ nhỏ.
Việc khó trong đời, khởi nơi chỗ dễ.
Việc lớn trong đời, khởi nơi chỗ nhỏ.

3. Bởi vậy Thánh nhơn,
Suốt đời không làm chi lớn.
Nên mới thành được việc lớn, Kẻ hứa dễ, ít tin được.
Kẻ xem gì cũng dễ, ắt gặp nhiều cái khó.

4. Vậy nên,
Bậc Thánh nhơn xem việc gì cũng khó, Nên trọn đời không gặp gì khó cả.

BÌNH CHÚ

A. *"Vi vô vi"* 為無爲

Thường người ta hay hiểu lầm hai chữ *vô vi* và cho rằng *vô vi* là không làm gì cả. Lão Tử bảo: "Hãy *làm* cái vô vi"

（為無爲）. Như vậy, Lão Tử nào có chủ trương sự không làm gì cả, mà bảo *nên làm* theo phép "vô vi". Như vậy vô vi có nghĩa là một phương thức làm việc như phép "bất tranh" của ông vậy.

Ở đây, ta có thể hiểu câu *"Vi vô vi"* bằng ba cách: 1. *"Vi vô vi"* là *làm cái Đạo vô vi*, không dùng tư tâm mà xen vào việc kẻ khác, không lấy tư lợi mà can thiệp vào việc của người.

2. *"Vi vô vi"* cũng có nghĩa là làm mà như không làm gì cả, làm một cách hết sức tự nhiên kín đáo không cố cưỡng, không dụng tâm, làm mà như không có làm gì cả, như cái "làm" của thái dương. Thái dương xạ ánh sáng làm nở muôn hoa, nhưng không hay là mình đã giúp muôn hoa đua nở, vì vậy muôn hoa cũng không hay là mình đã nhờ ánh sáng thái dương mà trổ. Cái đức sáng của thái dương là cái hành động vô vi vậy. Làm mà không hay là mình có làm; làm không phải vì tư tâm, tư lợi; làm vì làm, vì không thể không làm cho đặng, đó là hành vi mà Lão Tử bảo ở chương 64 sau đây: *"Dĩ phụ vạn vật chi tự nhiên, nhi bất cảm vi"* 以輔萬物之自然而不敢為 (Giúp vạn vật một cách tự nhiên, mà không "dám làm").

"Làm" đây là "hữu vi chi Đạo"（有爲之道）.

3. *"Vi vô vi" lại cũng có nghĩa là "làm mà không mắc*trong cái làm" của mình. Là nghĩa làm sao? Thường tình việc làm của ta bao giờ cũng đi theo một chiều nào, với một mục đích là đi đến kết quả theo lòng mong ước của ta về điều phải hay lẽ quấy nào. Như thế mới có những hành động đi đến cuồng tín nơi một lẽ phải nào theo mình. Trái lại, người hiểu Đạo, không cho đâu là phải mà không có quấy, cho nên không chấp nơi một lẽ phải tuyệt đối nào cả. Bảng giá trị luân lý nào cũng đều tương đối cả. Người đạt Đạo là kẻ đã thoát khỏi cái bảng giá trị ấy. Cho nên mới nói "làm mà không mắc trong cái làm của mình". Đó là nghĩa thứ ba của câu "Vi vô vi" vậy.

"Sự vô sự" 事無事

"Sự"（事）là lo lắng.

"Vô sự"（無事）là không mắc trong sự lo lắng.

"Sự vô sự"（事無事）cũng có ba nghĩa là: a) lo lắng mà như không lo lắng gì cả; b) lo lắng cái "không lo lắng"; c) lo lắng mà không bận mắc trong sự lo lắng của mình. Nó cũng đồng một ý như "vi vô vi", nên cũng có ba nghĩa như trên.

Người đạt Đạo, đâu phải không làm, đâu phải không lo. Nhưng làm một cách tự nhiên, lo một cách tự nhiên, không bận mắc trong việc làm, việc lo của mình. Lo mà không cầu nên, không sợ hư. Cứ thản nhiên mà làm, thản nhiên mà lo. Cho nên lo lắng mà như không lo lắng gì cả. Lòng luôn luôn điềm đạm.

"Vị vô vị" 味無味

"Vị"（味）là nếm; "vô vị" là không mùi.

"Vô vị"（無味）là cái mùi vị của Đạo, nghĩa là cái không mùi vị gì cả.

Chữ 味 (vị) đầu có nghĩa là *nếm*, và nghĩa bóng là biết mùi vị, biết thưởng thức, biết đánh giá, biết ưa thích.

Câu *"Vị vô vị"*（味無味）cũng có ba nghĩa: nếm cái không nếm được, tức là Đạo; nếm mà như không nếm, tuy biết thưởng thức nhưng không phủ nhận những giá trị đối đích của nó, nên mới nói là "như không nếm", và nếm mà không mắc trong sự nếm của mình, một cách tự nhiên, không nô lệ trong sự ưa thích của mình.

"Đại tiểu đa thiểu"（大小多少）

Lớn hay nhỏ, nhiều hay ít, đều xem như nhau với cặp mắt tề vật theo như Trang Tử đã nói, nghĩa là đều có một giá trị tương đối: lớn hơn cái nhỏ, nhỏ hơn cái lớn. Hễ có lớn thì cũng có lớn hơn mà tự nó lại thành ra nhỏ. Còn nhỏ cũng có cái nhỏ hơn, mà thành ra lớn. Nhiều là đối với ít hơn, nhưng nhiều còn có nhiều hơn, thành ra lại nhỏ; nhỏ còn có nhỏ hơn, thành ra lại lớn.

Cho nên lớn cũng vô cùng mà nhỏ cũng vô cùng; nhiều cũng vô cùng mà ít cũng vô cùng. Thảy đều như nhau cả trước con mắt người hiểu Đạo.

"Báo oán dĩ đức" 抱怨以德

Lấy đức mà trả oán thì oán sẽ tiêu đi. Chứ lấy oán mà trả oán thì oán sẽ chập chồng biết chừng nào dứt. Đó là cái đức "Từ"（慈）của Lão Tử vậy, không chạm vào lòng tự ái của ai cả.

Đây cũng là một cách "bất tranh nhi thiện thắng"（不 爭而善勝）.

B *"Đồ nan ư kỳ dị*
Vi đại ư kỳ tế
Thiên hạ nan sự
Tất tác ư dị
Thiên hạ đại sự
Tất tác ư tế"
圖難於其易
爲大於其細
天下難事
必作於易
天下大事
必作於細

Việc *khó*, nên khởi đầu nơi chỗ *dễ*.

Việc *lớn*, nên khởi đầu nơi chỗ *nhỏ*. Và dù là việc khó hay việc lớn trong thiên hạ cũng đều như thế cả.

Người đời thường hay xem thường xem khinh những việc dễ và việc nhỏ, mà không hay rằng nó là đầu mối của các việc khó và việc lớn trong thiên hạ.

Bởi vậy, bậc Thánh nhơn trị nước, suốt đời dường như không dám làm chi lớn cả mà chỉ lo săn sóc những cái nhỏ… Thế mà lại thành được việc lớn.

Đừng khinh việc nhỏ: lỗ mọt đủ chìm thuyền. Bậc làm đại sự nên hết sức thận trọng nơi những cái nhỏ.

Ở đây ta thấy lối biện chứng tam nguyên của Lão Tử: bao giờ ông cũng ở dưới để được ngồi trên, đem mình ra sau để được đứng trước, làm cái nhỏ để được cái lớn, làm cái dễ để được cái khó.

"Phù khinh nặc, tất quả tín" 夫輕諾,必寡信

Người hứa quá dễ dàng, là người mà mình không nên tin. Ý tứ tầm thường. Không hiểu có ăn chịu vào đâu trong đoạn văn này. Nghi là người sau chua thêm vào.

"Đa dị tất đa nan
Thị dĩ
Thánh nhơn do nan chi
Cố chung vô nan hĩ"
多易必多難
是以

聖人猶難之
故終無難矣

Cái *khó*, nên khởi đầu nơi chỗ *dễ*; nhưng trái lại, cái gì cũng xem thường xem khinh, ắt phải gặp nhiều cái khó.

Biết là khó, mà không dám xem thường, nên luôn luôn phòng bị, bởi vậy dù là khó bao nhiêu, ta không bao giờ bị sự bất ngờ bắt chẹt, nên mới nói rằng: *"Thánh nhơn do nan chi, cố chung vô nan hỹ"*. (Bậc Thánh nhơn xem việc gì cũng khó, nên trọn đời không gặp gì khó cả).



CHƯƠNG 64

1. Kỳ an dị trì, Kỳ vị triệu dị mưu.
Kỳ thúy dị phán, Kỳ vi dị tán.
Vi chi ư vị hữu.
Trị chi ư vị loạn.
其安易持
其未兆易謀
其脆易泮
其微易散
爲之於未有
治之於未亂。

2. Hạp bão chi mộc.
Sanh ư hào mạt.
Cửu tằng chi đài.
Khởi ư lũy thổ.
Thiên lý chi hành, Thỉ ư túc hạ.
合抱之木
生於毫末
九層之臺
起於累土
千里之行
始於足下。

3. Vi giả bại chi.
Chấp giả thất chi.
Thị dĩ Thánh nhơn, Vô vi cố vô bại, Vô chấp cố vô thất,
爲者敗之
執者失之
是以聖人
無爲故無敗
無執故無失。

4. Dân chi tùng sự
Thường ư cơ thành nhi bại chi.

Thận chung như thủy, Tắc vô bại sự.
民之從事
常於幾成而敗之
愼終如始
則無敗事。

5. Thị dĩ Thánh nhơn Dục bất dục, Bất quý nan đắc chi hóa; Học bất học, Phục chúng nhơn chi sở quá.
Dĩ phụ vạn vật chi tự nhiên Nhi bất cảm vi.
是以聖人
欲不欲
不貴難得之貨
學不學
復眾人之所過
以輔萬物之自然
而不敢爲。

DỊCH NGHĨA

1. Vật yên tịnh, dễ cầm; Chưa bày điềm, dễ lo; Vật mềm, dễ tan tác; Vật nhỏ, dễ phân tán.
   Ngăn ngừa khi chưa hiện, Sửa trị khi chưa loạn.

2. Cây to một ôm,
   Khởi sanh gốc nhỏ.
   Đài cao chín từng, Khởi đầu nhúm đất con.
   Đi xa nghìn dặm,
   Khởi đầu một bước chân.

3. Làm thì hư,
   Giữ thì mất.
   Bởi vậy Thánh nhơn, Không làm, nên không hư, Không giữ, nên không mất.

4. Người dân mà làm, Gần thành thì bại.
   Dè sau như trước, Ắt không hư hại.

5. Vậy nên Thánh nhơn.
   Muốn mà không muốn.
   Không quý của khó được.
   Học mà không học, Giúp chúng nhơn hối mà trở về.
   Giúp vạn vật sống theo tự nhiên.
   Mà không dám mó tay vào.

BÌNH CHÚ

A *"Kỳ an dị trì* Kỳ vị triệu dị mưu"

其安易持 其未兆易謀

Hai chữ *"an"*（安）và *"vị triệu"*（未兆）là muốn ám chỉ cái lúc mà ý tưởng chưa phát ra trong tâm, mừng giận chưa hiện ra ngoài mặt, tâm hồn còn yên lặng, và tuyệt nhiên chưa bị một mối cảm xúc nào chao động. Lúc đó, tức là lúc ta dễ cầm, dễ giữ, dễ lo toan.

"Kỳ thúy dị phán Kỳ vi dị tán"

其脆易泮

其微易散

Chữ *"thúy"*（脆）có nghĩa là *mềm, dễ gãy*; chữ *"vi*（微）là *mọn mạy, bé nhỏ*; ở đây đều dùng theo nghĩa bóng để chỉ những mầm tư tưởng vừa chớm nở.

Cùng một ý với hai câu trên: những cái gì còn yếu mềm, nhỏ bé bao giờ cũng còn dễ uốn nắn, sửa đổi, chứ khi nào trở thành cứng rắn thì nếu can vào sẽ khó sửa đổi lại.

"Vi chi ư vị hữu Trị chi ư vị loạn"

爲之於未有

治之於未亂

Chữ *"vi chi"*（爲之）có nghĩa là *ngăn ngừa*; nếu hiểu 爲 (vi) là *làm*, thì lại nghịch với tư tưởng của Lão Tử. Lão Tử chủ trương không nên mó tay vào mà hành động, nhưng cho phép làm bằng cách *ngăn ngừa*（防之）. Chính đây là chỗ mà Trang Tử về sau cũng bảo: "Cái Đạo trị thiên hạ, không khác nào việc chăn ngựa, chỉ trừ khử những cái gì có hại cho ngựa mà thôi"（去具害馬者而已矣）.

"*Vi chi ư vị hữu, trị chi ư vị loạn"* là lúc mà lòng người chưa nẩy mầm vọng động thì nên ngăn ngừa trước đừng cho nó hiện ra. Muốn trị thì hãy trị ngay lúc nó còn chưa loạn. Tu thân cũng thế mà trị nước cũng thế.

B *"Hạp bão chi mộc* Sanh ư hào mạt

Cửu tằng chi đài

Khởi ư lũy thổ

Thiên lý chi hành

Thỉ ư túc hạ"

合抱之木

生於毫末
九層之臺
起於累土
千里之行
始於足下

Đoạn này Lão Tử diễn tiếp cái ý *"đô nan ư dị"*（圖難於 易）và *"vi đại ư tế"*（為大於細）ở chương 63 trước đây.

Cây to cũng khởi đầu là một gốc nhỏ. Đài cao chín tầng cũng khởi từ một nhóm đất con. Đi xa nghìn dặm, khởi đầu cũng một bước chân. Việc gì to lớn cũng gốc ở những việc nho nhỏ mà ra. Nếu muốn trừ khử một tai họa nào, phải diệt trừ ngay nơi cái mầm nhỏ bé sanh ra nó trước kia. Trị bệnh phải trị tận gốc.

C *"Vi giả bại chi* Chấp giả thất chi"

為者敗之
執者失之

Chữ *"vi"*（爲）đây là chỉ về hành động *hữu vi*（有 爲）. "Làm" đây là làm cho mình, đem tư tâm mà chen vào việc người. Cái "làm" của thiên hạ phần nhiều nói là vì người, vì đời, mà thực ra là vì mình, vì ý riêng của mình. Kẻ trị nước thường lấy tư ý làm ý chung cho mọi người, phục vụ mọi người bằng cách cưỡng ép người người phải nhìn nhận quan điểm của mình là phải. Cho nên "càng làm càng hư, càng giữ càng mất", nghĩa là "làm" mà còn nghĩ đến mình thì hư, giữ mà còn nghĩ đến cho mình thì mất.

Bởi vậy, Thánh nhơn trị nước: "Vô vi cố vô bại
Vô chấp cố vô thất"

無爲故無敗
無執故無失



"Không làm nên không hư
Không giữ nên không mất
Dân chi tùng sự
Thường ư cơ thành nhi bại chi Thận chung như thủy
Tắc vô bại sự"

民之從事
常於幾成而敗之
慎終如始

則無敗事

Thế nhân hễ làm việc chi thường khi lúc gần thành công lại gặp thất bại. Là tại sao? Là vì lúc đầu khó, thì cố gắng, thận trọng, lúc gần thành thì khinh thường lơ đễnh nên hư hỏng bất ngờ. Nếu "thận chung như thủy"（慎終如始）(thận trọng lúc cuối cùng cũng như lúc ban đầu) thì làm sao mà thất bại?

E. *"Thánh nhơn dục bất dục"* 聖人欲不欲

Chữ "dục"（欲）trước là muốn; còn chữ *"bất dục"*（不欲）sau là chỉ cái lòng *không tham dục* gì cả.

Lòng không tham dục, là vì biết rõ không có gì lợi mà không có hại, không có gì vinh mà không nhục, không có gì thành mà không bại, không có gì phải mà không có quấy, không có gì phúc mà không họa… Cho nên người đạt Đạo cũng *làm,* cũng*lo,* cũng *muốn* như ai, có điều là lòng vẫn thản nhiên với cái làm, với cái lo, với cái muốn ấy, mà không bận mắc vào đâu cả. Tây phương gọi là "dégagement de toute valeur", tức là lòng không nô lệ lấy một bảng giá trị nào cả của giới nhị nguyên về thị phi thiện ác…

Phần đông xưa nay người ta đã hiểu lầm và cho Lão Tử là người chủ trương xuất thế, lấy sự an nhàn ẩn dật làm cái thú của nhân sinh, không thiết gì đến nhân tâm thế đạo. Đó là người ta đã hiểu lầm vô vi là không làm gì cả. Kỳ thật, kẻ theo vô vi mà trị nước lo đời, vẫn cũng như mọi người, cũng *làm*, cũng *lo*, cũng *muốn*… như ai, như ta đã thấy ở trên. Họ chỉ khác kẻ khác là họ dùng cái Đạo vô vi mà trị nước thôi. Khác với người đời, là hễ "công thành thân thối", làm mà không vị kỷ, vị công, vị danh, làm một cách kín đáo, đem cái tự nhiên mà giúp cái tự nhiên, luôn luôn nhún nhường không khoa trương, không dùng vũ lực…

"Dục bất dục" lại cũng có hai nghĩa là muốn có được một tấm lòng không tham muốn; hoặc muốn cái điều không thể muốn được, tức là Đạo.

"Bất quý nan đắc chi hóa" 不貴難得之貨

Xem lại chương 3: "Bất quý nan đắc chi hóa, sử dân bất vi Đạo"（不貴難得之貨，使民不為盜）. Bậc trị nước sở dĩ không chịu quý của khó đặng là để ngăn ngừa lòng tham sanh ra và biến thành trộm đạo.

"Học bất học" 學不學

Câu này có nhiều nghĩa:

1 - *"Học bất học"* là *"học mà như là người không có học"*

gì cả, vì cái học đã tiêu hóa hoàn toàn rồi.

2 - *"Học bất học"* cũng có nghĩa là *học cái không thể học được* tức là cái học về cái "bất khả tri", nghĩa là về Đạo.

3 - *"Học bất học"* cũng có nghĩa là "học, nhưng không mắc trong cái học của mình" nghĩa là không nô lệ đến cái học của mình, vì cái mà ta học được là cái học nhị nguyên.

"Phục chúng nhơn chi sở quá" 復眾人之所過

Chữ "phục"（復）đây có nghĩa là làm cho trở về gốc （史之反本）. Thường nhơn họ ham cái ngọn mà quên quy về nguồn. Bậc Thánh nhơn làm cho họ hối lỗi mà trở về với Đạo.

"Dĩ phụ vạn vật chi tự nhiên nhi bất cảm vi"

以輔萬物之自然不敢為

Bậc Thánh nhơn trị nước, chỉ giúp cho tất cả vạn vật một cách tự nhiên, nhưng không dám đem tư tâm mình mà xen vào, nên nói là "bất cảm vi"（不敢為）(xem lại chương 63). Vi（為）là hữu vi（有爲）vậy.



CHƯƠNG 65

1. Cổ chi thiện vi Đạo giả
Phi dĩ minh dân Tương dĩ ngu chi.
古之善爲道者
非以明民
將以愚之。

2. Dân chi nan trị
Dĩ kỳ trí đa.
Cố
Dĩ trí trị quốc, Quốc chi tặc.
Bất dĩ trí trị quốc, Quốc chi phúc.
民之難治
以其智多
故
以智治國
國之賊 不
以智治國
國之福。

3. Tri thử lưỡng giả diệc khể thức.
Thường tri khể thức, Thị vị huyền đức.
Huyền đức, thâm hĩ, viễn hĩ.
Dữ vật phản hĩ, Nhiên hậu nãi chí đại thuận.
知此兩者亦稽式。
常知稽式
是謂玄德
玄德，深矣，遠矣。
與物反矣
然後乃至大順。

DỊCH NGHĨA

1. Đời xưa, kẻ khéo thi hành Đạo.
   Không làm cho dân khôn lanh Mà làm cho dân thực thà

2. Dân mà khó trị,
   Vì nhiều trí mưu.
   Bởi vậy,
   Lấy trí mà trị nước, Là cái vạ cho nước.
   Không lấy trí mà trị nước.
   Là cái phúc cho nước.

3. Biết hai điều ấy,
   Là biết làm mô thức.
   Thường biết làm mô thức, Nên gọi là huyền đức.
   Huyền đức thì sâu, thẳm.
   Nhân đó, muôn vật trở về.
   Rồi sau mới đến chỗ đại thuận.

BÌNH CHÚ

A *"Phi dĩ minh dân*
Tương dĩ ngu chi"
非以明民
將以愚之

Hai chữ "minh dân" và "ngu dân" dùng để đối chiếu; "minh dân" không có cái nghĩa là mở rộng óc thông minh, "ngu dân" cũng không có nghĩa là làm cho đầu óc con người trở nên ngu đần, theo cái nghĩa thông thường.

"Trí" đây là do ở câu "dân chi nan trị, dĩ kỳ trí đa" dùng làm đối chứng, và có nghĩa là "đa mưu túc trí", mưu mẹo, khôn xảo, chứ không phải ám chỉ sự sáng suốt thực thà. Bảo rằng chủ trương của Lão Tử là "ngu dân" để dễ bề lợi dụng bóc lột là hiểu sai.

Vương Bật nói: "minh" là "đa kiến xảo trá…". Còn chữ "ngu" là thuần phác tự nhiên. "Ngu dân" là làm cho dân trở nên thuần hậu thực thà.

B *"Dân chi nan trị*
Dĩ kỳ trí đa"
民之難治
以其智多

Dân mà khó trị, là vì họ quá mưu cơ xảo trá.

Bởi vậy, kẻ lấy trí mưu mà trị nước, đó là kẻ làm loạn cho nước, kẻ không lấy trí mưu mà trị nước, đó là kẻ đem hạnh phúc cho nước.

Tại sao "dân mà khó trị, là vì dân nhiều trí mưu"? Lỗi tại đâu? Không phải tự người dân đa mưu trá ngụy mà thực ra là vì người trên dùng trá ngụy mà trị dân. Dùng trí thuật mà tác vi thì kết quả tất nhiên là phát động dục vọng của dân chúng. Người trên tất phải đề phòng và áp dụng biện pháp trừng trị. Dân chúng thấy rõ mưu mẹo người trên dùng để áp đảo họ, dĩ nhiên họ phải tìm những mánh khóe thủ đoạn để trốn tránh che đậy. Bấy giờ, trên dưới đua nhau dùng trá ngụy mà việc thiên hạ càng ngày càng đi vào con đường gian trá. Cổ ngữ có câu: "Pháp lập tệ sinh", nghĩa là pháp luật mà thiết lập ra, thì tệ đoan theo đấy mà phát sinh.

C *"Tri thử lưỡng giả, diệc khể thức* Thường tri khể thức
Thị vị huyền đức"

知此兩者亦稽式
常知稽式
是謂玄徳

Biết hai điều đó, tức là “lấy trí mà trị nước”, và “không lấy trí mà trị nước” thì có thể làm được phép tắc cho bậc trị nước.

Chữ *“khể thức”* 稽式 có bản viết là 楷式(khải thức) tức là cái phép tắc, quy mô…

“Huyền đức” ám chỉ cái Đức huyền diệu của Đạo, có thể cảm được mà không thể hiểu được.

Chữ *“viễn”*（遠）ở đây có nghĩa là *“bất khả lượng”*
（不可量）, không thể đo lường được, tạm dịch là *“xa thẳm”*.

Chữ *“thuận”*（順）ở đây có nghĩa là *“trị”*（治）, tức là “thạnh trị”.

“Huyền đức” là cái Đức Trời, nếu ta nắm giữ được, thì không cần kêu gọi, muôn dân cũng quay về mình: “bất triệu tự lai”.

“Nhiên hậu nãi chí đại thuận” 然後乃至大順

Hai chữ “nhiên hậu” là chỉ sau khi ta nắm giữ được cái Đức huyền, thì thiên hạ mới đến cõi thạnh trị vậy.



CHƯƠNG 66

1. Giang hải sở dĩ năng vi bách cốc vương giả, Dĩ kỳ thiện hạ chi.

Cố

Năng vi bách cốc vương.

江海所以能為百古谷王者

以其善下之

故

能為百古谷王。

2. Thị dĩ thánh nhân dục thượng dân tất dĩ ngôn hạ chi Dục tiên dân tất dĩ thân hậu chi.

Thị dĩ thánh nhơn Xử thượng nhi dân bất trọng Xử tiền nhi dân bất hại Thị dĩ thiên hạ lạc thôi nhi bất yếm.

Dĩ kỳ bất tranh Cố

Thiên hạ mạc năng dữ chi tranh.

是以聖人欲上民必以言下之

欲先民, 必以身後之。

是以聖人

處上而民不重

處前而民不害

是以天下樂推而不厭

以其不爭

故

天下莫能與之爭。

DỊCH NGHĨA

1. Sông biển sở dĩ làm đặng vua trăm hang.
Vì nó khéo đứng dưới thấp, Nên làm vua đặng trăm hang.

2. Bởi vậy,
Muốn ngồi trên dân, Hẳn lấy lời mà hạ mình.
Muốn đứng trước dân, Hẳn lấy mình để ra sau.
Vậy nên, Thánh nhơn Ở trên mà dân không hay nặng.
Ở trước mà dân không thấy hại.
Vì thế,
Thiên hạ không chán, lại còn đẩy tới trước, Bởi đó không tranh, Nên thiên hạ không cùng tranh với đó được.

BÌNH CHÚ

A. Lão Tử lấy sông và biển để cụ thể hóa và minh chứng cái chủ trương *"bất cảm vi thiên hạ tiên"* và *"bất tranh"*…Kìa như sông, biển sở dĩ làm được vua các hang hóc là nhờ đâu?

Nhờ nó ở chỗ thấp nhất.

B. Vậy, nếu muốn ngồi trên dân chúng, hãy tự mình khiêm cung bằng lời nói; nếu muốn cầm đầu nhân dân, phải đứng đàng sau lưng họ. Một nguyên tắc xử thế điển hình của Lão Tử và đã được nói đi nói lại nhiều lần. Đồng một ý nghĩa với câu "Hậu kỳ thân nhi thân tiên"（後其身而身先）.

Bậc Thánh nhơn trị nước, ngồi trên đầu dân mà dân không hay có mình ngồi trên đầu, dẫn đạo dân mà dân không cảm thấy bàn tay của mình dắt dẫn. Bởi vậy, người dân không chán, lại còn đưa đẩy lên ngôi cao… Là vì Thánh nhơn trị nước bằng Đạo vô vi. Luôn luôn đứng dưới thấp, ở đàng sau, thì người dân còn chỗ nào để tranh chấp; bởi vậy, "vì không tranh mà thiên hạ không sao cùng tranh với họ được".

Trị nước bằng Đạo hữu vi lại không phải thế: thường hay can thiệp đến việc dân một cách quá rõ ràng, nên người dân cảm thấy là bị trị. Do đó mới có sanh ra tâm trạng chống đối, thì bậc trị nước phải lo đề phòng để củng cố uy quyền bằng pháp lệ bủa giăng… Giữa cấp thống trị và bị trị đã có chỗ tranh nhau, thì trước và sau sẽ có kẻ thắng người bại. Ngày mà người dân cảm thấy sức nặng của người trên đè xuống, cảm thấy cái bàn tay dắt dẫn chỉ đạo quá gắt gao còng giữ, họ sẽ đâm chán, mong mỏi vứt quăng gánh nặng, vượt khỏi cái bàn tay sắt buộc ràng… Dùng cái Đạo hữu vi mà trị nước là tạo cho nhân dân có chỗ cùng tranh với ta… là nguy vậy.



CHƯƠNG 67

1. Thiên hạ giai vị ngã Đạo đại Tự bất tiếu Phù duy đại, Cố Tự bất tiếu Nhược tiếu cửu hĩ, Kỳ tế dã phù!
天下皆謂我道大
似不肖
夫惟大
故
似不肖
若肖 久矣
其細也夫!

B Ngã hữu tam bửu Trì nhi bảo chi: Nhất viết từ; Nhị viết kiệm; Tam viết bất cảm vi thiên hạ tiên: Từ cố năng dũng, Kiệm cố năng quảng.

Bất cảm vi thiên hạ tiên, Cố năng thành khí trưởng.
我有三寶
持而保之:
一曰慈
二曰儉
三曰不敢爲天下先
慈故能勇
儉故能廣
不敢爲天下先
故能成器長。

2. Kim xá từ thả dũng, Xá kiệm thả quảng.
Xá hậu thả tiên Tử hĩ.
今舍慈且勇
舍儉且廣
舍後且先
死矣!
D Phù từ dĩ chiến tắc thắng Dĩ thủ tắc cố.
Thiên tướng cứu chi, Dĩ từ vệ chi.
夫慈以戰則勝
以守則固

天將救之
以慈衛之。

DỊCH NGHĨA

1. Thiên hạ đều gọi Đạo ta là lớn mà dường như không giống chi cả.
   Bởi nó lớn nên
   Nó không giống chi cả.
   Nhược bằng Nó giống vật chi, Thì Nó đã nhỏ lâu rồi!

2. Ta có ba vật báu, hằng nắm giữ và ôm ấp: Một là "Từ";
   Hai là "Kiệm";
   Ba là "Không dám đứng trước thiên hạ"
   Từ mới có Dũng,
   Kiệm mới có rộng,
   Không dám đứng trước thiên hạ thì được ngôi cao.

3. Nay, nếu bỏ Từ để được Dũng, bỏ Kiệm để được Rộng, bỏ Sau để đứng Trước là chết vậy!

4. Lấy Từ mà tranh đấu thì thắng; Lấy Từ mà cố thủ thì vững.
   Trời mà muốn cứu ai, Lấy Từ mà giúp đó.

BÌNH CHÚ

A. "Đạo khả đạo, phi thường Đạo…" (chương 1). Đạo mà nói đặng, gọi đặng là vì có chỗ giống. Có chỗ giống mới có thể dùng lời nói mà so sánh miêu tả, tức là Đạo đã có chỗ cùng. Như vậy, không còn có thể gọi Nó là lớn nữa, lớn một cách tuyệt đối.

Như thế, ta thấy dùng danh từ của giới nhị nguyên mà diễn tả những chân lý của giới nhất nguyên thật là khó khăn hết sức. Mỗi khi ta nói đến "lớn" thì óc ta liên tưởng đến một cái gì tương đối thôi, nghĩa là lớn hơn cái nhỏ, và dĩ nhiên nhỏ hơn cái lớn khác… và cứ như thế, thì nhỏ cũng sẽ vô cùng, mà lớn cũng sẽ vô tận. Đọc Lão Tử phải biết thoát ra khỏi quan niệm nhị nguyên để thông cảm những gì không thể miêu tả ra đặng bằng lời nói câu văn con người.

B. "Từ"（慈）là lòng yêu thương mọi người, bất luận là kẻ thiện người ác, và hay tha thứ độ lượng: "Thiện giả ngô thiện chi, bất thiện giả ngô diệc thiện chi… Tín giả ngô tín chi, bất tín giả ngô diệc tín chi."（善者吾善 之，不善者吾亦善之。。。 信者吾信之，不信者吾亦信 之。(Chương 49)

Lấy "oán báo oán" là việc thường tình, nhưng "lấy đức mà báo oán", tha thứ và yêu thương kẻ đã làm hại ta, phải là bậc đại dũng trên đời, phải là kẻ đã thắng được lòng ham sống và ích kỷ của mình: "Thắng người là có sức, thắng được mình mới thực là người mạnh" *(Thắng nhơn giả hữu lực, tự thắng giả cường)*. *"Từ"*（慈）là kẻ dũng mãnh nhất trên đời. Cho nên mới nói: *"Từ cố năng dũng"*（慈故能勇）.

"Kiệm"（儉）tức là biết ức chế lòng vị kỷ, thích xa xỉ và thỏa mãn thú tính của nhân thân. Lão Tử đã thường khuyên: *"khứ thậm, khứ xa, khứ thái"*. *Xa* là xa xỉ. *Thái* là kiêu sa. Đây là cái bệnh rất nguy hiểm cho bậc cầm quyền trị nước. *"Trì nhi doanh chi, bất như kỳ dĩ… Sủy nhi chuyết chi, bất khả trường bảo. Kim ngọc mãn đường, mạc chi năng thủ. Phú quý nhi kiêu, tự di kỳ cữu."*（持而盈之，不如其已; 揣而梲之，不可長保。金玉滿堂，莫之 能守。富貴而驕, 自遺其咎。(Chương 9)

"Kiệm" là tránh xa xỉ, tránh xa xỉ để mà lập lại sự thăng bằng xã hội vì nghèo giàu quá chênh lệch, để mà thực hiện sự công bình trong xã hội bằng sự "tổn hữu dư", "bổ bất túc". Bậc trị nước mà

không biết "kiệm ước" sẽ không bao giờ làm nên đại sự. Cho nên mới bảo: *"Kiệm, cố năng quảng"*（儉故能廣）. Chữ "quảng"（廣）ở đây có nghĩa là những công trình quảng đại.

"Bất cảm vi thiên hạ tiên" 不敢為天下先

Không dám đứng trước thiên hạ, là không tranh, không kiêu thái, không lấy mình làm gương mẫu để bắt kẻ khác phải tùng theo… Theo luật quân bình "cao giả ức chi, hạ giả cử chi" thì việc "hậu kỳ thân, nhi thân tiên" là lẽ thường. Cho nên mới nói "bất cảm vi thiên hạ tiên, cố năng thành khí trưởng".

Chữ "khí"（器）đây, thời xưa vẫn dùng lẫn lộn để chỉ chung người và vật（人物之道稱）. Chữ "khí trưởng"（器長）ở đây có nghĩa là "vi thiên hạ chi trưởng"（為天 下之長）, tức là bậc chủ tể trong nước.

C. *"Kim xá Từ thả dũng,*
Xá Kiệm thả quảng,
Xá hậu thả tiên, tử hĩ."

今舍慈且勇
舍儉且廣
舍後且先,死矣。

Chữ "kim"（今）ở đây ám chỉ "người ngày nay"（今人）.

Thế mà, người ngày nay (các bậc vua chúa) lại bỏ Từ để được Dũng, bỏ Kiệm để được đại sự, bỏ Sau để được Trước, nghĩa là chỉ muốn được Dũng (Mạnh) mà không cần đến lòng Từ, muốn tranh đại sự mà không cần kiệm ước, muốn đứng trên thiên hạ mà không biết nhún nhường khiêm tốn… Đó là họ đi vào chỗ chết vậy. Tại sao? Dũng mà thiếu Từ, thì là bạo tàn; làm đại sự mà thiếu kiệm, thì làm khổ nhân sinh bằng sự đặt trên đầu họ sưu cao thuế nặng và bóc lột; làm bậc trên thiên hạ mà thiếu khiêm nhu từ tốn là làm nhục thiên hạ, thế mà không chết thì là một sự may mắn lạ thường!



CHƯƠNG 68

1. Thiện vi sĩ giả bất vũ, Thiện chiến giả bất nộ.
Thiện thắng địch giả bất dữ.
善爲士者不武
善戰者不怒
善勝敵者不與。

2. Thiện dụng nhơn giả vi chi hạ
Thị vị bất tranh chi đức.
Thị vị dụng nhơn chi lực.
Thị vị phối thiên cổ chi cực.
善用人者爲之下
是謂不爭之德
是謂用人之力
是謂配天古之極。

DỊCH NGHĨA

1. Người tướng giỏi không dùng vũ lực.
   Người chiến đấu giỏi không giận dữ.
   Khéo thắng địch là không tranh với đó.

2. Khéo dùng người là hạ mình giúp đó.
   Đó là cái đức của sự không tranh.
   Đó là cái thuật của sự dùng người.
   Đó là hợp với chỗ cùng cực của Đạo Trời vậy.

BÌNH CHÚ

Đây, Lão Tử lấy theo binh cơ mà luận về cái Đức "bất tranh"（不爭）, cái Đạo "nhu nhược thắng cương cường", cái Đạo "dĩ tiện vi căn, dĩ hạ vi cơ" của ông.

A. Người tướng giỏi đâu phải là người dùng đến vũ lực mà đánh người trước; nhà chiến sĩ giỏi đâu phải là người dùng sự phẫn nộ mà đối lại với kẻ lăng phạm mình. Kẻ khéo nhất trong sự thắng kẻ địch là không cần tranh với họ mà vẫn thắng được một cách dễ dàng. Đó là nguyên tắc chánh trong phép dùng nhu thuật.

Kẻ khéo dùng và sai khiến người là kẻ không tự phụ, kiêu căng, là kẻ biết hạ mình cầu người, là kẻ biết "hậu kỳ thân, nhi thân tiên", "ngoại kỳ thân, nhi thân tồn" vậy.



CHƯƠNG 69

1. Dụng binh hữu ngôn: Ngô bất cảm vi chủ nhi vi khách, Bất cảm tiến thốn nhi thối xích: 用兵有言
吾不敢爲主而爲客
不敢進寸而退尺。

2. Thị vị hành vô hành, Nhương vô tý, Nhưng vô địch, Chấp vô binh.
是謂行無行
攘無臂
扔無敵
執無兵。

3. Họa mạc đại ư khinh địch, Khinh địch cơ táng ngô bửu.
Cố
Kháng binh tương gia, Ai giả thắng hĩ.
禍莫大於輕敵
輕敵幾喪吾寶。
故
抗兵相加
哀者勝矣。

DỊCH NGHĨA

1. Dụng binh có câu:
   Thà làm khách, hơn làm chủ.
   Thà thối một bước, hơn tiến một tấc.

2. Đó gọi là: bước mà không đi tới; Nhượng mà không xăn tay; Bắt giặc mà không đối địch; Cầm giữ mà không binh khí.

3. Không có họa nào lớn bằng khinh địch.
   Khinh địch thì mất của báu.
   Nên, hai bên giao binh, Kẻ nhường là thắng.

BÌNH CHÚ

Đây là lấy binh thư mà bàn đến đạo xử thế: "Bất tranh nhi thiện thắng"（不爭而善勝）.

Đoạn này có lẽ do các nhà binh pháp thêm vào, đều là phép dùng Nhu thuật.

Đây cũng là những nguyên tắc đã được đem ra áp dụng trong phép tranh đấu của Nhu thuật và Nhu đạo柔道 (Jiu-Jitsu và Judo).



CHƯƠNG 70

1. Ngô ngôn thậm dị tri, thậm dị hành.
Thiên hạ mạc năng tri, mạc năng hành.
我言甚易知甚易行。
天下莫能知,莫能行。

2. Ngôn hữu tông, Sự hữu quân.
言有宗
事有君。

3. Phù duy vô tri, Thị dĩ bất ngã tri.
Tri ngã giả hi, Tắc ngã giả quý.
Thị dĩ Thánh nhơn.
Bị hạt hoài ngọc.
夫唯無知
是以不我知
知我者希
則我者貴。
是以聖人
被褐懐玉。

DỊCH NGHĨA

1. Lời của ta, rất dễ hiểu, rất dễ làm.
Thế mà, thiên hạ không hay hiểu, không hay làm.

2. Lời của ta có gốc,
Việc của ta có chủ.

3. Vì thiên hạ không hiểu được cái chỗ đó, Nên không hiểu được ta.
Hiểu ta, ít kẻ, Nên ta mới quý.
Vì vậy, bậc Thánh nhơn, Ngoài mặc bô vải, mà lòng đầy châu ngọc.

BÌNH CHÚ

Chương này diễn cái ý sẽ được lặp lại ở chương 81 sau này:*"Tín ngôn bất mỹ, mỹ ngôn bất tín…"*. Ngoài cái hình thức mộc mạc, bên trong chứa đầy châu ngọc（信言 不美，美言不信）.

Đạo của ông nói rất giản dị, chỉ quy về cái Một, không chi ly, phiền phức… nên ông bảo: *"Ngô ngôn thậm dị tri, thậm dị hành"*（吾言甚易知，甚易行）.

Nắm được chỗ trọng yếu của học thuyết Lão Tử, tức là Đạo, thì mới hiểu được tất cả tư tưởng của ông, nên mới nói: *"Ngôn hữu tông, sự hữu quân. Phù duy vô tri, thị dĩ bất ngã tri"*（言有宗，事有君，夫唯無知，是以不我知）.



CHƯƠNG 71

1. A Tri bất tri thượng, Bất tri tri bệnh 知不知上
   不知知病。

2. Phù duy bệnh bệnh, Thị dĩ bất bệnh.
   夫唯病病
   是以不病。

3. Thánh nhơn bất bệnh, Dĩ kỳ bệnh bệnh, Thị dĩ bất bệnh.
   聖人不病
   以其病病
   是以不病。

DỊCH NGHĨA

Có hai cách dịch

1. **A**. Biết được cái không biết, là cao.
   Không biết cái biết đó, là bệnh, **B**. Biết đó là bệnh, Thì không bệnh nữa.
   C. Thánh nhơn không bệnh, Vì biết đó bệnh,
   Nên không bệnh nữa.

2. **A**. Biết mà cho là không biết, thì cao, Không biết mà cho là biết, thì bệnh.
   B. Biết đó là bệnh, Thì không bệnh nữa.
   C. Thánh nhơn không bệnh, Vì biết đó bệnh,
   Nên không bệnh nữa.

BÌNH CHÚ

A. Trong hai cách dịch câu "Tri bất tri thượng" thì cách dịch đầu cũng có lý của nó, vì nó hợp với tôn chỉ của Lão Tử, thường đề cao cái Đạo, tức là cái "bất khả tri" (không thể biết được) vì Đạo, như ông đã nói, thì "bất khả đạo": "Đạo khả Đạo, phi thường Đạo". Đạo là một lẽ tuyệt đối, bất khả tư nghị. Cái đó là điều ta nên biết. Còn cái biết thường, tức là cái "tri thức" của giới nhị nguyên là cái biết chi ly vụn vặt và sai lầm. Cái biết kia, biết Đạo, biết cái "không thể biết" mới thật là cái biết cao xa quan trọng thôi. Bởi vậy, ở chương 56, ông nói: "Tri giả bất ngôn, ngôn giả bất tri"（知者不言，言者不知）. Biết thì không nói (vì không thể nói được cái không thể tư nghị) còn nói ra được thì không còn phải là Đạo nữa, kẻ ấy tức là người không biết Đạo). Đạo, có thường, có biến. Nói ra được, là biến đạo.

Trái lại, nếu hiểu theo cách thứ hai là "biết mà như không biết" cũng có lý nữa, vì nó cùng một ý với câu: *"Tri kỳ hùng, thủ kỳ thư"* ở chương 28. "Biết như con trống, giữ như con mái", tức cùng một nghĩa với câu: *"Thông minh duệ trí, thủ chi dĩ ngu"*.

B. Bệnh mà biết mình bệnh là bắt đầu khỏi bệnh. Cũng như người ta thường nói: "Dại, mà biết mình dại, là bắt đầu khôn; mê, mà biết mình mê, là bắt đầu tỉnh".



CHƯƠNG 72

1. Dân chi úy uy, Tắc đại uy chí.
民不畏威
則大威至。

2. Vô hiệp kỳ sở cư, Vô yếm kỳ sở sanh.
Phù duy bất yếm, Thị dĩ bất yếm.
無狎其所居
無厭其所生
夫唯不厭
是以不厭。

3. Thị dĩ Thánh nhơn, Tự tri bất tự kiến.
Tự ái bất tự quý.
Cố
Khứ bỉ thủ thử.
是以聖人
自知不自見
自愛不自貴
故
去彼取此。

BÌNH CHÚ

A Dân mà không sợ cái đáng sợ, Tất cái sợ lớn phải đến.
B Đừng chê hẹp chỗ ở của mình.
Đừng chán đời sống của mình.
Vì ta không chê,
Nên ta không chán.
C Bởi vậy Thánh nhơn, Biết mình, mà không tự xem là sáng.
Yêu mình mà không quý mình.
Nên bỏ đây mà giữ đó.

Dịch nghĩa

A *"Dân chi úy uy* Tắc đại uy chí."
民不畏威
則大威至。

Chữ *"uy"*（威）và chữ *"úy"*（畏）, xưa vẫn dùng chung một nghĩa. Nghĩa câu này là: Khi nào con người không biết sợ những điều đáng sợ, thì cái đáng sợ lớn sẽ đến（人不畏其所當畏，則大可畏者至矣）.

"Những điều đáng sợ" là ám chỉ bệnh hoạn, tai ách do lòng dục của con người gây nên. "Cái đáng sợ lớn" (đại úy) là ám chỉ sự chết.

Trong cuộc sống hằng ngày, dân không biết sợ cái điều đáng sợ là bệnh hoạn tai ách do lòng dục gây nên, buông mình theo dục vọng, tưởng rằng không gì đáng sợ. Vì quá coi thường hậu quả mà tật xấu càng ngày càng tăng, tội ác càng ngày càng nhiều… Như thế, là vời cái chết đến vậy (xem chương 74).

B. Chỗ ở của mình, đừng chê thấp kém hẹp hòi mà mong mỏi chỗ ở cao rộng hơn, vì mong cao rộng hơn, thì đến đâu mới là thật cao rộng? Và đến đâu mới thật là vừa lòng?

Đời sống của mình, những phương tiện sinh tồn khi nhiều, khi ít… phải biết đủ mà đừng chán ghét nó. Nếu chê là ít, thì biết bao nhiêu mới là đủ, vừa với lòng tham muốn của con người? Đừng chán ghét, cho là chưa xứng với địa vị của mình.

Đây là chỗ mà Lão Tử thường căn dặn: *"Họa mạc đại ư bất tri túc"* (chương 46) và *"tri túc bất nhục, tri chỉ bất đãi"*(chương 44)…

"Phù duy bất yếm Thị dĩ bất yếm."
夫唯不厭 是以不厭。

"Vì ta không chê, nên ta không chán". Ở đây, không phải Lão Tử thuyết an mạng theo cái nghĩa như phần đông đã hiểu là bằng lòng với số phận mà người trên đã đặt để cho mình một cách giả tạo bất công. *"An mạng"* đây là *"các an kỳ sở an, bất an kỳ sở bất an"*, nghĩa là an theo cái mạng mà Tạo hóa đã an bài. Như vậy, trước hết phải biết mình *(tự tri)*, thật biết sở trường sở đoản của mình để mà *"tri túc"*（知足）*, "tri chỉ"*（知止）*, "vô yếm kỳ sở sanh"*（無厭其所生）. Hai chữ *"tự tri"*（自知）là then chốt của thuyết an mạng. Mạng đây cũng không phải cùng một nghĩa với chữ "mạng" của nhà lý số, mà là cái mà Trời đã phú cho mỗi người, không thể cầu được mà cũng không thể trốn được.

Cho nên Thánh nhơn: *"Tự tri bất tự kiến, tự ái bất tự quý"*（自知不自見，自愛不自貴）. Biết mình để mà an với mạng, chứ không phải biết mình để tự xem mình là gương mẫu, thấy có mình mà không thấy có người, quý mình mà khinh kẻ khác.

"Cố khứ bỉ thủ thử" 故去彼取此 "Nên, bỏ đó mà giữ đây". "Bỏ" đó là bỏ thành kiến "tự kiến", "tự quý"（自見，自貴）. Còn "giữ" đây là giữ quan niệm "tự tri" và "tự ái"（自知，自愛）.



CHƯƠNG 73

1. Dũng ư cảm tắc sát, Dũng ư bất cảm tắc hoạt.
Thử lưỡng giả hoặc lợi hoặc hại.
勇於敢則殺
勇於不敢則活
此兩者或利或害。

2. Thiên chi sở ố, Thục tri kỳ cố?
Thị dĩ Thánh nhơn do nan chi.
天之所惡
孰知其故?
是以聖人猶難之。

3. Thiên chi Đạo: Bất tranh nhi thiện thắng.
Bất ngôn nhi thiện ứng Bất triệu nhi tự lai Xiển nhiên thiện mưu.
天之道
不爭而善勝
不言而善應
不召而自來
繟然而善謀。

4. Thiên võng khôi khôi, Sơ nhi bất thất.
天網恢恢
疏而不失。

DỊCH NGHĨA

1. Cái dũng của sự dám làm thì chết, Cái dũng của sự không dám làm thì sống.
   Hai cái đó, hoặc có lợi, hoặc có hại,

2. Cái chỗ ghét của Trời, Ai hay được duyên cớ?
   Bậc thánh cũng vấp chỗ khó đó!

3. Đạo của Trời:
   Không tranh mà lại thắng; Không nói mà có kẻ nghe; Không gọi mà tự đến;
   Thong thả mà xong việc.

4. Lưới trời lồng lộng,
   Thưa mà chẳng lọt.

BÌNH CHÚ

A. Cái dũng của kẻ "hữu vi" thì chết. Cái dũng của kẻ "vô vi" thì sống.

"Hữu vi" thì tranh đấu, gây hấn, đem mình lên trên để cầu thắng, đem mình đến trước để cầu tiến… thì là cái dũng của kẻ dùng đến bạo lực, dùng cương cường để thắng cương cường… Cái dũng ấy đưa mình đến chỗ chết.

Trái lại, cái dũng của "vô vi" thì tranh mà dùng phép "bất tranh" mà thắng, lui để mà tiến, đem mình ra sau để được đến trước, cúi xuống để vượt lên cao, dùng nhu nhược để thắng cương cường… Cái dũng ấy giúp mình được sống.

B. "Chỗ ghét của Trời" 天之所惡: "Trời" đây, tức là Đạo. "Ghét" là sự không chịu, không dung được. Đạo ghét cái gì bộc lộ quá, cái gì thái quá, Đạo là quân bình. Vì vậy, bậc Thánh nhơn thấy khó mà can dự đến việc người một cách tích cực.

C.Đạo của Trời "không tranh mà thắng", không nói mà tự nhiên người người nghe theo, không kêu gọi mà tự nhiên thiên hạ quy về, việc gì cũng dường như để mặc tự nhiên mà việc gì cũng xong cả.

Đó là cái Đức của vô vi, "vô vi nhi vô bất vi" mà Lão Tử đã không ngớt lặp đi lặp lại mãi.

D. Đạo chi phối vạn vật như cái lưới bao trùm: không một sự vật gì có thể thoát khỏi những định luật của Tạo hóa.



CHƯƠNG 74

1. Dân bất úy tử, Nại hà dĩ tử cụ chi?
Nhược sử dân thường úy tử
Nhi vi kỳ giả
Ngô đắc chấp nhi sát chi.
Thục cảm?
民不畏死
奈何以死懼之?
若使民常畏死
而爲奇者,
吾得執而殺之
孰敢?
B Thường hữu tư sát giả sát.
常有司殺者殺。

2. Phù đại tư sát giả sát, Thị vị đại đại tượng trác.
Phù đại đại tượng trác giả, Hi hữu bất thương kỳ thủ hĩ.
夫代司殺者殺
是謂代大匠斲
夫代大匠斲者
希有不傷其手矣。

DỊCH NGHĨA

1. Dân bất úy tử,
   Làm sao lấy chết dọa đó?
   Nhược bằng khiến dân thường sợ chết.
   Và lại có người phạm pháp, Ta bắt được và giết đi, Để không ai còn dám vi phạm nữa.
   Ai dám làm việc đó?

2. Thường có đấng Tư Sát để mà giết.

3. Nay ta lại thế đó mà giết, Có khác nào thế tay thợ đẽo.
   Thế tay thợ đẽo,
   Ít thấy chẳng bị đứt tay.

BÌNH CHÚ

A. Chương này Lão Tử chống lại những hình phạt tru lục của Pháp gia (法家) để trị dân ở thời buổi ấy.

"Dân bất úy tử
Nại hà dĩ tử cụ chi."

民不畏死
奈何以死懼之。

Ham sống, sợ chết là thiên tính con người, nhưng *làm cho dân không sợ chết nữa là vì đã quá dùng cái chết sát phạt nó*. Đó là một chân lý, mới xem dường như là trái ngược với lẽ thường, nhưng là một chân lý. Trong những chế độ hà khắc, hay dùng đến cực hình, dân chúng hằng ngày sống trong cảnh không ngày mai, thét rồi họ không còn sợ chết nữa. Dân mà không sợ chết nữa, thì dùng cái chết mà dọa chúng, có ích gì?

Các nhà xã hội học ngày nay cũng đã chứng tỏ rằng: cực hình càng tăng, số tội ác lại càng thêm.

B. Trái lại, khi dân chúng sống trong an ninh và hạnh phúc: họ lại ham sống và sợ chết.

Khi mà họ biết sợ chết, giả sử lại có kẻ phạm phép nước, ta bắt và đem giết đi, thì có thể làm cho kẻ khác sợ mà không dám làm tội ác nữa. Nhưng, giết người, ai dám làm việc ấy?

C. Có Trời (Tư Sát 司殺) giết. Ta không nên thay Trời mà giết người. Thay Trời mà giết người, thì có khác nào ta thay người thợ đẽo mà đẽo, làm cái việc không phải của mình, thì ít khi thấy được chẳng bị đứt tay.

Ở đây ta thấy Lão Tử chống đối tử hình (死刑).



CHƯƠNG 75

1. Dân chi cơ, Dĩ kỳ thượng thực thuế chi đa, Thị dĩ cơ.
民之饑
以其上食稅之多
是以饑。

2. Dân chi nan trị.
Dĩ kỳ thượng chi hữu vi.
Thị dĩ nan trị.
民之難治
以其上之有爲
是以難治。

3. Dân chi khinh tử, Dĩ kỳ cầu sanh chi hậu Thị dĩ khinh tử.
民之輕死
以其求生之厚
是以輕死。

4. Phù duy vô dĩ sanh vi giả.
Thị hiền ư quý sanh.
夫唯無以生爲者
是賢於貴生。

DỊCH NGHĨA

1. Dân mà đói,
   Là vì trên bắt thuế nhiều.
   Nên mới đói.

2. Dân mà khó trị, Là vì trên dùng Đạo hữu vi Nên mới khó trị,

3. Dân mà khinh chết, Là vì trọng cầu sự sống.
   Nên mới khinh chết.

4. Kẻ nào không làm gì cả để sống.
   Ngoan hơn kẻ cố làm để sống.

BÌNH CHÚ

A. Đoạn văn này tầm thường dễ hiểu: dân mà đói khó là vì bị nhiều sưu thuế.

B. *"Dân chi nan trị*

Dĩ kỳ thượng chi hữu vi."

民之難治 以其上之有爲。

Lão Tử muốn bảo: dùng Đạo hữu vi mà trị, can thiệp vào việc làm của dân, làm cho dân khó trị. Nên dùng vô vi mà trị là hay hơn. Người trị nước cần phải *"sanh nhi bất hữu; vi nhi bất thị; trưởng nhi bất tể"* (xem chương 10 và 51).

C *"Dân chi khinh tử*

Dĩ kỳ cầu sanh chi hậu."

民之輕死

以其求生之厚。

Xem lại chương 50: *"Nhơn chi sanh, động chi tử; diệc thập hữu tam… Dĩ kỳ sanh chi hậu"* (Cái sống của con người đi tới chỗ chết cũng có mười ba… Vì quá lo tận sống cái sống của mình…) nên lao tâm khổ tứ mà chết.

Chữ *"khinh tử"* 輕死 không phải là không biết sợ chết, mà là khinh thường cái chết một cách vô tâm.

D. Tóm lại kẻ nào sống một cách thản nhiên, không sợ sống cũng không sợ chết… ngoan hơn là kẻ cố gắng sống một cách giả tạo, băn khoăn, lo lự để chiếm đoạt cho mình, để thỏa mãn vật dục, để lên mặt, kể ân và cậy công, để chuyên quyền áp bức kẻ khác dưới mọi hình thức, dưới mọi danh nghĩa dối trá. Chữ "vi" 為 đây là nói về "hữu vi".



CHƯƠNG 76

1. Nhơn chi sanh dã nhu nhược.
Kỳ tử dã kiên cường.
人之生也柔弱，
其死也堅強。

2. Vạn vật thảo mộc chi sanh dã nhu thúy, Kỳ tử dã khô cảo; 萬物草木之生也柔脆
其死也枯槁。

3. Cố
Kiên cường giả, Tử chi đồ; Nhu nhược giả, Sanh chi đồ.
故
堅强者
死之徒
柔弱者
生之徒。

4. Thị dĩ binh cường tắc bất thắng, Mộc cường tắc chiết.
是以兵强則不勝
木强則折。

5. Cố
Kiên cường xử hạ.
Nhu nhược xử thượng.
故
堅强處下
柔弱處上。

DỊCH NGHĨA

1. Người khi mới sanh thì mềm, yếu; Mà khi chết, thì cứng và mạnh.

2. Vạn vật cây cỏ, mới sanh thì mềm dịu; Mà khi chết, thì khô héo.

3. Nên,
   Cứng và mạnh là bạn của chết; Mềm và yếu là bạn của sống.

4. Ấy nên,
   Binh mạnh thì không thắng; Cây mạnh thì ắt gãy.

5. Cứng và mạnh, ở bậc dưới; Mềm và yếu ở bậc trên.

BÌNH CHÚ

Đây là cùng một ý với *"Nhu nhược thắng cang cường"* và*"bất tranh nhi thiện thắng"* của Lão Tử, những tư tưởng thông thường của ông đã làm nòng cốt cho học thuyết của ông.



CHƯƠNG 77

1. Thiên chi Đạo, kỳ do trương cung dư?

Cao giả ức chi, Hạ giả cử chi; Hữu dư giả tổn chi; Bất túc giả bổ chi.

Thiên chi Đạo: Tổn hữu dư nhi bổ bất túc.

天之道，其猶张弓與？
高者抑之
下者举之
有餘者損之
不足者補之。
天之道
損有餘而補不足。

2. Nhơn chi Đạo tắc bất nhiên: Tổn bất túc dĩ phụng hữu dư.

Thục năng hữu dư dĩ phụng thiên hạ?
Duy hữu Đạo giả.
人之道則不然
損不足以奉有餘。
孰能有餘以奉天下?
唯有道者。

3. Thị dĩ Thánh nhơn, Vi nhi bất thị, Công thành nhi bất xử, Kỳ bất dục kiến hiền.

是以聖人
爲而不侍
功成而不處
其不欲見賢。

DỊCH NGHĨA

1. Đạo Trời ư? Khác nào cây cung giương lên: Chỗ cao, thì ép xuống, Chỗ thấp thì nâng lên.
   Có dư, thì bớt đi.
   Không đủ, thì bù vào.
   Đạo của Trời:
   Bớt chỗ dư.
   Bù chỗ thiếu.

2. Đạo của Người thì không vậy: Bớt chỗ thiếu,
   Bù chỗ dư.
   Ai đâu có dư để bù cho thiên hạ.
   Nếu không phải kẻ đã được Đạo!

3. Bởi vậy, Thánh nhơn: Làm mà không cậy công, Công thành rồi, không ở lại, Không muốn ai thấy tài hiền của mình.

BÌNH CHÚ

A. Chương này dùng hình ảnh cây cung giương lên để ví hành động của Đạo. Đạo, là quân bình: *"Bổ bất túc, tổn hữu dư"* (bù chỗ thiếu, bớt chỗ dư). Đây là yếu điểm học thuyết của Lão Tử.

B. Đạo Người thì khác: bù chỗ dư, bớt chỗ thiếu. Bởi vậy, kẻ giàu giàu thêm, kẻ nghèo nghèo thêm. Xã hội vì vậy mà chênh nghiêng, họa chiến tranh vì đó mà diễn ra giữa những giai cấp cùng đinh và phú hào.

C. Thánh nhơn vì vậy, *"làm mà không cho là mình làm"* nên không cậy công, mà bắt thiên hạ nhớ ân; thành công rồi thì đi, không ở lại hưởng…

Toàn là những hành động của vô vi, cũng không muốn ai thấy tài an bang tế thế của mình và tham quyền cố vị… Khác với Đạo hữu vi có bấy nhiêu đó mà thôi. Vì vậy, dân không thù, người không oán: "Ngoại kỳ thân nhi thân tồn". Đó là "bậc *vô kỷ, vô công* và *vô danh*", người đời khó lòng theo kịp.



CHƯƠNG 78

1. Thiên hạ mạc nhu nhược ư thủy, Nhi công kiên cường giả, Mạc chi năng thắng.
Kỳ vô dĩ dị chi.
天下莫柔弱於水
而攻坚强者
莫之能胜
其无以易之。

2. Nhu thắng cương, Nhược thắng cường.
Thiên hạ mạc năng tri, mạc năng hành.
弱之胜强
柔之胜刚
天下莫不知，莫能行。

3. Thị dĩ Thánh nhơn vân: Thọ quốc chi cấu, Năng vi xã tắc chủ.
Thọ quốc bất tường, Năng vi thiên hạ vương.
Chánh ngôn nhược phản.
是以圣人云:
受国之垢
是谓社稷主
受国不祥
是为天下王。
正言若反。

DỊCH NGHĨA

1. Dưới trời, mềm yếu, không chi hơn nước.
Không chi hơn đó được.
Không chi thế đó được.

2. Mềm thắng cứng,
Yếu thắng mạnh.
Dưới trời không ai không biết, Nhưng không ai có thể làm được.

3. Bởi vậy Thánh nhơn nói: “Dám nhận lấy bụi bặm của nước, Mới có thể làm được chủ xã tắc.
Dám nhận lấy sự không may của nước, Mới có thể làm vua thiên hạ.”
Lời ngay nghe trái ngược.

BÌNH CHÚ

A. Đoạn văn này không chi khó hiểu. Lão Tử lấy nước ví cái Đức của bậc thánh nhơn trị nước.

B. Ông ca tụng công dụng của cách xử thế: lấy nhu mà thắng cương, lấy nhược mà thắng cường.

C. Bậc thánh nhơn "hậu kỳ thân, nhi thân tiên" vì biết Đạo là quân bình, hễ *"cao giả ức chi, hạ giả cử chi"*(chương 77), nên ở trên cao thì hạ mình xuống thấp để đừng làm chênh lệch đòn cân của Đạo.

"Chánh ngôn nhược phản" 正言若反

Lời nói "chánh", đúng với chánh lý, thì *dường như* là lời nói ngược với ý thức thông thường.

Chương này thừa tiếp ý nghĩa của chương 76: *"Kiên cường giả, tử chi đồ; nhu nhược giả, sanh chi đồ"*（堅強者 死之徒，柔弱者生之徒）… *"Kiên cường xử hạ; nhu nhược xử thượng"*（堅強處下，柔弱處上）.



CHƯƠNG 79

1. Hòa đại oán, tất hữu dư oán, An khả dĩ vi thiện.
和大怨, 必有餘怨
安可以爲善。

2. Thị dĩ thánh nhơn Chấp tả khế nhi bất trách ư nhơn.
是以聖人
執左契而不責於人。

3. Hữu đức tư khế, Vô đức tư triệt.
有德司契
無德司徹。

4. Thiên Đạo vô thân, Thường dữ thiện nhơn.
天道無親
常與善人。

DỊCH NGHĨA

1. Hòa được oán lớn, vẫn còn oán thừa, Sao cho thế là phải?

2. Ấy nên Thánh nhơn
Cầm tờ hợp ước bên trái mà không trách người.

3. Kẻ Đức, thì hợp lại, Người không Đức, thì phân ra.

4. Đạo Trời không thân ai, Thường gia ân cho người lành.

BÌNH CHÚ

A. *"Hòa đại oán, tất hữu dư oán."*

和大怨, 必有餘怨。

Chương 63, Lão Tử chủ trương *"dĩ đức báo oán"* (lấy đức mà trả oán). Nếu trái lại, lấy oán mà trả oán, ắt thành ra *oán lớn* (đại oán). Rồi, dù sau có vì lợi mà lấy đức trả oán lớn để giảng hòa, thì thế nào cũng còn *oán thừa* (dư oán), bởi vì vết thương của oán lớn không dễ lành và cũng không thể lành.

B. *"Thánh nhơn chấp tả khế nhi bất trách ư nhơn."*

聖人執左契而不責於人。

"Tả khế" là phần bên tả của tờ hợp ước. Ngày xưa tờ hợp ước của hai vua, chép làm hai bổn cùng trong một tờ, một bản bên tả, một bản bên hữu, rồi chia hai tờ ấy, mỗi người giữ một nửa. Tục xưa, trọng bên hữu, khinh bên tả. Vì vậy, Thánh nhơn chịu lấy bên tả, vì đó là chỗ thiên hạ khinh. Khinh nên không tranh. Không tranh nên không oán. Đối với Thánh nhơn không đâu là quý, không đâu là tiện cả.

C. *"Kẻ hữu Đức, thì hợp lại"* (Hữu Đức tư khế 有德司 契). Chữ *khế* 契 có nghĩa là hợp lại（合）.Chữ *triệt* 徹 là phân ra（分）. Hợp cái gì? Hợp ta và người. Phân ra cái gì? Phân ra ta và người.

"Hữu đức giả nhơn kỷ hợp nhất, cố vô oán. Vô đức giả, nhơn ngã chi giới thái minh, cố hữu dư oán dã"（有德 者人己合一，故無怨，無德者人我之界太明，故有餘怨也）.Người "hữu Đức" thấy mình và người là Một, nên không thù oán. Người "vô Đức" thấy sự phân biệt giữa mình và người, nên có oán thừa (dư oán).

D *"Thiên Đạo vô thân* Thường dữ thiện nhân."

天道無親

常與善人。

"Thiện nhân" tức là người sành và thi hành "Đạo Trời". Đạo Trời tuy không thiên vị ai, nhưng thường ban bố ân huệ cho kẻ noi theo con đường Đạo. Chữ *"thiện"* 善 đây không có nghĩa là người lành sánh với kẻ dữ, vì Đạo Trời không thiên cho hạng người nào cả.



CHƯƠNG 80

1. Tiểu quốc quả dân.
Sử hữu thập bách chi khí nhi bất dụng; 小國寡民
使有什伯之器而不用。

2. Sử dân trọng tử nhi bất viễn tỉ.
Tuy hữu chu dư, Vô sở thừa chi.
使民重死而不遠徙
雖有舟輿
無所乘之。

3. Tuy hữu giáp binh, Vô sở trần chi.
雖有甲兵
無所陳之。

4. Sử dân phục kiết thằng nhi dụng chi.
使民復結繩而用之。

5. Cam kỳ thực, Mỹ kỳ phục, An kỳ cư, Lạc kỳ tục.
甘其食
美其服
安其居
樂其俗。

6. Lân quốc tương vọng, Kê khuyển chi thinh tương văn, Dân chí lão tử bất tương vãng lai.
鄰國相望
雞犬之聲相聞
民至老死不相往來。

DỊCH NGHĨA

1. Nước nhỏ, dân ít,
   Dù có mười hoặc trăm thứ binh khí, Cũng không cho dùng đến.

2. Khiến dân sợ chết, mà không đi xa.
   Tuy có thoàn xe,
   Không chỗ ngồi lên.

3. Tuy có giáp binh,
   Cũng không cho dùng đến.

4. Khiến dân dùng lại cách gút dây.

5. Ăn món ngon của nơi đó, Mặc đồ đẹp của nơi đó, Yên nơi mình ở đó, Vui với phong tục của đó.

6. Nước gần cùng trông nhau, Tiếng gà chó cùng nghe chung, Dân đến già, chết không qua lại nhau.

BÌNH CHÚ

A. Nghiêm Phục bảo rằng: đây là phương trị quốc của một tiểu quốc dân chủ ngày xưa, tự túc, tự lập, như trong một thể chế liên bang ngày nay.



CHƯƠNG 81

1. Tín ngôn bất mỹ, Mỹ ngôn bất tín.
Thiện giả bất biện.
Biện giả bất thiện.
Tri giả bất bác, Bác giả bất tri.
信言不美
美言不信。
善者不辯
辯者不善。
知者不博
博者不知。

2. Thánh nhơn bất tích, Ký dĩ vi nhơn kỷ dũ hữu.
Ký dĩ dữ nhơn kỷ dũ đa.
Thiên chi Đạo, lợi nhi bất hại.
Thánh nhơn chi Đạo, vi nhi bất tranh.
聖人不積
既已爲人己俞有
既已與人己俞多
天之道利而不害
聖人之道為而不爭。

DỊCH NGHĨA

1. Lời thành thực không đẹp,
Lời đẹp không thành thực.
Người "thiện" không tranh biện, Người tranh biện không "thiện".
Người trí không học rộng,
Người học rộng không trí.

2. Bực thánh nhơn không thu giữ, Càng vì người, mình càng thêm có, Càng cho người, mình càng thêm nhiều.
Đạo của Trời, lợi mà không hại.
Đạo của Thánh nhơn, làm mà không tranh.

BÌNH CHÚ

A. Đây là chương chót, Lão Tử có lẽ muốn bảo với độc giả: Tôi đã nói xong. Rất có thể các bạn cho rằng lời nói của tôi quê mùa chất phác, không văn hoa sâu sắc gì cả. Là vì “lời thành thực do trong lòng nói ra” sẽ không cầu kỳ trau chuốt: “tín ngôn bất mỹ”, “mỹ ngôn bất tín”.

Lời nói của tôi không cốt làm đẹp lòng các bạn, trái lại nó sẽ là lời nói thẳng.

“Thiện giả bất biện” 善者不辯

Chữ “thiện giả” 善者 đây, không nên hiểu là người lành (đối với kẻ ác 惡者) vì cái học của Lão Tử đứng trên cặp thiện ác, mà ta phải hiểu là kẻ hoàn toàn, thông suốt lẽ Đạo.

Kẻ sành về Đạo, đâu có còn tranh biện, vì đâu cần phải bênh vực lẽ phải của mình nữa. Họ không còn xem chi là thật phải, phải một cách tuyệt đối: “Thiên hạ giai tri mỹ chi vi mỹ, tư ác dĩ; giai tri thiện chi vi thiện, tư bất thiện dĩ.” (Chương 2) *“Tri giả bất bác”* 知者不博

Người “tri” không tham bác, tức là không chạy theo cái học trục vật: “vi học nhật ích”, mà là kẻ trở về, học cái học về Đạo: “vi Đạo nhật tổn” (chương 48).

Chữ 知 ở đây có nghĩa là 智(trí).

B. *“Thánh nhơn bất tích”* 聖人不積

Bậc Thánh là kẻ không tích trữ gì cho mình cả: tiền bạc danh vọng v.v…

“Ký dĩ vi nhơn kỷ dũ hữu.”

既已為人己俞有。

Càng vì người bao nhiêu, thì Đức mình càng thêm sáng. Cho nên vì người mà thực ra là vì mình.

“Ký dĩ dữ nhơn kỷ dũ đa.”

既已與人己俞多。

Càng cho, lại càng giàu. Thế thường hễ cho ra là bớt của mình để bù cho kẻ khác. Nhưng thực ra, càng bớt của mình để cho người, mình lại càng giàu thêm. Giàu đây là giàu lòng nhân, giàu hy sinh, giàu đạo đức, giàu vì không thiếu, không thèm muốn.

“Thiên chi Đạo, lợi nhi bất hại.”

天之道利而不害。

Đạo Trời, lợi mà không có hại. Câu này có mâu thuẫn chăng? Vì đã nói đến lợi thì sao không có hại… Ở đây ta nên hiểu như vầy: giữ được Đạo Trời, tức là am hiểu được cái then chốt của Đạo quân bình, thì mới mong giữ gìn được cái lợi mà không để cho đến đỗi bị phản phúc trở thành cái hại…

Hễ liệu đã "công thành thân thối" thì sao có thể bị hại được. Người ta có giết là giết kẻ đứng đầu, chứ ai lại giết kẻ đứng sau. Cho nên "hậu kỳ thân nhi thân tiên, ngoại kỳ thân nhi thân tồn". "Thiên chi Đạo, lợi nhi bất hại" là vậy.

"Thánh nhơn chi Đạo vi nhi bất tranh."

聖人之道為而不爭。

"Làm mà không tranh" đó là cái Đạo của Thánh nhơn, cái Đạo "bất tranh nhi thiện thắng" đã nói nhiều lần trước đây.



(*) Chương 58

(*) Chương 5

(*) Trang Tử Nam Hoa Kinh (bản dịch của Thu Giang Nguyễn Duy Cẩn).

(*) Dịch Thông Thư - Chu Liêm Khê.

(*) Anh nhi là ám chỉ cái tâm của đứa trẻ sơ sinh, chưa phân biệt thị phi, thiện ác… thường gọi là “xích tử chi tâm”.

(*) Xem lại chương 10.

(*) Ta không dám làm

Table of Contents

Bình chú